

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

ĐÀM THỊ THUẬN

CÁI NHÌN NHÂN BẢN VỀ HIỆN THỰC
CỦA NGUYỄN MINH CHÂU TRONG TRUYỆN NGẮN
SAU NĂM 1975

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

THÁI NGUYÊN - 2017

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

ĐÀM THỊ THUẬN

CÁI NHÌN NHÂN BẢN VỀ HIỆN THỰC
CỦA NGUYỄN MINH CHÂU TRONG TRUYỆN NGẮN
SAU NĂM 1975

Chuyên ngành: Văn học Việt Nam

Mã ngành: 60 22 01 21

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. NGUYỄN DIỆU LINH

THÁI NGUYÊN - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn “*Cái nhìn nhân bản về hiện thực của Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn sau năm 1975*” là công trình nghiên cứu của cá nhân khi kết thúc khóa đào tạo Cao học tại Trường Đại học Khoa học Thái Nguyên dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Nguyễn Diệu Linh.

Các số liệu, tài liệu tôi sử dụng trong luận văn là trung thực và có xuất xứ rõ ràng. Những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này trung thực và chưa từng công bố dưới bất kì hình thức nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017

Tác giả luận văn

Đàm Thị Thuận

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn thạc sĩ này, tác giả xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Khoa Sau đại học, Khoa Văn - Xã hội, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên và các thầy, cô giáo đã trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ trong suốt quá trình học tập.

Đặc biệt, tác giả luận văn xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới giảng viên hướng dẫn Tiến sĩ Nguyễn Diệu Linh đã luôn tận tình hướng dẫn, chỉ bảo trong suốt thời gian tác giả nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Cuối cùng, xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, người thân, bạn bè và đồng nghiệp đã giúp đỡ, động viên, tạo điều kiện để tác giả hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017

Tác giả luận văn

Đàm Thị Thuận

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	iii
MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	2
3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	8
4. Phương pháp nghiên cứu.....	9
NỘI DUNG.....	11
Chương 1: KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM SAU NĂM 1975 VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN MINH CHÂU.....	11
1.1. Khái quát diện mạo văn học Việt Nam sau năm 1975.....	11
1.1.1. Bối cảnh lịch sử xã hội và sự phát triển của văn học sau năm 1975	11
1.1.2. Yêu cầu đổi mới văn học và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam sau năm 1975.....	15
1.2. Hành trình sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu.....	20
1.2.1. Nguyễn Minh Châu - nhà văn mở đầu của thời kỳ đổi mới văn học Việt Nam.....	20
1.2.2. Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu trong dòng chảy của văn học Việt Nam.....	26
Chương 2: CUỘC SỐNG ĐỜI THƯỜNG VÀ HIỆN THỰC CHIẾN TRANH - HƯỚNG TIẾP CẬN MỚI CỦA NGÒI BÚT NGUYỄN MINH CHÂU SAU NĂM 1975.....	31
2.1. Sự chuyển hướng ngòi bút của Nguyễn Minh Châu về các vấn đề của đời sống.....	31
2.1.1. Tiếp cận đời sống từ cái nhìn đa chiều.....	31
2.1.2. Tiếp cận đời sống từ cái nhìn thế sự và triết luận.....	35

2.2. Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu về hiện thực chiến tranh	40
2.2.1. Thể hiện sâu sắc nỗi đau của con người thời hậu chiến.....	40
2.2.2. Thái độ nhìn thẳng vào sự thật.....	45
2.3. Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu về cuộc sống đời thường	52
2.3.1. Sự khẳng định và niềm tin vào con người	52
2.3.2. Cảm hứng phê phán về những mặt trái của cuộc sống	57
Chương 3: NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CÁI NHÌN NHÂN BẢN CỦA	
NGUYỄN MINH CHÂU SAU NĂM 1975.....	65
3.1. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện.....	65
3.1.1. Tình huống tương phản.....	65
3.1.2. Tình huống thắt nút	68
3.1.3. Tình huống luận đề.....	71
3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật	76
3.2.1. Sử dụng độc thoại nội tâm	76
3.2.2. Miêu tả tâm lí nhân vật	81
3.3. Giọng điệu	90
3.3.1. Giọng ngậm ngùi, xót xa thương cảm.....	91
KẾT LUẬN.....	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO	101

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Nguyễn Minh Châu là nhà văn trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và là một trong số những nhà văn lớn của văn học Việt Nam hiện đại nửa sau thế kỷ XX. Tác phẩm của Nguyễn Minh Châu không đồ sộ nhưng đa dạng về thể loại: truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, bút ký, phê bình. Các tác phẩm của ông khi miêu tả không khí hào hùng và phẩm chất cao đẹp của người Việt Nam trong chiến đấu, khi bộc lộ niềm lo âu khắc khoải và khát vọng thức tỉnh lương tâm trong cảm hứng nhân văn, nhân bản.

1.2. Sau năm 1975, đất nước ta thoát khỏi chiến tranh, bước vào giai đoạn xây dựng, phát triển trong quỹ đạo hòa bình, mở ra cho văn học những tiền đề mới. Nguyễn Minh Châu là nhà văn sớm ý thức được yêu cầu phải đổi mới tư duy văn học. Từ cảm hứng sử thi lãng mạn từng làm nên vẻ đẹp rực rỡ của truyện ngắn *Mảnh trăng cuối rừng*, *Dấu chân người lính*, ông chuyển dần sang cảm hứng thế sự- đời tư với những giá trị nhân bản đời thường. Tâm điểm khám phá nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu là con người trong cuộc mưu sinh, trong hành trình nhọc nhằn kiếm tìm hạnh phúc và hoàn thiện nhân cách. Ngôi bút của Nguyễn Minh Châu sau 1975 là ngôi bút tuyên chiến, xung phong đi đầu phơi bày hiện thực một cách đầy ý thức. Những sáng tác đặc sắc của ông ở giai đoạn này là *Bức tranh* (1982), *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* (1983), *Bến quê* (1985), *Cỏ lau* (1989) ... đã đưa tên tuổi nhà văn Nguyễn Minh Châu lên vị trí “*Người mở đường tinh anh và tài năng của văn học nước ta thời kỳ đổi mới*” (Nguyễn Ngọc).

1.3. Cái nhìn hiện thực đa chiều đã giúp Nguyễn Minh Châu nhận ra đời sống con người bao gồm cả quy luật tất yếu lẫn những ngẫu nhiên may rủi khó bề lường hết. Ông day dứt việc con người phải chấp nhận những nghịch lý không đáng có và ảm đàng sau đó là trái tim nhân hậu, ảm áp niềm tin yêu, sự trân trọng con người tốt đẹp hiện hữu giữa hiện thực đời thường của

Nguyễn Minh Châu. Ông khẳng định bên trong mỗi con người đều có hai mặt thiện- ác, nhưng lúc nào họ cũng luôn vươn lên, hoàn thiện mình, đấu tranh loại bỏ mặt tiêu cực của bản thân để giữ lại phẩm chất tốt đẹp vốn có trong mỗi con người. Ông từng nói “*Tình yêu của người nghệ sĩ vừa là niềm hân hoan say mê, vừa là nỗi đau đớn khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người xung quanh mình*” [24, 95].

1.4. Nguyễn Minh Châu là một trong số những tác giả có tác phẩm được chọn vào chương trình giảng dạy trong nhà trường phổ thông ở nhiều cấp. Trước đây là *Bức tranh*- THCS, *Mảnh trăng cuối rừng*- THPT, sau này là *Bến quê*- THCS, *Chiếc thuyền ngoài xa*- THPT. Việc nghiên cứu về truyện ngắn của ông sẽ giúp cho việc giảng dạy, phân tích và cảm nhận tác phẩm trở nên đúng hướng, sâu sắc và toàn diện hơn. Những đóng góp của Nguyễn Minh Châu đối với quá trình đổi mới văn xuôi Việt Nam hiện đại đã được nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết, nhiều nhà phê bình, nhiều cuộc hội thảo khẳng định và vinh danh. Tuy nhiên chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện về cái nhìn nhân bản thể hiện trong truyện ngắn của ông sau 1975. Chúng tôi lựa chọn đề tài “*Cái nhìn nhân bản về hiện thực của Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn sau năm 1975*” nhằm tiếp tục khẳng định những đóng góp xứng đáng của Nguyễn Minh Châu trong nền văn học dân tộc, đặc biệt là trong quá trình đổi mới của văn học Việt Nam hiện đại. Ngoài ra còn nhằm phục vụ cho việc tìm hiểu và giảng dạy về nhà văn Nguyễn Minh Châu và một số truyện ngắn tiêu biểu của ông trong trường phổ thông.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nguyễn Minh Châu được đánh giá là “người tiên trạm” trong công cuộc đổi mới văn học nên các tác phẩm của ông nhận được nhiều sự chú ý, bàn luận của giới nghiên cứu, phê bình. Trong số những bài viết quan tâm đến truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, có thể kể đến những ý kiến đáng chú ý của Trần Đình Sử, Nguyễn Văn Long, Lại Nguyên Ân, Phạm Vĩnh Cư, Bùi Việt

Thắng, Nguyễn Trọng Hoàn, Tôn Phương Lan, Trịnh Thu Tuyết, Huỳnh Như Phương, Đỗ Đức Hiểu, Hoàng Ngọc Hiến,...

Tìm hiểu về vị trí văn học sử của Nguyễn Minh Châu trong giai đoạn có nhiều biến động của văn xuôi Việt Nam đương đại, Luận án tiến sĩ của Trịnh Thu Tuyết - Đại học Sư phạm Hà Nội (2001) *Sáng tác của Nguyễn Minh Châu trong sự vận động của văn xuôi đương đại* đã khẳng định Nguyễn Minh Châu đã có những đóng góp quý giá đối với văn xuôi Việt Nam đương đại. Còn Nguyễn Văn Long, Trịnh Thu Tuyết trong cuốn *Nguyễn Minh Châu và công cuộc đổi mới văn học Việt Nam sau 1975*, NXB Đại học Sư phạm, đã đặt vấn đề nghiên cứu sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Minh Châu trong sự vận động của văn xuôi đương đại (chủ yếu từ 1975 trở đi) trên ba bình diện:

Về quá trình đổi mới ý thức nghệ thuật mà trọng tâm là quan niệm nghệ thuật về con người: từ con người được thể hiện chủ yếu ở bình diện xã hội trong những mô hình giản đơn và vận động xuôi chiều đến con người cá nhân trong đời thường với những mối quan hệ phức tạp, đa dạng.

Về thể giới nhân vật: Trước 1975, chủ yếu là dạng nhân vật loại hình, sau 1975, có các dạng nhân vật tư tưởng, nhân vật tính cách, nhân vật thế sự. Nghệ thuật xây dựng nhân vật được đổi mới nhờ vào các thủ pháp tăng cường độc thoại nội tâm; miêu tả nhân vật qua những chi tiết tâm lí chân thực, tinh tế; khắc họa nhân vật qua những chi tiết ngoại hình sinh động.

Về đổi mới kết cấu và nghệ thuật trần thuật: từ cốt truyện có hành động bên ngoài chiếm ưu thế (trước 75) chuyển sang cốt truyện không có biến cố; một số đổi mới ở các hình thức trần thuật từ ngôi thứ ba và ngôi thứ nhất; một số đổi mới về nhịp điệu trần thuật, giọng điệu trần thuật.

Với định hướng nghiên cứu như vậy, cuốn sách đã góp thêm một tiếng nói không chỉ để khẳng định vị trí tài năng của Nguyễn Minh Châu mà còn

góp phần nhận diện ở mức độ khái quát một giai đoạn văn học sử, quan sát sự vận động biến chứng của một quá trình văn học.

Sức hấp dẫn từ từng truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu đã lôi cuốn các nhà nghiên cứu đi sâu phân tích, mổ xẻ, đánh giá... Vào tháng 6 năm 1985, báo Văn nghệ đã tổ chức một cuộc *Trao đổi về truyện ngắn Nguyễn Minh Châu những năm gần đây*. Trong cuộc hội thảo này, có những ý kiến vẫn còn tỏ ra băn khoăn, nghi ngờ về những tìm tòi đổi mới của ông, cho rằng trong tác phẩm còn có điều gì đó “*mung lung*”, “*hụt hẫng*”, “*khó nắm bắt*”, “*kém đi về chân thực sinh động*”. Nhiều ý kiến khác thì đánh giá cao những tìm tòi, trăn trở trong ngòi bút của ông, ghi nhận tác phẩm của ông “*có nhiều thành tựu, có nhiều đóng góp rất đáng quý*” [30, 288-311]. Sau cuộc hội thảo, nhiều ý kiến của các nhà nghiên cứu tiếp tục bàn luận về truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, dần dần đi tới những thống nhất trong đó có sự khẳng định quá trình đổi mới tích cực và đầy hiệu quả của ông. Về những tập truyện ra đời trong giai đoạn sau này, có thể kể đến những ý kiến của Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân,...

Trần Đình Sử nhận xét rằng: “*Bắt đầu từ truyện ngắn **Bức tranh**, rồi tập **Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành** và nay là tập **Bến quê**, truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu xuất hiện như là một hiện tượng văn học mới, một phong cách trần thuật mới... Đặc sắc của tập **Bến quê** chủ yếu là sự thể nghiệm một hướng trần thuật có chiều sâu..., phát hiện các hiện tượng đời sống trong chiều sâu triết học và lịch sử, thể hiện nhu cầu chiêm nghiệm, tự đối thoại với chính mình và với ý thức của mình... Có thể nói thiên hướng muốn nắm bắt hiện thực ở bề sâu ẩn kín là một đặc điểm nổi bật mới mẻ của phong cách Nguyễn Minh Châu*” [36, 505- 508].

Lại Nguyên Ân nhận xét: “*Từ loại truyện “tự thú” mà trung tâm thường là một nhân vật tự sám hối, ...nhà văn chuyển sang thể nghiệm loại truyện tuy có dạng thức tự nhiên khách quan nhưng phê phán gay gắt những*

lối sống vô ý thức... Thêm một mức nữa, nhà văn đi tới loại truyện cũng có dạng khách quan tự nhiên, nhưng không phải để lên án phê phán đối tượng cụ thể nào mà chủ yếu để nhận thức những tình thế, những khía cạnh trái ngược vốn có trong đời sống con người...” [30, 269].

Phạm Quang Long - Đại học Sư phạm Thái Nguyên (2007) trong bài viết trên Tạp chí Văn học số 9 với nhan đề: **Thái độ của Nguyễn Minh Châu đối với con người: niềm tin pha lẫn nỗi lo âu**. Nhà nghiên cứu cho rằng “*Những tác phẩm như **Cơn giông, Bức tranh, Mùa trái cóc ở miền Nam, Cỏ lau** viết trong những năm cuối đời ông chính là sự thể hiện nỗi đau đời mà ông đã day dứt trong bao nhiêu năm ấy”[13, 318-319].*

Ngoài ra, còn có nhiều bài viết khác đi vào bình giá, phân tích giá trị của từng truyện ngắn cụ thể, trong đó có sự ghi nhận những tìm tòi đổi mới của nhà văn ở cả hai phương diện tư tưởng và bút pháp thể hiện. Ví như Hồ Hồng Quang phát hiện ra qua những tác phẩm về chiến tranh những năm 1980 của Nguyễn Minh Châu có sự chiêm nghiệm lại về cuộc chiến và người lính cách mạng và tìm hiểu hai mặt tương phản của lớp người như Lực trong **Cỏ lau** và Thái trong **Mùa trái cóc ở miền Nam**. Lực vừa là một con người anh dũng trong chiến đấu, cao thượng trong tình yêu, nhưng trong ứng xử cũng có những lúc nhỏ nhen, tự ái, bảo thủ. Lực là người anh hùng và cũng là kẻ đốn hèn.

Trong bài viết về **Cảm hứng nhân đạo của Nguyễn Minh Châu qua hai truyện ngắn Cỏ lau và Phiên chợ Giát** tác giả Hoàng Thị Văn nhận ra, nhà văn Nguyễn Minh Châu bằng tấm lòng ưu ái đối với cuộc đời nên cảm hứng tư tưởng thể hiện ở hai sắc thái vừa ngợi ca, vừa phê phán. Tinh thần ngợi ca đã “*khắc họa hình ảnh người lính với nét đẹp đời thường, thái độ lặng lẽ chấp nhận những thiệt thòi, mất mát, tâm trạng dằn vặt, trăn trở, tự vấn mình về một lỗi lầm trong quá khứ, một tình yêu duy nhất thuở chung mang theo suốt cuộc đời- đó chính là vẻ đẹp trong tâm hồn và trong cuộc đời*

sống tinh thần của người chiến sĩ” [13, 230]. Tác giả đã tìm hiểu lão Khúng, hình ảnh người nông dân với những dòng hồi tưởng, những giây phút đấu tranh tâm trạng đan xen phức tạp. Tác giả nhận ra ngòi bút của Nguyễn Minh Châu rất giàu lòng yêu thương, “*đi tìm cái hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người, miêu tả với tất cả sự đa dạng, phong phú, tiềm ẩn bên trong vẻ ngoài mộc mạc, chất phác muôn đời của người nông dân*” [13, 230]. Tác giả khẳng định “*Chính sự trân trọng và niềm tin vào những khả năng tiềm ẩn, vào cái tốt trong bản chất con người đã giúp Nguyễn Minh Châu xây dựng được hình tượng người nông dân kỳ vĩ đến vậy trong tác phẩm cuối cùng của đời mình*” [13, 234].

Khi tiếp cận truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu từ góc độ thi pháp, các ý kiến tỏ ra khá thống nhất khi đánh giá về cảm hứng sáng tác và bút pháp của ông thể hiện trong các tác phẩm. Có nhiều bài viết đi vào khai thác về một khía cạnh nào đó trong thế giới nghệ thuật của tác phẩm như không gian nghệ thuật (Lê Văn Tùng), những hình ảnh biểu tượng (Dương Thị Thanh Hiền)...

Dưới góc độ thi pháp thể loại, Bùi Việt Thắng đi vào tìm hiểu cấu trúc và tình huống trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, phân chia ra các dạng cơ bản là “*tình huống- tương phản, tình huống- thắt nút, tình huống- luận đề*” [30, 313]. Còn Phạm Vĩnh Cư lại phát hiện ra “*những yếu tố tiểu thuyết trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu*” [30, 346].

Ngọc Trai nhận xét về đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Minh Châu như sau: “*Phần lớn các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu là loại truyện luận đề - những luận đề về đạo đức, nhân văn, về tâm lí xã hội*” [30, 325].

Luận văn Thạc sĩ của Ngô Thị Mỹ Hạnh- Đại học Sư phạm Thái Nguyên (2005) về ***Đặc điểm nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*** đã giới thiệu về quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu; Nghệ thuật trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu; Cốt truyện và tình huống trong truyện ngắn của ông.

Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thị Việt Hà - Đại học Sư phạm Thái Nguyên (2006) về *Hình tượng tác giả trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu*, khai thác sâu vào khía cạnh nghệ thuật trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu về giọng điệu và sự tự thể hiện của nhà văn.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Trọng Hoàn đi sâu vào truyện ngắn *Bức tranh* để đi sâu khai thác “*cuộc đấu tranh nội tâm với khát vọng tìm tòi và phục hiện ánh sáng nhân tính trong khả năng tự thức tỉnh của con người bên trong con người*” (Bakhtin). Tác giả đi vào những trạng huống tâm lý nhân vật phức tạp với diễn biến đa chiều, những hình thức nghệ thuật đặc sắc nhằm thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm là khát vọng thức tỉnh lương tâm, hướng tới cái đẹp của sự hoàn thiện nhân cách trong cuộc sống .

Đỗ Đức Hiểu thì tìm hiểu tác phẩm *Phiên chợ Giát* như “*là một tâm trạng lớn, là những cảm xúc và những suy tư sâu thẳm, một văn bản đa thanh, một tác phẩm nghệ thuật mở, một bức tranh lạ lùng*” [13,199]. “*Phiên chợ Giát có một tâm cỡ lớn, gợi nhớ lịch sử loài người, anh hùng và đau khổ. Tình yêu ấy nâng cao tâm vóc con người*” [13, 202].

Tôn Phương Lan với cuốn *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu*, NXB Khoa học xã hội (1999), đã đi vào tìm hiểu tư tưởng nghệ thuật cũng như quan niệm nghệ thuật về con người của Nguyễn Minh Châu, tìm hiểu hệ thống nhân vật cũng như nghệ thuật trần thuật, những đặc điểm về ngôn ngữ và giọng điệu, từ đó phác họa được những nét cơ bản về phong cách nghệ thuật của nhà văn.

Ngoài ra cũng còn có nhiều ý kiến nhắc đến những giá trị tiêu biểu của truyện ngắn Nguyễn Minh Châu trong những bài nghiên cứu về văn học Việt Nam giai đoạn sau 1975 mà luận văn không thể nêu hết. Các nhà nghiên cứu đều tập trung khai thác và lý giải trên diện rộng, mỗi người có một cách tiếp cận riêng nhưng điểm gặp gỡ ở họ là xác định những đóng góp, những đổi

mới cách tân trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu. Còn đi riêng vào vấn đề giá trị nhân bản trong truyện ngắn của ông thì cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào. Chỉ có ý kiến của Võ Hồng Ngọc khẳng định Nguyễn Minh Châu là nhà văn có cái nhìn nhân bản về hiện thực. Ông cho rằng: Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau năm 1975 là sự mở đường, phát ra một lối đi mới vào cái thực tại phức tạp của đời sống, lối viết giản đơn minh họa một chiều không còn đáp ứng được nhu cầu nữa: *“Có thể coi hai truyện ngắn trước đó “Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành”, “Bến quê” và nay là “Mảnh đất tình yêu” là những nhát cuốc mở đường, phát ra một lối đi mới vào cái thực tại phức tạp đầy biến động của cuộc sống hôm nay. Những tác phẩm này thể hiện những dấu hiệu nói lên sự chuyển mình của văn học ta hiện nay, khuynh hướng dân chủ hoá, nhân bản hoá ý thức nghệ thuật, phá vỡ thi pháp cổ điển truyền thống đang ngăn cản văn học tiếp cận với đời sống”* (trong bài viết *Mảnh đất tình yêu - sự tiếp nối của những câu chuyện tình đời* đăng trên Báo Văn nghệ số 5 và 6 ngày 4/2/1988).

Những ý kiến, những nhận định, đánh giá, các bài viết và công trình nghiên cứu nêu trên là cơ sở, là tư liệu quý giá, là những định hướng vô cùng quan trọng để tìm hiểu nghiên cứu đề tài *“Cái nhìn nhân bản về hiện thực của Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn sau năm 1975”* một cách khoa học, toàn diện và hệ thống.

3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn nhằm nhận diện những giá trị nhân bản xuyên suốt các sáng tác của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975.

Đồng thời khẳng định tài năng và vị trí và những đóng góp của Nguyễn Minh Châu trong nền văn học dân tộc, đặc biệt là trong quá trình đổi mới của văn học Việt Nam hiện đại.

Mặt khác luận văn còn nhằm mục đích phục vụ cho việc tìm hiểu và giảng dạy về tác giả Nguyễn Minh Châu và một số truyện ngắn tiêu biểu của ông cho học sinh THPT.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng của luận văn là cái nhìn nhân bản về hiện thực của Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn sau năm 1975.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, NXB Văn học, Hà Nội (2006).

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thống kê, phân loại

Phương pháp này dùng để thống kê các truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu. để phân loại, chọn những truyện ngắn nào là tiêu biểu nhất thể hiện rõ cái nhìn nhân bản về hiện thực.

4.2. Phương pháp phân tích, tổng hợp

Đây là phương pháp truyền thống được sử dụng nhằm soi sáng các ý kiến đánh giá, những nhận định chung bằng các dẫn chứng cụ thể từ đó đưa ra sự đánh giá về cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu trong các truyện ngắn sau 1975.

4.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

Phương pháp này nhằm so sánh đối chiếu với một số truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu trước 1975 từ đó thấy được sự đổi mới và cái nhìn nhân bản về hiện thực trong truyện ngắn sau 1975.

4.4. Phương pháp tiểu sử

Tác phẩm, xét cho cùng, là một thứ con đẻ của nhà văn, nên theo quy luật “giỏ nhà ai quai nhà ấy”, thì nó phải in dấu những đặc điểm của người tạo ra nó. Người sáng tác luôn để cả tâm hồn, tài năng, kinh nghiệm vào tác phẩm. Vì vậy sử dụng phương pháp tiểu sử nhằm thông qua những quan niệm, cách nhìn nhận đánh giá của Nguyễn Minh Châu về văn học, con người

và hiện thực cuộc sống để tìm hiểu tác phẩm của ông được sáng rõ hơn, đúng hướng hơn.

Việc sử dụng các phương pháp trên đều nhằm mục đích nghiên cứu, khai thác đề tài đạt hiệu quả cao nhất.

5. Đóng góp của luận văn

5.1. Về mặt lý luận

Tìm hiểu biểu hiện của cái nhìn nhân bản về hiện thực trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 nhằm hiểu rõ hơn về phương diện tư tưởng trong sáng tác của nhà văn.

Nhà văn Nguyễn Minh Châu có vị trí khá đặc biệt của nền văn học Việt Nam sau 1975, vì thế nghiên cứu cái nhìn nhân bản về hiện thực trong truyện ngắn của ông cũng là cơ sở cho việc hiểu biết thêm về văn học dân tộc trong giai đoạn ấy.

Luận văn này nhằm góp phần làm rõ quan niệm, cách cảm, cách nghĩ của nhà văn Nguyễn Minh Châu về cuộc đời, về con người, về văn chương và người nghệ sĩ.

5.2. Về mặt thực tiễn

Luận văn này là một tài liệu tham khảo hữu ích trong công việc học tập và giảng dạy, nghiên cứu tác phẩm của Nguyễn Minh Châu ở các cấp học.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận văn được triển khai trong 3 chương:

Chương 1. Khái quát diện mạo văn học Việt Nam sau năm 1975 và hành trình sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu

Chương 2. Hiện thực chiến tranh và cuộc sống đời thường - hướng tiếp cận mới của ngòi bút Nguyễn Minh Châu sau năm 1975

Chương 3: Nghệ thuật thể hiện cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975

NỘI DUNG

Chương 1

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM SAU NĂM 1975 VÀ HÀNH TRÌNH SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT CỦA NGUYỄN MINH CHÂU

1.1. Khái quát diện mạo văn học Việt Nam sau năm 1975

1.1.1. *Bối cảnh lịch sử xã hội và sự phát triển của văn học sau năm 1975*

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của dân tộc ta đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Sự kiện ấy mở ra một thời kì mới cho lịch sử dân tộc- thời kì độc lập tự do. Tuy nhiên, từ năm 1975 đến 1985, đất nước ta lại gặp những thử thách, khó khăn mới, nhất là về kinh tế, chủ yếu do hậu quả nặng nề của chiến tranh tàn khốc kéo dài suốt ba mươi năm. Tình hình đó đòi hỏi đất nước ta phải đổi mới. Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VI (năm 1986) đã chỉ rõ đổi mới là “nhu cầu bức thiết” của toàn dân tộc.

Từ năm 1986, với công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo, kinh tế nước ta từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hóa cũng có điều kiện tiếp xúc rộng rãi với văn hóa nhiều nước trên thế giới. Chính sự du nhập ồ ạt của những luồng tư tưởng, văn hóa hiện đại trên thế giới đã làm cho dịch thuật, báo chí, các phương tiện truyền thông khác phát triển mạnh mẽ và tác động không nhỏ tới sự phát triển của văn học. Cùng với sự đổi mới về hoàn cảnh lịch sử, xã hội thì văn hóa- tư tưởng cũng có những chuyển biến nhất định. Sau chiến tranh, con người trở về với cuộc sống đời thường- cái đời thường phồn tạp, muôn vẻ lẫn lộn tốt xấu, trắng đen, bi hài...ý thức cá nhân với mọi nhu cầu của con người trỗi dậy. Những tác động từ mặt trái của cơ chế thị trường, tâm lí thực dụng, lối sống chạy theo hưởng thụ vật chất mà coi nhẹ các giá trị tinh thần đang chi phối phần lớn người dân, nhất là giới trẻ.

“*Cuộc sống thay đổi rất nhiều mà văn học vẫn giữ nguyên bộ quần áo cũ*” [34,15]. Nếu như trong chiến tranh trăm người như một, đồng tâm nhất trí sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp chung thì sau chiến tranh khi con người trở về với cuộc sống đời thường, đối mặt với những lo toan cá nhân, những khó khăn của cuộc sống hiện tại, mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa lợi ích chung và riêng không còn hoàn toàn thống nhất như trước. Chính sự chuyển biến của lịch sử, đời sống xã hội- văn hóa- tư tưởng đã tác động mạnh mẽ đến những đổi thay trong nhu cầu và quan niệm thẩm mỹ đòi hỏi văn học với chức năng phản ánh hiện thực cần phải đổi mới để phù hợp với nguyện vọng của nhà văn và người đọc cũng như quy luật phát triển khách quan của nền văn học.

Công cuộc đổi mới đã đáp ứng đúng nguyện vọng của các nhà văn và độc giả cũng như quy luật phát triển khách quan của lịch sử, và nó trở thành phong trào mạnh mẽ. Năm 1976 Thái Bá Lợi viết *Hai người trở lại trung đoàn*, năm 1979 Nguyên Trọng Oánh viết *Đất trắng*, Nguyễn Khải viết *Cha và con*, *Thời gian của người*, Nguyễn Mạnh Tuấn viết *Những khoảng cách còn lại*, *Đứng trước biển*, *Cù lao tràm*, Ma Văn Kháng viết *Mưa mùa hạ*, *Mùa lá rụng trong vườn*, Nguyễn Minh Châu viết *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bến quê*, Lê Lựu viết *Thời xa vắng*. Như vậy hoàn cảnh lịch sử mới đã tạo nên một nền văn học có những thay đổi rõ nét có chiều sâu, phát triển theo hướng đổi mới, dân chủ phát triển mạnh mẽ gây được sự chú ý của dư luận.

Văn học từ sau 1975 đến nay đã đi qua ba chặng đường, tuy có sự biến đổi qua mỗi chặng nhưng vẫn là sự tiếp nối không đứt đoạn:

Giai đoạn từ 1975 đến 1985 là thời kì chuyển tiếp từ văn học sử thi thời chiến tranh sang văn học thời hậu chiến. Tính chất chuyển tiếp này được thể hiện rõ ở các phương diện đề tài, cảm hứng, các phương thức nghệ thuật và cả quy luật vận động của văn học. Đề tài chiến tranh và khuynh hướng sử thi vẫn nổi trội, tuy đã có những tìm tòi và bước phát triển mới, cả ở văn xuôi và thơ.

Trong văn xuôi, một số cây bút đã nhìn lại và tái hiện những khó khăn, tổn thất, thậm chí cả những thất bại tạm thời của ta trong cuộc chiến, đây cũng là cách khẳng định những giá trị lớn lao của sự hy sinh và ý nghĩa lớn lao của cuộc chiến. Tiêu biểu là tiểu thuyết ***Đất trắng*** của Nguyễn Trọng Oánh, ***Nắng đồng bằng*** của Chu Lai.

Trong thơ, mạch cảm hứng trữ tình- sử thi vẫn tiếp tục dòng chảy mạnh mẽ cùng xu hướng nhìn lại khái quát về cuộc chiến tranh và hành trình của những thế hệ đã đi qua cuộc chiến đấu lâu dài và quyết liệt ấy. Một loạt các Trường ca viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ xuất hiện như ***Những người đi tới biển*** của Thanh Thảo, ***Đường tới thành phố*** của Hữu Thịnh, ***Sự đoàn*** của Nguyễn Đức Mậu, ***Mặt trời trong lòng đất*** của Trần Mạnh Hào...

Bước vào những năm đầu thập kỷ tám mươi, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước gặp nhiều khó khăn và rơi vào khủng hoảng ngày càng trầm trọng. Văn học cũng theo đó mà chững lại và nhiều cây bút đã lâm vào tình trạng bối rối, không tìm thấy phương hướng sáng tác. Đây là khoảng thời gian mà Nguyên Ngọc gọi là “*khoảng chân không trong văn học*”. Nhưng cũng chính trong những năm này đã diễn ra sự vận động ở chiều sâu của đời sống văn học với những trăn trở, vật vã, tìm tòi thăm lặng mà quyết liệt ở một số nhà văn mãi cảm với đòi hỏi của cuộc sống và có ý thức trách nhiệm cao về ngòi bút của mình. Đó là những người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học mà người “*mở đường tinh anh và tài năng*” đã đi được xa nhất ở chặng đầu này là Nguyễn Minh Châu với những truyện ngắn hướng vào các vấn đề thể sự- đạo đức trong đời sống hàng ngày của con người. Những tìm tòi và thành công bước đầu ấy mở ra cho văn học những hướng tiếp cận mới về hiện thực nhiều mặt, đặc biệt là cái hiện thực đời thường với những vấn đề đạo đức- thể sự đang tồn tại nổi cộm, đòi hỏi văn học phải nhận thức, khám phá.

Giai đoạn từ 1986 đến năm 1990 là thời kỳ văn học đổi mới sôi nổi, mạnh mẽ, gắn liền với chặng đầu của công cuộc đổi mới đất nước. Đường lối

đổi mới tại Đại hội VI của Đảng và tiếp theo đó là Nghị quyết 05 của Bộ chính trị, cuộc gặp của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh với đại diện giới văn nghệ sĩ vào cuối năm 1987 đã đánh dấu thời kỳ đổi mới của văn học Việt Nam trong tinh thần đổi mới tư duy và nhìn thẳng vào sự thật. Vào nửa cuối những năm 80 và đầu những năm 90 đã phát triển mạnh khuynh hướng nhận thức lại hiện thực với cảm hứng phê phán mạnh mẽ trên tinh thần nhân bản. Tiếp tục hướng tiếp cận đời sống trên bình diện thế sự- đời tư ở đầu những năm 80, nhiều cây bút đã khơi sâu vào mọi khía cạnh của đời sống cá nhân, hứng thú đi vào khám phá và thể hiện phần bản năng tự nhiên của con người, nói như Nguyễn Minh Châu “*cuộc đời vốn đa sự, con người thì đa đoan*”. Các thể loại văn học đều có sự biến đổi. Thơ gặp nhiều khó khăn và có những khoảng thời gian chững lại rõ rệt. Giữ vai trò xung kích và phát triển sôi nổi, phong phú nhất là văn xuôi với sự đa dạng của các thể truyện ngắn, tiểu thuyết, ký, phóng sự...với những tác phẩm và tên tuổi như *Thời xa vắng* của Lê Lựu, *Cỏ lau* và *Mùa trái cóc ở miền Nam* của Nguyễn Minh Châu, *Thân phận tình yêu* của Bảo Ninh, *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, ...

Giai đoạn từ 1990 đến hết thế kỷ XX, văn học trở lại với những quy luật bình thường và hướng sự quan tâm nhiều hơn vào những cách tân nghệ thuật.

Trong thơ, những cách tân theo hướng hiện đại chủ nghĩa đã thu hút được nhiều cây bút thuộc các thế hệ khác nhau: *Bóng chữ* của Lê Đạt, *Mùa sạch* của Trần Dần, *Ngựa biển* của Hoàng Hưng...Một số cây bút trẻ gây được sự chú ý bằng những tìm tòi mới, táo bạo trong hướng đi sâu vào bản thể của con người với khát vọng thành thực phơi trải tất cả mọi điều trên trang giấy như tác giả Đồng Đức Bốn, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh...

Trong văn xuôi, nổi lên hai mảng thể loại khá chú ý: Hồi ký- tự truyện và tiểu thuyết lịch sử đem đến cho người đọc những hiểu biết cụ thể, sinh động và xác thực về xã hội, lịch sử, đời sống văn học. Ví như tiểu thuyết lịch sử *Hồ Quý Ly* của Nguyễn Xuân Khánh, *Giàn thiêu* của Võ Thị Hảo.

Như vậy, văn học Việt Nam từ sau 1975, nhất là từ thời kì Đổi mới đã tồn tại và phát triển trong những điều kiện lịch sử và xã hội khác biệt rõ rệt so với thời kì chiến tranh, trong một môi trường ý thức tinh thần có nhiều biến đổi. Những điều đó đã tác động, chi phối mạnh mẽ xu hướng vận động và đặc điểm phát triển của văn học.

1.1.2. Yêu cầu đổi mới văn học và những đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam sau năm 1975

Nền văn học kháng chiến phát triển trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, khi cả dân tộc đang phải dồn tất cả tinh thần, sức lực và của cải vào cuộc chiến đấu cho độc lập tự do, thống nhất đất nước. Vì vậy, lẽ tất yếu là văn học phải hướng vào những mục tiêu, nhiệm vụ cao cả của dân tộc. Bởi vậy, hiện thực mà văn học Việt Nam giai đoạn 1945- 1975 quan tâm trước hết là những vấn đề có ý nghĩa lịch sử, liên quan đến vận mệnh của dân tộc, nhân dân. Đời sống thế sự, riêng tư ít được quan tâm thể hiện, nếu có thì cũng phải được nhìn nhận và đánh giá trên quan điểm cộng đồng. Chính vì vậy mà văn học thời chiến vẫn còn mang tính phiến diện trong việc phản ánh hiện thực đời sống bằng những mô hình mang tính giản đơn, quy phạm và hướng giải quyết có tính công thức.

Sau năm 1975, cả nước đón nhận niềm vui chiến thắng với tinh thần hào hứng, phấn khởi. Thế nhưng đời sống nhân dân còn biết bao khó khăn, đất nước vẫn còn nhiều thử thách. Sau ngày chiến thắng, đất nước phải đối đầu với những thử thách mới. Những di họa của chiến tranh còn để lại mà chúng ta không thể giải quyết trong ngày một ngày hai, đạo đức nhân cách con người bị xuống cấp... hàng loạt những vấn đề được đặt ra. Cả nước bắt tay chung sức khắc phục những hậu quả mà chiến tranh đã để lại đồng thời ra sức xây dựng cuộc sống mới, vừa bắt đầu còn biết bao bộn bề và phức tạp. Xuất phát từ hiện thực cuộc sống đó mà văn học cũng đòi hỏi phải nhanh chóng chuyển mình để phản ánh kịp thời những đổi thay đang diễn ra vô cùng

manh mẽ trong đời sống và đáp ứng nhu cầu mới của bạn đọc. Những quan niệm và cách tiếp cận hiện thực cũ đã không còn phù hợp với hiện thực nữa. Nhu cầu, thị hiếu thẩm mỹ của người đọc đã thay đổi. Chính vì vậy mà văn học muốn tồn tại, phát triển thì phải vận động theo xu thế chung của đất nước.

Sau năm 1975, đất nước ta chuyển sang nền kinh tế mới- nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, xu hướng đô thị hoá ngày càng được mở rộng, đời sống con người được nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần. Trình độ nhận thức, nhu cầu thưởng thức văn hoá văn nghệ của nhân dân cũng có nhiều đổi thay. Khi con người có đời sống vật chất đầy đủ thì sẽ muốn làm phong phú thêm đời sống tinh thần của mình. Họ không chỉ quan tâm đến những sự kiện lớn của đất nước, ôn lại lịch sử mà họ còn quan tâm nhiều hơn đến cuộc sống thường nhật, đến mỗi cá nhân và từng số phận con người. Bởi hơn lúc nào hết, khi đất nước còn chiến tranh, con người ta dành cả cuộc đời mình cho đất nước, dân tộc, thì giờ đây khi đất nước đã hoà bình, họ có điều kiện, có thời gian để chăm chút cho cuộc sống riêng của mình. Đó cũng là điều tất yếu. Chính vì vậy mà văn học đòi hỏi phải đổi mới cho phù hợp. Văn học phải có một sức khái quát lớn, hiện thực cuộc sống phải được khai thác ở cả bề rộng và chiều sâu để đáp ứng được nhu cầu bạn đọc. Sự thay đổi về thị hiếu thẩm mỹ của bạn đọc cũng chính là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy các nhà văn trên con đường sáng tạo nghệ thuật. Một số nhà văn có ý thức, có trách nhiệm, có tính sáng tạo đã trăn trở, lặn lội tìm cho mình con đường đi mới, để góp tiếng nói vào công cuộc đổi mới nền văn học dân tộc. Nhiều nhà văn đã khẳng định tên tuổi của mình bằng các tác phẩm cụ thể: như Nguyễn Khải với *Thời gian của người, Gặp gỡ cuối năm*; Lê Lựu với *Thời xa vắng*; Vũ Tú Nam với *Sống với thời gian hai chiều*; Chu Văn với *Sao đổi ngôi*; Bùi Hiền với *Tâm tưởng...* Ma Văn Kháng với *Mưa mùa hạ, Mùa lá rụng trong vườn*; Nguyễn Minh Châu với *Miền cháy, Lửa từ những ngôi nhà, Những người đi từ trong rừng ra*, các tập truyện ngắn như

Bến quê, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành, Cỏ lau... Bên cạnh đó là một thế hệ các nhà văn trẻ nhưng đã góp cho nền văn học dân tộc những tác phẩm có giá trị, như Nguyễn Mạnh Tuấn với *Đứng trước biển, Cù lao tràm*, Dương Hương với *Bến không chồng*; Bảo Ninh với *Thân phận tình yêu*; Chu Lai với *Án mày dĩ vãng* và nhiều truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Huy Thiệp... Tất cả đã góp phần tạo nên một diện mạo mới cho văn học.

Văn học Việt Nam từ khi đổi mới đã mở rộng và đào sâu sự khám phá hiện thực và con người trong tính đa dạng, phức tạp và luôn biến động trong xu thế dân chủ hoá và thức tỉnh ý thức cá nhân, tinh thần nhân bản. Văn học đã mở ra một giai đoạn mới với nhiều thành tựu mới. Văn học đã có sự đổi mới đầu tiên ngay trong quá trình nhận thức, trong phương thức tiếp cận hiện thực, trong khuynh hướng sáng tác, cả trong thi pháp thể loại. Văn học sau năm 1975, nhất là từ thời kỳ đổi mới đã đi bước tiếp xa hơn trên con đường hiện đại hoá nền văn học dân tộc, để hoà nhập sâu rộng hơn vào tiến trình văn học thế giới.

Văn học Việt Nam từ sau 1975 đã tồn tại và phát triển trong điều kiện lịch sử và xã hội khác biệt với thời kì còn chiến tranh. Điều đó đã tác động, chi phối và tạo nên những xu hướng vận động và đặc điểm của văn học, cụ thể:

Văn học vận động theo hướng dân chủ hóa: Trên bình diện ý thức nghệ thuật đã có những biến đổi quan trọng theo hướng dân chủ hóa các quan niệm về vai trò, vị trí, chức năng của văn học, nhà văn và quan niệm về hiện thực. Văn học nhấn mạnh khám phá thực tại và thức tỉnh ý thức về sự thật ở vai trò dự báo, dự cảm. Văn học còn được xem là một phương tiện cần thiết để tự biểu hiện, phát biểu tư tưởng, quan niệm, chính kiến của mỗi người nghệ sĩ về xã hội và con người. Văn học không chỉ là tiếng nói chung của dân tộc, thời đại cộng đồng mà còn là phát ngôn của mỗi cá nhân. Quan niệm về kiểu nhà văn cũng theo đó mà thay đổi, đòi hỏi ở mỗi nhà văn một nhà tư tưởng, nhà hoạt động xã hội để vừa soi sáng, khơi gợi vừa bàn bạc, đối thoại về mọi vấn

đề của cuộc sống. Từ đó, mối quan hệ giữa nhà văn và bạn đọc cũng thay đổi theo hướng dân chủ hóa để bình đẳng hơn và người đọc thực sự được tôn trọng, được quyền làm chủ. Cùng với những thay đổi trong quan niệm về nhà văn thì quan niệm về hiện thực như là đối tượng phản ánh, khám phá của văn học cũng được mở rộng và mang tính toàn diện. Hiện thực không chỉ là hiện thực cách mạng mà còn là hiện thực của đời sống hàng ngày với các quan hệ thể sự vốn dĩ đa đoan, đa sự, phức tạp. Hiện thực đó còn là đời sống của cá nhân mỗi người với những vấn đề riêng tư, số phận, nhân cách với khát vọng về mọi mặt. Xu hướng dân chủ hóa của văn học thể hiện ở các quan niệm sáng tác, từ đề tài, các kiểu kết cấu và motuyp chủ đề, cốt truyện, nhân vật cho đến giọng điệu và ngôn ngữ. Khi văn học hướng tới tinh thần dân chủ, tính đơn giọng dần nhường chỗ cho tính đa thanh, độc thoại chuyển sang đối thoại. Sự chuyển biến ấy có thể nhận ra rất rõ trong các thể loại và nhiều cây bút tiêu biểu sau 1975 như trong các sáng của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng...

Tinh thần nhân bản và sự thức tỉnh ý thức cá nhân là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo bao trùm lên các sáng tác văn học trong giai đoạn này. Từ sau 1975, khi cuộc sống dần trở lại với những quy luật bình thường của nó, con người trở về với muôn mặt đời thường, phải đối mặt với bao nhiêu vấn đề trong một giai đoạn có nhiều biến động, đổi thay của xã hội. Bối cảnh đó đã thúc đẩy sự thức tỉnh ý thức cá nhân, đòi hỏi sự quan tâm đến mỗi người và từng số phận. Sự thức tỉnh trở lại ý thức cá nhân đã mở ra cho văn học nhiều đề tài và chủ đề mới làm thay đổi quan niệm về con người. Văn học ngày càng đi tới một quan niệm toàn vẹn và sâu sắc hơn về con người mà nền tảng cơ bản của quan niệm ấy là tư tưởng nhân bản. Con người vừa là điểm xuất phát, là đối tượng khám phá chủ yếu vừa là cái đích cuối cùng của văn học. Đồng thời con người cũng là điểm quy chiếu, là thước đo giá trị của mọi vấn đề xã hội, mọi sự kiện và biến cố lịch sử. Con người bao giờ cũng là đối

tượng nhận thức trung tâm của văn học nghệ thuật. Và sáng tác văn học nghệ thuật bao giờ cũng là một cái nhìn về các đối tượng nhận thức mà trước hết là con người.

Nhà văn Nguyễn Minh Châu trong một lần trả lời phỏng vấn của báo Văn nghệ đầu năm 1986 đã phát biểu: *“Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó là con người”*. Con người trong văn học giờ đây được nhìn nhận ở nhiều vị thế và trong tính đa chiều của mọi mối quan hệ: con người xã hội, con người lịch sử, con người của gia đình, dòng tộc, con người với phong tục tập quán, với thiên nhiên, với những người khác và với chính mình...Con người cũng được văn học khám phá, soi chiếu ở nhiều bình diện và nhiều tầng bậc: ý thức và vô thức, đời sống tư tưởng, tình cảm và đời sống tự nhiên, bản năng, khát vọng cao cả và dục vọng tầm thường, giữa con người thiên thần và ác quỷ, giữa con người cao cả và tầm thường, con người cụ thể, cá biệt và con người trong tính nhân loại phổ quát. Điều quan trọng là văn học cảm thông thấu hiểu và đòi hỏi con người sự thức tỉnh ý thức để hướng tới cái thiện, cái đẹp và sự hoàn thiện nhân cách.

Văn học phát triển phong phú, đa dạng, phức tạp, hướng tới tính hiện đại. Sự đa dạng và phong phú được thể hiện trên nhiều bình diện của văn học: Đa dạng về đề tài, phong phú về thể loại, nhiều tìm tòi về thủ pháp nghệ thuật, đa dạng về phong cách và khuynh hướng thẩm mỹ. Trong xu thế hội nhập, sự giao lưu với đời sống văn hóa và văn học thế giới ngày càng mở rộng, văn học ngày càng gia tăng tính hiện đại. Văn xuôi có nhiều đổi mới về nghệ thuật tự sự, từ sự thay đổi điểm nhìn trần thuật đến xây dựng nhân vật, độc thoại nội tâm và dòng ý thức, tính đa thanh và đa giọng điệu.

Như vậy, từ sau năm 1975, nhất là từ năm 1986, cùng với đất nước, văn học Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới. Văn học vận động theo hướng dân chủ hóa, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc; có tính chất hướng nội, quan tâm nhiều hơn tới số phận cá nhân trong những hoàn cảnh phức tạp, đời thường; có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật.

1.2. Hành trình sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu

Những sáng tác của Nguyễn Minh Châu trước 1975 như tiểu thuyết *Cửa sông* (1966), *Dấu chân người lính* (1972) và tập truyện *Những vùng trời khác nhau* (1970) đã phản ánh kịp thời những hình ảnh sinh động của cuộc chiến và hình tượng cao đẹp của con người Việt Nam thuộc nhiều thế hệ. Đồng thời nhà văn cũng phát hiện và suy ngẫm về nhiều vấn đề của đời sống xã hội và số phận con người trong chiến tranh đã được ông ghi lại trong nhiều trang sổ tay để rồi sau này đã trở thành những vấn đề chủ đạo trong sáng tác thời hậu chiến.

Sau 1975, Nguyễn Minh Châu đã nhận ra những hạn chế của nền văn học thời chiến tranh nên đã chủ động tìm kiếm con đường đổi mới sáng tác của chính mình. Hai cuốn tiểu thuyết *Miền cháy*, *Lửa từ những ngôi nhà* (1977) đã đem lại một sắc diện mới trong sáng tác của nhà văn. Qua đó ông muốn cảnh báo về những hiểm họa của cái xấu, cái ác đang mọc ra ngay trong hàng ngũ cách mạng sau ngày chiến thắng. Đặt người lính vào trong môi trường sinh hoạt ngày thường ở hậu phương và dự báo trước về những trở ngại đang chờ đón họ. Ngoài ra còn có hai tiểu thuyết *Những người đi từ trong rừng ra* (1982) và *Mảnh đất tình yêu* (1987). Tuy nhiên, chỉ đến những truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu giai đoạn này mới thật sự tạo nên tiếng vang trong đời sống văn học, đó là những tìm tòi mới, cái nhìn mới về hiện thực con người.

1.2.1. Nguyễn Minh Châu - nhà văn mở đầu của thời kỳ đổi mới văn học Việt Nam

Xuất phát từ yêu cầu chung của văn học và thời đại là cần phải đổi mới, nhà văn Nguyễn Minh Châu đã tự làm mới mình và góp phần vào sự đổi mới của nền văn học một cách âm thầm mà vô cùng mạnh mẽ, quyết liệt và triệt để, không chỉ trong sáng tác mà biểu hiện ở ngay cả trong tư duy nghệ thuật của nhà văn. Ông là nhà văn đặt nền móng toàn diện và sâu sắc cho sự đổi mới cả về quan niệm nghệ thuật lẫn phương thức biểu đạt.

Nguyễn Minh Châu là nhà văn thuộc lớp nhà văn bắt đầu cầm bút từ những năm Miền Bắc hoà bình và xuất hiện trên văn đàn trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Trong thế hệ đó, Nguyễn Minh Châu là người cảm nhận sớm nhất, sâu xa nhất những yêu cầu cấp bách của công cuộc đổi mới toàn diện: đổi mới đất nước, đổi mới xã hội, con người và đổi mới văn học... Ông đã tìm tòi sáng tạo và đổi mới cách nhìn, cách viết trong sự âm thầm, khiêm nhường nhưng cũng rất kiên định và dũng cảm. Nhà văn đã bước những bước đi chậm rãi nhưng lại rất chắc chắn, không ồn ào mà lặng lẽ đi tiên phong trên con đường đổi mới.

Với Nguyễn Minh Châu đổi mới trước hết phải là sự tự đổi mới chính mình. Nên con đường đi dù có nhiều chông gai, trắc trở thì nhà văn cũng đã rất dũng cảm phát biểu những suy nghĩ, trăn trở, tìm tòi của mình qua các bài tiểu luận phê bình và đã dũng cảm gợi ý tư tưởng đánh giá lại giai đoạn văn nghệ minh họa. Ông đã sớm nhận ra và ý thức được những mất mát, thiệt thòi to lớn của một nền văn nghệ minh họa mà chính một thời nhà văn đã tham dự: *“mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa, kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ đã có sẵn mà chúng ta quy cho đấy đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn...Thật thiệt to lớn nhất của văn nghệ minh họa của ta là từ đấy những nhà văn đánh mất cái đầu và những tác phẩm văn học đánh mất tính tư tưởng... Như một người đánh mất phần hồn chỉ còn phần xác, hoặc chỉ còn cái phần hồn do nhà nước bao cấp...Chúng ta phải nhìn lại kỹ càng cái hành trình văn học đã đi qua bằng con mắt thông minh, không phiến diện và thực sự cầu thị, để một mặt không phủ định tất cả, một mặt khác, với một tinh thần tự phê phán thấy cho được rằng: có thể đôi khi với động cơ tốt chúng ta đã trói buộc lẫn nhau trong một thời gian hơi quá dài của mấy lớp người cầm bút, trong khi lại đòi hỏi phải có những tác phẩm lớn. Thật là mâu thuẫn”* (Báo Văn nghệ, Hà Nội, số 49 & 50 (5-12-1987). Nguyễn Minh Châu đã dũng

cảm cứu vẫn một nền văn chương đang ở trong tình trạng nhạt nhòa và có nguy cơ đánh mất công chúng của mình. Bởi lẽ cảm hứng sử thi ca ngợi thường ra đời và gắn liền với chiến tranh bảo vệ sự tồn vong của dân tộc, còn khi hòa bình thì cảm hứng này không có lý do gì để tồn tại nữa mà là lúc chúng ta cần bắt tay ngay vào việc mưu sinh và dựng xây đất nước. Theo đó, cảm hứng về hiện thực cuộc sống đời thường, về số phận của những con người nhỏ bé dần hiện ra và lớn lên trong mắt nhà văn. Nên việc cắt bỏ cái đuôi “*văn học minh họa*” của thời chiến tranh và kinh tế bao cấp là điều nên làm. Tuy nhiên, không phải ai cũng dám dũng cảm nói ra sự thật ấy, ngoại trừ Nguyễn Minh Châu.

Cùng với những sự giằng xé trong tâm can là những kinh nghiệm và cả những nhận thức của người đã từng đi qua chiến tranh...là những động lực thôi thúc nhà văn Nguyễn Minh Châu tự mở một lối đi cho mình trên con đường sáng tạo nghệ thuật. Nhà văn đã đề ra nhu cầu đổi mới cho cả một thế hệ nhà văn. Cùng với ông còn có nhiều nhà văn như Lê Lựu, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải, Chu Văn...Họ đã thắp lên lòng nhiệt tình đi tìm kiếm chân lý và dự báo cho sự tự đổi mới của nền văn học Việt Nam hiện đại.

Là nhà văn mặc áo lính, Nguyễn Minh Châu ý thức hết sức sâu sắc về sứ mệnh thiêng liêng của người cầm bút trong giai đoạn khốc liệt nhất của cuộc chiến. Tâm niệm sáng tác trở thành cháy bỏng trong ông lúc này là hướng đến cuộc đấu tranh vì quyền sống của cả dân tộc, do vậy nhà văn đã dành gần nửa cuộc đời để say sưa ngợi ca, mãi mê khám phá vẻ đẹp lung linh, kỳ ảo của cuộc sống và tâm hồn con người trong chiến tranh vệ quốc. Đó là những con người ngập tràn tình cảm lãng mạn, trẻ trung tươi tắn như Lãm, Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng*, cô gái mang “*niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống*”, niềm tin ấy “*như sợi chỉ xanh óng ánh, bao nhiêu bom đạn giội xuống, cũng không hề đứt, không thể nào tàn phá nổi*”. Đó là Kinh, Lữ, Khuê, Cận, Lượng trong *Đấu chân người lính*.

Khi đất nước hòa bình, từ giữa cuộc sống đầy bất trắc với những cách khu xử bất thường của thời chiến, con người trở về với cái bản chất người

thực sự vốn có, do vậy văn chương để phụng sự được con người cũng cần phải khác. Qua dần vật rồi quyết tâm nhà văn đã chọn cho mình hướng đi mới: lấy con người làm đối tượng khảo sát thay cho hiện thực đời sống. Tự tìm đường đi cho nghệ thuật, khám phá, đào sâu vào bản chất con người, theo Nguyễn Minh Châu văn chương là câu chuyện của mỗi người. Có thể xem *Miền cháy* là tác phẩm đánh dấu bước chuyển mình của Nguyễn Minh Châu từ chủ nghĩa hiện thực đậm đà chất lãng mạn cách mạng và cảm hứng sử thi bước sang chủ nghĩa hiện thực tỉnh táo. Gương mặt những người anh hùng hiện lên trong những trang viết này đầy khắc khổ, dần vật, và đau đáu hoài niệm. Bỗng chốc người đọc như ngộ ra chân lý nghiệt ngã: người Việt Nam bước ra khỏi cuộc chiến cũng cần phải có bản lĩnh không kém khi tham gia cuộc chiến. Mảnh đất miền Trung xác xơ trong lửa đạn là “*miền cháy*”- sau khói lửa đạn bom phải bắt đầu từ cái gì để nhanh chóng hồi sinh trước ngồn ngạn đổ nát và bộn bề lo toan. Nhà văn muốn cầu nguyện cho những con người bị đẩy về bên kia chiến tuyến được quay về với yên ấm gia đình.

Tiểu thuyết *Lửa từ những ngôi nhà* càng khắc họa rõ nét hơn bộ mặt khắc khổ của những người lính là anh hùng nơi chiến tuyến nhưng xa lạ với lo toan đời thường, sống bất an trong hòa bình. Cuộc sống hiện lên trên trang viết của ông đa chiều, đầy những vết nham nhở sần sùi của niềm vui lẫn nỗi buồn, sự vật vã, bức bối đầy phức tạp và biến động. Nhà văn đã tìm thấy những miền khuất lấp của chiến tranh, của tâm hồn con người, điều mà trước đây, do nhiều nguyên nhân buộc ông phải nhìn nhận khác. *Bức tranh* là truyện ngắn đánh mốc cho hành trình sáng tạo văn học, dự báo một quan niệm, một mô hình, một bút pháp hoàn toàn mới. Trong *Bức tranh*, con người lý tưởng biến mất, thay vào đó là con người đa nhân cách: có cả tốt đẹp lẫn đốn hèn. Chiến tranh không chỉ mang ánh hào quang mà còn có cả mất mát, đốn đau, giả dối; Chiến tranh còn làm “*cho người ta hư đi hơn là làm người ta tốt hơn*”; con người cũng không còn lấp lánh vẻ đẹp thiên thần mà hội tụ cả

những ham muốn tầm thường, thấp hèn. Ở *Mùa trái cóc ở miền Nam* đã cho thấy những chiêm nghiệm đau đớn như thế. Hàng loạt những thể nghiệm sau *Bức tranh* như các truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Chiếc thuyền ngoài xa*,

Một lần đối chứng, *Khách ở quê ra*, *Phiên chợ Giát*, đến *Cỏ lau* đã khẳng định chắc chắn thêm về cách tiếp cận hiện thực nhìn từ góc độ nhân bản.

Nếu ở giai đoạn văn học trước, con người là phương tiện biểu đạt lịch sử thì lúc này ở nhà văn lịch sử lại trở thành phương tiện để biểu đạt con người. Trên cơ sở đổi mới quan niệm nghệ thuật ấy, Nguyễn Minh Châu đã nhìn sâu vào tâm thức con người để phát hiện những khao khát riêng tư, sự xung đột kỳ vọng giữa họ và thực tế khách quan. Hình ảnh Quý trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* đã mang đến cho người đọc nhiều ám ảnh: nơi cánh rừng Trường Sơn trong những cuộc chiến khốc liệt nhất Quý đã từng là “*nàng công chúa*” nhưng lúc quay về đời thường người đàn bà này lại mang căn bệnh mộng du. Những suy tư, trăn trở bao lâu mà Quý áp ủ bằng trái tim rỉ máu, bằng khát vọng mãnh liệt bỗng nhiên trở nên hài hước và cứng nhắc giữa thường nhật cuộc đời. Quý tự hiểu mình, hiểu người, hiểu đời, hiểu tất các những nỗi đau riêng chung tê dại. Hòa bình đã không thể làm lành hết những vết thương ở trong cô. Có lẽ vì thế Quý luôn phải sống cô đơn, phiêu du cùng hoài niệm. Sự khắc nghiệt của chiến tranh là thế, sự khắc nghiệt đó đã in dấu lên cuộc đời của mỗi con người. Ở *Cỏ lau*, chiến tranh không chỉ ám ảnh bằng hình ảnh núi Đọi với những người đàn bà ôm con chờ chồng đến mỗi mòn hóa đá, là bờ cỏ lau hoang dại có sức sống man rợ mà chua chát, đau đáu hơn vẫn là cảm giác cô đơn nơi Lục- một người lính quay lại quê hương sau cuộc chiến. Mọi thứ đối với anh đã được sắp xếp lại theo trật tự mới mà dấu hoàn toàn ngoài ý muốn chủ quan của mình thì con người cũng trở nên bất lực. Bi kịch cuộc đời Lục cũng chính là bi kịch của chiến tranh.

Đặc biệt với lão Khúng trong *Phiên Chợ Giát*, anh nông dân suốt đời đi sau con bò vạch những luống cày trong đêm tối- hình ảnh điển hình của nông dân Việt Nam làm ăn cá thể lạc hậu. Suốt cuộc đời lão Khúng vắt kiệt sức lực của mình, của vợ con cho đất nước nhưng đến đời con lão chúng còn phải đi xa hơn nữa, đến với miền đất còn nhọc nhằn hơn. Lão và con bò Khoang- công cụ lao động hiệu quả nhất- luôn gắn bó với nhau. Khi lão quyết định thả nó về rừng cũng chính là khi nó đã quá quen với cái ách nô lệ trên cỏ, vĩnh viễn quên mất tự do. Sự trở về của con bò Khoang ở cuối truyện là sự trở về của bi kịch con người... Dường như mỗi lúc Nguyễn Minh Châu lại về gần hơn với nông dân, với làng quê miền Trung đói nghèo, lam lũ của mình; mỗi lúc càng như hiểu rằng chiến tranh đi qua, thời gian đi qua mà sao nỗi cay cực của những kiếp người vẫn cứ chất chồng thêm. Chính từ cách nhìn nhận hiện thực và quan niệm nghệ thuật về con người thay đổi nên tất yếu giọng điệu trong những trang viết sau này của Nguyễn Minh Châu không thể đạt dào cảm xúc lãng mạn, hào sảng, say mê, bay bổng như trước nữa. Giọng văn ông giờ đây từng trải, trầm tĩnh hơn và xen lẫn chút chiêm nghiệm và suy ngẫm. Điều này thể hiện khá rõ qua phát ngôn và tính cách của các nhân vật trong một số tác phẩm như *Quỳ*, *Lục*, *Phi Phi*, *Thai*, *Lão Khúng* v.v... Họ đầy suy tư, chiêm nghiệm khi nói về mình và mọi người, kể cả cách thể hiện niềm vui, nỗi buồn cũng khác. Màu sắc triết lý đã phảng phất đâu đó trong các truyện ngắn về sau của nhà văn và thoáng cả chút hơi hướng của cái bi không thể tránh khỏi.

Những sáng tác của Nguyễn Minh Châu từ những năm 80: *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bức tranh*, *Con giông* đặc biệt sáng tác ở giai đoạn cuối: *Cỏ lau*, *Mùa trái cóc ở miền Nam*, *Phiên chợ Giát* đã có sự chuyển đổi rõ rệt. Thay vì chiến tranh, bom đạn, nhà văn đi sâu vào tình người, tình đời. Thay vì phản ánh số phận cá nhân khuất chìm trong số phận của cả cộng đồng, Nguyễn Minh Châu lấy số phận cá nhân làm khởi điểm,

làm mục tiêu hướng tới, là trung tâm nghệ thuật. Khi phơi bày những số phận con người, ông cố gắng khám phá chiều sâu của tâm lý và tính cách cũng như tầm khái quát xã hội của nó. Trang viết của nhà văn do vậy đã đạt đến một chiều sâu nhân bản mới. Đó thực sự là những thành tựu nghệ thuật đặc sắc “*được hình thành từ những sự tích tụ sắc sảo, đầy trăn trở*” của nhà văn. Như vậy, có thể thấy Nguyễn Minh Châu là người “*tiền trạm*” xuất sắc cho văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới. Nói như Nguyễn Khải, sau này đã có người đứng trên vai ông để mà to lớn hơn nhưng vị trí tiên phong và những cống hiến có tính chất khai phá của ông là không thể phủ nhận. Tìm ra hướng đi mới cho văn học cả trên bình diện nội dung phản ánh lẫn bút pháp thể hiện, nhà văn đã công khai với bạn đọc một cách viết mới: hiện đại mà vẫn đậm đà truyền thống. Ông đã đi được một chặng đường xa, dù nhọc nhằn nhưng thật nhiều ý nghĩa. Từ Nguyễn Minh Châu, vấn đề con người với số phận riêng cùng vô vàn trăn trở âu lo đã được văn học quan tâm khai thác ở cách nhìn mới. Nhà văn Nguyễn Minh Châu của chúng ta giờ đây không còn nữa nhưng những gì mà ông đã để lại thật có ý nghĩa lớn lao. Nguyễn Minh Châu xứng đáng “*là người kế tục xuất sắc những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rạch rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này*” (Nguyễn Khải).

1.2.2. Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu trong dòng chảy của văn học Việt Nam

Nhân bản là lấy con người làm gốc. Nhân bản coi trọng con người với thực thể hiện hữu của nó - sự sống còn và bản chất người (bao gồm cả bản năng vốn có và những giá trị khác). Do đó nói tới nhân bản là nhấn mạnh đến khía cạnh bản thể của con người. Khái niệm “nhân bản” thể hiện xu hướng nhìn nhận đánh giá con người như bản thể vốn có của nó. Nghĩa là trong con người có cả “*phần con và phần người, cao cả và hèn hạ*” (Thạch Lam), “*cả rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ*” (Nguyễn Minh Châu), đồng

thời thiên về khẳng định những phương diện trần tục của con người. Nhân bản là cái gốc của con người, là thái độ sống, thái độ nhìn đời, thái độ cư xử của một người. Nói một cách ngắn gọn thì nhân bản là tính chất người của con người.

Nghiên cứu văn học dùng khái niệm nhân bản như là một khái niệm công cụ để tạo ra một hệ quy chiếu có hiệu quả mang tính chất tập trung trong việc nhận thức của tác giả, tác phẩm văn học mà Nguyễn Minh Châu và các truyện ngắn sau 1975 của ông là một ví dụ. Với Nguyễn Minh Châu, văn chương cũng như con người đều là những biểu hiện của ứng xử nhân bản.

Mỗi nhà thơ, nhà văn đều muốn có cái nhìn nhân bản bởi “*văn học là nhân học*”. Lấy con người làm tác định lượng và gốc của mọi giá trị, từ văn học cổ trung đại, đến văn học hiện đại, nhân bản luôn là sợi dây xuyên suốt mọi tư tưởng. Chỉ có điều ở mỗi nhà văn, nhà thơ thể hiện cái nhìn nhân bản ở mỗi khía cạnh khác nhau mà thôi.

Cái nhìn nhân bản là nền tảng tư tưởng và cảm hứng chủ đạo bao trùm lên các sáng tác văn học từ sau 1975. Từ sau 1975, cuộc sống dần trở lại với những quy luật bình thường của nó, con người trở về với muôn mặt đời thường, phải đối mặt với bao nhiêu vấn đề trong một giai đoạn có nhiều biến động, đổi thay của xã hội. Bối cảnh đó đã thúc đẩy sự thức tỉnh ý thức cá nhân, đòi hỏi sự quan tâm đến mỗi người và từng số phận. Văn học ngày càng đi tới một quan niệm toàn vẹn và sâu sắc hơn về con người mà nền tảng cơ bản của quan niệm ấy là cái nhìn nhân bản. Văn xuôi có nhiều đổi mới về nghệ thuật tự sự, từ sự thay đổi điểm nhìn trần thuật đến xây dựng nhân vật, độc thoại nội tâm và dòng ý thức, tính đa thanh và đa giọng điệu... Và những năm đầu của thời kì đổi mới đã phát triển sôi nổi một khuynh hướng trong văn xuôi, có thể gọi là khuynh hướng nhận thức lại. Để đáp ứng yêu cầu nhìn thẳng sự thật, nhiều cây bút đã nhìn lại hiện thực của thời kì vừa qua. Vì vậy, bên cạnh ca ngợi nhân cách, lẽ sống, niềm tin, khát vọng của con người, các

tác giả còn mạnh dạn vạch trần những hiện tượng tha hoá về đạo đức và suy thoái về nhân cách trong đời sống chiến đấu, cũng như phơi bày những mặt trái còn bị che khuất, những hiện tượng tiêu cực, những mặt lạc hậu, trì trệ trong cuộc sống, lên án những lực lượng, những tư tưởng của thói quen đã lỗi thời, trở thành vật cản trên bước đường phát triển của xã hội. Chiến tranh cũng được nhận thức lại từ sự tác động ghê gớm của nó đến tính cách và số phận con người, với bao nhiêu nỗi éo le, bi kịch, xót xa với nỗi buồn dai dẳng. Nếu không có tiểu thuyết **“Nỗi buồn chiến tranh”** của Bảo Ninh làm sao ta có thể hình dung được mặt trái của chiến tranh khắc nghiệt đến thế. Không ai có thể ngờ, trong lúc bom rơi đạn lạc, cái sống cái chết cách nhau trong gang tấc vậy mà vì bản năng họ có thể chà đạp lên một con người.

Trong xu hướng dân chủ hoá của xã hội, văn học còn là một phương tiện cần thiết để tự thể hiện, bao gồm cả việc phát biểu tư tưởng, quan niệm, chính kiến của mọi nghệ sĩ về xã hội và con người. Hiện thực không chỉ là hiện thực cách mạng, các biến cố lịch sử và đời sống cộng đồng mà nó còn là hiện thực của đời sống hàng ngày đối với các quan hệ thế sự vốn dĩ đa đoan đa sự, phức tạp chằng chịt, đan dệt nên những mạch nổi, mạch ngầm của đời sống. Nó còn là đời sống cá nhân của mỗi con người với những vấn đề riêng tư, số phận, nhân cách, với khát vọng mọi mặt, cả hạnh phúc, cả bi kịch. Tiểu thuyết **Thời xa vắng** của Lê Lựu đã phản ánh một hiện thực cuộc sống phức tạp bởi sự chi phối của hủ tục lạc hậu, “nạn tảo hôn”, nó đã khiến cho Giang Minh Sài trở thành con người sống phân thân thành hai con người: một con người vui vẻ chấp nhận cuộc sống hiện tại vào ban ngày và một con người đau đớn về tinh thần khi đêm về. Mà điều đáng nói ở đây là hai con người ấy hình thành từ lúc Sài mới mười bốn tuổi. Cuộc sống đầy bi kịch tinh thần, không có hạnh phúc của Sài là hồi chuông báo động tình trạng xuống cấp và không còn phù hợp với thời kì đổi mới này.

Gắn liền với sự thức tỉnh ý thức cá nhân là cảm hứng khám phá, nghiền ngẫm hiện thực và cố bày tỏ tư tưởng riêng trong việc đổi mới tư duy của nhà văn trong sáng tạo nghệ thuật. Bởi thế trong văn học xuất hiện nhiều đề tài, chủ đề mới với sự nhìn nhận, khám phá con người ở nhiều vị thế, nhiều bình diện và tầng bậc khác nhau trên nền tảng của cái nhìn nhân bản qua một loạt tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, *Mảnh đất lắm người nhiều ma* của Nguyễn Khắc Trường, *Bến không chồng* của Dương Hương... Trong các truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu như *Bến quê*, *Bức tranh*, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Cỏ lau*, *Chiếc thuyền ngoài xa*... nhân vật hiện lên vừa là con người chức năng phận vị, vừa là con người giữ tiết lại có con người cá nhân- bản ngã. Nhưng có lẽ con người tiêu biểu nhất là con người nhân bản- đời thường, nghĩa là nhìn con người trong dạng thái một thực thể sinh động tự nhiên với những nhu cầu thể chất và tinh thần mà “*cơ thể và nhân cách sống của con người có thể có được*” (K.Marx). Nguyễn Minh Châu là một trong những tác giả nói được một cách xúc động, thấm thía nhất về đói no, ấm lạnh của người dân trong cuộc sống đời thường, những ly hợp, buồn vui của tình người muôn thuở, không thoát khỏi những lo toan của bài toán sinh tồn, những giằng mắc của tình người, tình đời. “*Tôi là người, và tất cả những gì thuộc về con người không hề xa lạ đối với tôi*” (Xuân Diệu). Hiện thực cuộc sống sau chiến tranh đã làm thay đổi hướng tiếp cận mới trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu những cảm nhận nhân bản đẹp đẽ về con người đời thường. Cũng từ đây, Nguyễn Minh Châu và những nhân vật của ông thực sự gắn mình với thế giới đời thường và con người đời thường, nghĩa là con người dám tước bỏ hết mọi hào nhoáng, ràng buộc cách biệt mình với thời cuộc- những con người thực sự nhân bản.

Tiểu kết chương 1: Trong quá trình đổi mới của văn xuôi Việt Nam thời kỳ đổi mới thì quá trình tự đổi mới của nhà văn Nguyễn Minh Châu đã gây một sự chú ý lớn đối với bạn đọc và với cả các nhà nghiên cứu, phê bình.

Nguyễn Minh Châu là nhà văn có những trăn trở, tìm tòi đổi mới sớm nhất trong quan niệm nghệ thuật về con người, về đề tài và những cách tân trong nghệ thuật văn xuôi tự sự. Với một tư duy nghệ thuật mới nhà văn Nguyễn Minh Châu đã hướng ngòi bút của mình đi sâu khám phá những phức tạp và nhiều cung bậc tình cảm trong tâm hồn con người. Cái điều mà ông tìm thấy chính là ở trong mỗi con người có cả cái tốt đẹp lẫn xấu xa, có cao thượng, có thấp hèn... Và ông luôn lo lắng, băn khoăn về những điều còn khiếm khuyết và những mặt còn hạn chế trong con người. Ông mong muốn hướng họ đến những điều tốt đẹp, hướng đến một sự hoàn thiện con người. Bởi vậy mà mọi sáng tác của ông sau 1975 đều dựa vào cái nhìn nhân văn, nhân bản sâu sắc.

Chương 2

CUỘC SỐNG ĐỜI THƯỜNG VÀ HIỆN THỰC CHIẾN TRANH - HƯỚNG TIẾP CẬN MỚI CỦA NGÒI BÚT NGUYỄN MINH CHÂU SAU NĂM 1975

2.1. Sự chuyển hướng ngòi bút của Nguyễn Minh Châu về các vấn đề của đời sống

2.1.1. Tiếp cận đời sống từ cái nhìn đa chiều

Nguyễn Minh Châu hướng ngòi bút viết về hiện thực đời sống bằng cái nhìn đa chiều. “*Khẳng định cái đẹp, cái chất thơ của đời sống nhưng Nguyễn Minh Châu không thi vị hóa cuộc sống, không nhìn cuộc sống một chiều, dễ dãi. Cuộc sống có cả ánh sáng và bóng tối, cuộc đấu tranh giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cái thiện và cái ác, giữa nhân bản và phi nhân bản là cuộc đấu tranh vĩnh viễn, chất anh hùng ca và chất bi kịch của đời sống đi liền với nhau*” [40, 263]. Nguyễn Minh Châu quan niệm: phải nhìn nhận con người từ nhiều phương diện khác nhau, có vậy mới đánh giá thoả đáng về con người. Những truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu đều lấy con người làm đối tượng chính để khám phá. Đặc biệt là tập ***Bến quê*** - tập truyện có vị trí quan trọng trong hành trình đổi mới cách viết của nhà văn, ra mắt độc giả năm 1985 gồm 9 truyện là: *Con giông, Hương và Phai, Lũ trẻ ở dãy K, Dấu vết nghề nghiệp, Bến quê, Chiếc thuyền ngoài xa, Một lần đối chứng, Khách ở quê ra, Sống mãi với cây xanh*.

Cuộc đời nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn ***Bến quê*** được nhà văn nhìn nhận từ nhiều góc độ: xã hội, gia đình, bản thân. Trong mối quan hệ với xã hội, Nhĩ là một người hoàn hảo, thành đạt và đã từng đi không sót một xó xỉnh nào trên trái đất. Nhưng trong quan hệ với gia đình Nhĩ lại chưa hoàn hảo. Đặc biệt đối với vợ, Nhĩ đã để gánh nặng mưu sinh dồn lên vai Liên và Nhĩ tự nhận thấy: suốt đời anh chỉ làm khổ vợ mà thôi... Trong những ngày cuối đời bệnh tật này, trước mắt lũ trẻ hàng xóm, Nhĩ lại nhận thấy hoàn cảnh

của mình thật buồn cười y như một chú bé mới đẻ đang toe toét miệng cười với tất cả, tận hưởng sự thích thú được chúng chăm sóc và chơi với... Chính vì được nhìn từ nhiều góc độ như trên mà nhân vật Nhĩ hiện lên chân thực, sinh động: vừa hoàn thiện trong mối quan hệ với xã hội, vừa không hoàn thiện trong quan hệ với gia đình, bản thân. Đây chính là kiểu con người bất toàn, phi lí tưởng, hoàn toàn khác kiểu con người lí tưởng trong các sáng tác trước đây của Nguyễn Minh Châu.

Cũng như Nhĩ, nhân vật cô Hoàng trong *Lũ trẻ ở dãy K* được nhìn nhận từ hai mặt: tích và tiêu cực. Cô Hoàng là một người đàn bà miền Nam đã vào trạc xấp xỉ năm mươi, rất thích ăn mặc và hay khoe. Chiều chiều bên vòi nước công cộng cô xuất hiện với những bộ quần áo mới may bằng kiểu mặc trong nhà, mà thứ hàng nào cũng khiến cho những đứa con gái trẻ ưa thích. Bọn trẻ con thì lại quý cô bởi cô rất hay cho chúng ăn những loại kẹo ngon mà chỉ có khi tết đến nhà chúng mới dám mua; chúng còn quý cô bởi cô đã đem đến cho chúng con cún nhĩ thể tuyệt đẹp mà không ai có thể coi đó là một con chó bình thường được. Đặc biệt với thiện ý vô tư và thật lòng cô đã giúp Huân - một thanh niên côn đồ trở thành người lương thiện. Ở phần tích cực này, phần bản năng hồn nhiên trong người đàn bà tốt bụng hiện hữu như cái phần bản thiện đầy nguyên sơ của tâm hồn con người. Nhưng khi sự hồn nhiên ấy được đẩy lên mức thái quá lại gây phiền toái cho người thân và cộng đồng. Ngay cả ông Thiện - chồng cô cũng phải xấu hổ và khổ sở vì cái tính hồn nhiên con trẻ hồi sinh của người vợ vào tuổi xế chiều. Những cái tin về con cún nhĩ thể do cô hấp tấp thông báo đã làm cho khu tập thể chết đi, sống lại trong hoảng loạn, bất ngờ... Ở đây, rõ ràng, cái bản năng hồn nhiên vốn có của con người đã được Nguyễn Minh Châu nhìn nhận ở cả hai mặt tích cực và tiêu cực, song dù sao nhà văn vẫn luôn đề cao trân trọng sự hồn nhiên vô tư của cô Hoàng. Bởi nó, đối lập với lối sống thực dụng luôn luôn tính toán đánh mất sạch hết tính nét hồn nhiên của trẻ con khiến cho tâm hồn trở thành chai cứng.

Cùng một đề tài quen thuộc nhưng thay đổi cách tiếp cận sẽ đem lại hiệu quả nghệ thuật mới. Viết về đề tài người nông dân, các sáng tác trước 1975, thường được các nhà văn đề cập đến vai trò lịch sử, biến sỏi đá thành cơm, gánh trên vai cuộc kháng chiến của dân tộc. Nhưng sau 1975 Nguyễn Minh Châu đã có cách nhìn mới: khi đất nước phát triển thì một mặt người nông dân có đóng góp lớn, một mặt họ lại có hạn chế lịch sử nhất định. Điều này được thể hiện rõ trong truyện ngắn *Khách ở quê ra*. Nhà văn đã quan sát người nông dân từ bản chất, truyền thống, tính cách và nhận ra cả mặt tích và tiêu cực của họ, mà theo cách nói của Tôn Phương Lan là ở họ tồn tại con vật lưỡng thể. Ở người nông dân có tư tưởng hạn chế như: ở gia đình thì điều hành theo lời gia trưởng, ở làng xã thì phân hoá các hệ gia tộc, thích cát cứ...

Lão Khúng trong *Khách ở quê ra* tự hào đông con hơn lão chắt Hoè và quan niệm ở nhà quê mình, nhà nào đông con mới có uy thế được. Rồi lão biến vợ thành cái máy đẻ dù vợ không muốn, lão cũng bắt vợ phải đẻ. Lão còn thích cả sự nổi tiếng. Chính vì vậy lão ngang nhiên dựng nhà ngay trên cái nền đất cao ngất của ngôi đền làng Khôi nổi tiếng linh thiêng mà theo cách nói của người chú thì thật là sự phỉ báng thần linh... Những tư tưởng hạn chế trên của Khúng cũng là của người nông dân nói chung. Họ tự tạo cho mình ý thức bao giờ cũng cố để mình hơn người, bao giờ cũng thấy mình hơn người và người nhà mình phải quý hơn người nhà khác. Với ý thức cá nhân theo kiểu ấy, ít nhiều họ đã gây lực cản cho những bước tiến của xã hội. Tuy nhiên, xuất phát từ cái nhìn đa chiều, Nguyễn Minh Châu không chỉ thấy mặt hạn chế của người nông dân. Điều đặc sắc là ở chỗ, đằng sau cái vẻ thô mộc như toà rễ cây vừa mới đào ở dưới đất lên của Khúng, là cả bao nhiêu đức tính tốt đẹp và đóng góp to lớn của người nông dân. Khúng vốn là một người cần cù, nhẫn nại, nhận thức đúng đắn về giá trị đất đai, con người, sức lao động và sự sáng tạo. Lão đã kéo cả gia đình đi khai hoang lập nghiệp, từ đó sản xuất ra của cải vật chất nuôi sống xã hội và trở thành người khai sáng lịch

sử: Như thế là ta đã ra đời trên tấm bản đồ của đất nước tên một cái xã mới, bắt đầu từ cái bàn tay khai phá đầy gian nan của lão Khúng. Hơn nữa, Khúng còn là người cha rất mực thương con. Đặc biệt là với thằng Dũng dù không phải con đẻ của lão nhưng tiền nó đi bộ đội mà lão cứ quỳnh cả lên chỉ lo nó bị khổ, bị rét. Thậm chí lão thấy mình phút chốc trở nên y như một người đàn bà lẩn thẩn nhưng lão vẫn cứ quanh quẩn bên cái toa tàu có đứa con đang ngồi, hết mua hoa quả lại bánh trái lật đật mang về bắt nó ăn...

Những người nông dân như Khúng tuy ít nhiều có mặt hạn chế trong tư tưởng song không thể phủ nhận vai trò của họ trong sự phát triển của xã hội. Vậy mà khi xã hội phát triển chính họ lại bị lãng quên. Ngay cả đứa con mà Khúng yêu quý nhất cũng rời xa lão để lên thành phố tìm cha đẻ của nó. Điều này khiến lão vô cùng đau xót *“toàn thân lão run lấy bầy như người lên con sốt và trong tâm hồn lão tự nhiên dâng lên một nỗi niềm cô độc, lão lẩm bẩm gọi tên thằng Dũng, lão lần lượt gọi tên từng đứa con trong nhà. Lão cầu xin đàn con đừng bỏ lão mà đi, mà hãy ở lại với lão, hãy ở lại với đất cát”* [7, 401]. Nhân vật lão Khúng đã được Nguyễn Minh Châu nhìn nhận từ nhiều phía. Cách tiếp cận này khiến người nông dân và nông thôn hiện lên mới mẻ, độc đáo so với các sáng tác trước đó. Bởi vì người nông dân trong sáng tác của thời kì trước là con người công dân, con người xã hội, nói như cách nói của Trần Đình Sử là con người chính trị. Con người nông dân của Nguyễn Minh Châu là con người lao động với những thuộc tính giai cấp, xã hội và bản chất lao động của mình. Cách nhìn đó của ông đã trả lại giá trị đích thực cho người nông dân.

Tiếp cận đời sống từ cái nhìn đa chiều là sự đổi mới độc đáo của Nguyễn Minh Châu sau 1975 và được thể hiện sâu sắc trong tập truyện ***Bến quê***. Nhờ cách tiếp cận mới này, nhà văn cho người đọc cái nhìn chân thực, sâu sắc hơn, trước các vấn đề của đời sống. Chính cũng từ nguồn cảm hứng này đã quy định hàng loạt sự đổi mới ở phương diện nghệ thuật của tập truyện

như: kiểu nhân vật, điểm nhìn nghệ thuật, giọng điệu, ngôn ngữ... Tất cả điều đó trong sức mạnh tổng hợp của nó đã làm nên một Nguyễn Minh Châu với tư cách một trong những nhà văn tiêu biểu của thời kỳ văn học đổi mới.

2.1.2. Tiếp cận đời sống từ cái nhìn thế sự và triết luận

Sau chiến tranh, cuộc sống hòa bình bắt đầu với bao vấn đề mới mẻ, bức xúc thời hậu chiến. Đời sống chính trị xã hội không còn là mối quan tâm duy nhất của con người và như vậy cũng không còn là đối tượng phản ánh duy nhất của văn học. Từ việc chỉ ra “*đổi mới là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng*” đến sự “*khuyến khích văn nghệ sĩ tìm tòi, sáng tạo và yêu cầu có những thể nghiệm mạnh bạo, rộng rãi trong sáng tạo nghệ thuật*” [27, 61], một hướng đi mới đầy triển vọng đã mở ra với văn học Việt Nam. Những mảng đề tài phong phú từ hiện thực chính trị đến cuộc sống đời tư, từ sinh mệnh lớn lao của cộng đồng đến số phận của những cá nhân cùng bao vấn đề phức tạp của đời thường đã làm cho văn học sau 1975 thêm mới mẻ, chân thực đậm chất nhân văn, nhân bản.

Nguyễn Minh Châu đã hướng ngòi bút của mình vào đời sống thế sự nhân sinh thường ngày với những chi tiết sinh hoạt đời thường, có khi nhỏ nhặt để phát hiện những chiều sâu của đời sống với bao quy luật và nghịch lí trong các mối quan hệ nhân sinh, đạo đức và các số phận con người.

Nhiều truyện ngắn chỉ là những câu chuyện hàng ngày trong gia đình, giữa cha mẹ và con cái, trong một khu tập thể (*Mẹ con chị Hằng, Đứa ăn cắp, Hương và Phai, Lũ trẻ ở dãy K*). Đó là những con người bình dị với tình cảm vợ chồng, với những lo toan phai bạc của lòng người, con người với những toan tính, với những ăn năn hối hận. Đó là những đứa trẻ tinh quái, là người đàn bà đồng bóng nhưng tốt bụng, là ông lão thủ thành khi về già, là người từng đi không sót một xó xỉnh nào trên trái đất nhưng lại chưa từng và không thể đến được vùng đất bên quê, là gia đình làng chài sống trong đói khổ, tăm tối... Nào là chuyện nhà cửa, cây cối chuyện rãnh nước xây trước

hiên bây giờ thụt vào ngay giữa nhà, được trám lại bằng những tấm phi bờ lô xi măng và để hở một lỗ, mùa hè nóng nực mỗi lúc lau rửa nhà lũ trẻ con thường tháo nước bắn xuống đấy. Nào là chuyện sinh con đẻ cái, hỏi thăm nhau cũng chỉ một câu: Bao giờ đẻ thế hử? hoặc bằng giọng ái ngại: Sao mãi chưa đẻ đái gì?...

Đặc biệt là khi viết về cô Hoàng trong truyện *Lũ trẻ ở dãy K*, Nguyễn Minh Châu đã thể hiện rõ ngòi bút tiếp cận đời sống từ cảm hứng thế sự của mình bởi cô Hoàng đúng là một con người đời thường. Lòng tốt của cô được ban phát rất hồn nhiên đến tất cả hàng xóm, với loài vật, với trẻ con và cả người không tốt. Nên trẻ con và cả những người khó chịu nhất cũng không thể ghét bỏ cô vì cô chẳng ghét ai, chẳng để bụng gì. Người đàn bà đó sống đúng với bản chất mình vốn có, rất cụ thể, sinh động, rất đổi đời thường. Trẻ con thích cô vì cô hay cho chúng kẹo và hay chơi với chúng. Còn người lớn dù có những khi khó chịu, họ cũng không thể ghét bỏ cô, thậm chí còn làm vui mắt họ trong những bộ quần áo đẹp, trong những câu trêu đùa thư giãn. Với lòng tốt hồn nhiên của mình, cô Hoàng đã bảo lãnh cho thằng Huấn ra tù. Hình ảnh nụ hôn của đứa con thơ ngây lên trán Huấn xoá đi những nét nhăn khắc khổ đã trở thành biểu tượng của lòng tốt, sự bao dung đối với việc giúp đỡ con người, xoá đi những lỗi lầm, mặc cảm và đau khổ, để trở về với cuộc sống của cộng đồng. Một người đàn bà tốt bụng tái hiện cuộc sống đúng như nó vốn có, cụ thể, sinh động, rất đổi đời thường.

Còn truyện *Hương và Phai* lại kể về hai con nhóc nhưng lại có nét tính cách của người lớn. Hương và Phai là chuyện về cuộc hôn nhân nghiêm chỉnh bắt đầu từ tính tình quái của hai đứa bé ngoan thân nhau và giàu trí tưởng tượng. Ban đầu chúng chỉ định gán ghép cho vui. Dần dần thấy chuyện đùa được chuyển thành chuyện thật thì hai con nhóc lại vun vào một cách thật lòng theo lối trẻ con. Vòng đời cứ nhẩn nha quay, cả đến ngày người chị lên xe hoa, chúng còn mua bún riêu về cho chị để rồi lỡ tay chị đánh đổ cả vào bộ

váy cưới của mình. Chị lấy chồng, bỏ lại cảm cúi ngời đạp chiếc máy khâu cổ lỗ, đưa em lại hàng ngày ngời trước bếp dầu đào mút khế rồi mang giao cho hàng nước. Cốt truyện *Hương và Phai* cũng là sự tái hiện những mảnh đời vụn vặt, bình dị. Những câu chuyện tâm phào ở hiệu sách, nơi vòi nước công cộng, bên chảo ô mai... Những chuyện nghiêm túc, bi hài trong đám cưới, những lo toan sinh kế hằng ngày... Tất cả được dựng lại từ góc nhìn của hai con nhóc như những lát cắt ngang dờ của cuộc sống. *Hương và Phai* có thể tạo ra điều hệ trọng nhất trong số phận người lớn, những điều mà chúng và anh chị chúng đều bất lực. Dù cái Phai có thương chị đến đâu, dù chị Phấn có ao ước đỡ dần cho gia đình đến mức nào, hoàn cảnh của họ cũng không thể thay đổi. Các nhân vật trong truyện hành động theo ý muốn tốt đẹp của họ, nhưng nhà văn vừa khẳng định nhân vật, lại vừa nhìn vào một mặt sâu hơn để nhận ra bao điều nghịch lí của đời thường: sự tác thành việc lớn đời người lắm khi khởi đầu từ trò nghịch của trẻ con. Nhu cầu trang điểm đã làm cô dâu nhịn đói cả ngày, lòng thương chị của em đã dẫn đến làm hỏng bộ đồ áo cưới đắt tiền... cuộc sống dẫu là trong những việc thông thường nhất vẫn hiện ra bao vẻ bất ngờ.

Phần lớn các truyện của Nguyễn Minh Châu viết sau 1975 đều đề cập đến những vấn đề bình thường của những con người đời thường, từ đó cho người đọc một cách nhìn mới đối với hiện thực. Nguyễn Minh Châu đã tiếp cận đời sống từ tầng sâu bí ẩn của hiện thực đang tiếp diễn với tất cả cái bề bộn, ngổn ngang của nó, bao hàm cả cái bi và cái hài, cái cao cả, cái lớn lao lẫn cái nhỏ nhặt tầm thường.

Song song với cách tiếp cận đời sống từ cảm hứng thế sự là cảm hứng triết luận- cái được sinh ra từ thế sự. Cảm hứng triết luận không phải là mới trong văn học nhưng phải đến Nguyễn Minh Châu nó mới thực sự trở thành một nét phong cách của ông. Trong tập truyện *Bến quê* mỗi truyện là một triết lí sâu sắc về cuộc sống, con người, về những quy luật tồn tại vĩnh hằng và

cũng có khi là cái ngẫu nhiên bất ngờ trong dòng chảy cuộc sống. Những triết lý ấy có thể được rút ra từ sự chiêm nghiệm có tính chất tổng kết một đời người, cũng có khi đó là sự bùng nổ trong một tình huống cụ thể của các nhân vật. Có thể nói thiên hướng muốn nắm bắt hiện thực ở bề sâu là một đặc điểm nổi bật của ngòi bút Nguyễn Minh Châu. Từ cách tư duy đó, nhà văn cố gắng nâng tầm khái quát triết học trong các truyện ngắn của mình. Trong một lần nói chuyện, Nguyễn Minh Châu khẳng định: nhà văn không có quyền nhìn sự vật một cách giản đơn và nhà văn cần phải phấn đấu để đào xới bản chất con người vào các tầng sâu lịch sử.

Qua những sự việc, câu chuyện dường như bình thường, nhà văn đã chiêm nghiệm thấy được những quy luật của đời sống và không ít vấn đề về cách sống, cách ứng xử của người đời. Sự vô tâm trong đối xử với người mẹ của chị Hằng chỉ đáng trách, nhưng sự vô tâm và thói xấu “ngồi lê đôi mách” của những người đàn bà trong khu tập thể có thể dẫn đến cái chết thương tâm của một cô gái bị nghi là đứa ăn cắp. Việc đại sự trăm năm của một đôi lứa hoá ra lại là được bắt đầu từ sự sắp xếp như trong một trò chơi của hai đứa trẻ bạn thân - Hương và Phai, rồi niềm vui của gia đình này lại phải đánh đổi bằng sự thiệt thòi của gia đình khác. Thể hiện những điều quan sát ở đời thường của những người xung quanh, nhà văn muốn lưu ý mọi người về cách sống, thức tỉnh ở mỗi người nhìn lại những thói quen, những cách ứng xử với người khác và với chính mình.

Các truyện *Bức tranh*, *Sấm vai*, *Dấu vết nghề nghiệp* lại hướng vào ý thức tự vấn để con người tự nhìn vào chính mình, nhất là vào con người bên trong, nói như nhân vật họa sĩ trong *Bức tranh*: “Trong con người tôi sống lẫn lộn cả rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và quỷ sứ”. Mỗi truyện là một cuộc tự vấn, là sự xung đột giữa phần con người chân chính với phần tâm thường, giả dối, ích kỷ trong chính mình để vượt lên, hướng tới cái thiện. Có cái bi hài kịch đánh “mất mình” của nhân vật nhà văn T trong *Sấm vai*, cuộc

đấu tranh nội tâm để tự thú với chính mình về lỗi lầm và trách nhiệm trước những đau khổ của người khác ở nhận vật họa sĩ (*Bức tranh*). Truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu còn là sự chiêm nghiệm về đời người (*Bến quê*), về bi kịch của những số phận bị chiến tranh “*phạt ngang làm hai nửa và không thể nào gắn trở lại*” như Lục và Thai trong *Cỏ lau*. Chiến tranh còn được nhìn nhận ở sự tác động tiêu cực của nó đến nhân cách: Toàn (*Mùa trái cóc ở miền Nam*) chẳng những lạnh lùng, vô cảm trước đồng đội mà còn bất nhẫn với cả người mẹ đã bao năm khắc khoải mong được gặp con với nỗi day dứt khôn nguôi.

Truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* mang tính triết luận sâu sắc: Chính khát vọng muốn tìm đến cái đẹp hài hòa để đưa người ta đến chỗ nhìn hiện thực một cách giản đơn. Nghệ sĩ Phùng nhận thấy có độ vênh giữa cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh mà anh vừa hân hoan thu vào ống kính với cuộc đời nhọc nhằn khô khan của gia đình hàng chài trên con thuyền mà anh lấy làm tâm điểm cho bức tranh nghệ thuật. Từ đó anh rút ra một triết lí giản dị mà sâu sắc: Văn học và đời sống có mối quan hệ khăng khít, người nghệ sĩ phải hiểu biết, bản lĩnh và trung thực. Nghệ thuật phải gắn với đời sống con người, nói như Nguyễn Minh Châu thì “*con người là tâm điểm*”. Ngay từ nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* đã như một sự gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống: Nếu chỉ nhìn cuộc sống từ xa thì chỉ toàn thấy tốt đẹp, nhưng muốn hiểu rõ bản chất đời sống thì ta phải lại gần nó, nhìn quan sát nó ở cự li ngắn và nhìn nhận nó bằng cái nhìn đa chiều. Có như vậy mới thấy được những ngang trái với tất cả tồn tại vốn có của nó. Lúc ấy, văn học mới thực hiện được chức năng phản ánh đời sống của mình.

Truyện ngắn *Bến quê* như một sự nhận thức, sự thấu hiểu về cái điều mà tác giả gọi là cuộc đời vốn đa sự, con người thì đa đoan. Nhân vật Nhĩ trong truyện đã chiêm nghiệm được cái quy luật đầy vẻ nghịch lí của đời người: Con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng

vèo hay chùng chình. Đó là một triết lí giản dị mà sâu sắc, mang tính trải nghiệm, có ý nghĩa tổng kết cuộc đời một con người. Chính vào buổi sáng hôm ấy, khi nhận ra tất cả những cảnh vật rất đối bình dị và gần gũi qua ô cửa sổ căn phòng. Đồng thời cũng hiểu rằng mình sắp phải giã biệt cõi đời, ở Nhĩ bùng lên một niềm khao khát vô vọng là được đặt chân một lần lên cái bãi bồi bên kia sông. Điều ước muốn ấy chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống- những giá trị thường bị người ta bỏ qua, lãng quên, nhất là lúc còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người tìm đến. Sự nhận thức này chỉ đến được với người ta ở cái độ đã từng trải. Với Nhĩ thì đó là lúc cuối đời, khi phải nằm liệt trên giường bệnh: *“Họa chăng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia”* [7, 326].

Có thể nói, tính triết luận của Nguyễn Minh Châu được thể hiện rất phong phú trong truyện ngắn sau 1975. Đó là những quy luật, nghịch lí, những chiêm nghiệm có tính tổng kết đời người, về quan hệ giữa con người và thiên nhiên... Sự đổi mới hướng tiếp cận này đã làm cho các truyện ngắn của ông có giá trị tư tưởng và nhận thức sâu sắc, đồng thời cho thấy tài năng của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

2.2. Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu về hiện thực chiến tranh

2.2.1. Thể hiện sâu sắc nỗi đau của con người thời hậu chiến

Sau chiến tranh, khi hiện thực cuộc sống thay đổi, khi tư duy nghệ thuật cũng dân chủ hơn thì biên độ của hiện thực ngày càng được mở rộng. Đó không chỉ là hiện thực về đời sống chiến tranh được miêu tả dưới cái nhìn mới mà còn là hiện thực về số phận của một cá nhân, một gia đình sau những tổn thất to lớn trong cuộc chiến. Cuộc sống được phản ánh vào trong tác phẩm không chỉ là cái phần anh hùng ca cả mà còn thấm thía nỗi buồn của con người thời hậu chiến.

Sự thay đổi trong quan niệm về hiện thực như vậy giúp nhà văn phản ánh cuộc sống một cách toàn vẹn hơn, chân thực hơn. Văn xuôi vượt qua tình trạng bị lệ thuộc vào đề tài, vào một cái nhìn đã định trước để mở ra khả năng phong phú vô tận trong việc khám phá và thể hiện đời sống. Nhà văn cũng có thể đi đến những miền khuất, những mặt trái của đời sống, đến với chiều sâu tâm tưởng, tâm linh của con người. Những nơi mà trước đây trong chiến tranh họ ít có điều kiện để khai vỡ. Chiến tranh đã đi qua, đất nước đã bình yên nhưng cuộc sống của những con người trở về sau những đổ nát không thể bình yên- họ phải đối mặt với chất chồng khó khăn, trong lòng đầy mâu thuẫn đã trở thành cuộc chiến nội tâm đầy dai dẳng hiện diện trong mỗi con người, mỗi số phận. Thật dễ hiểu vì sao sau chiến tranh, con người không còn ở thế giằng co giữa sự sống và cái chết nhưng trong tâm hồn luôn luôn cảm thấy chông chênh, lạ lẫm với chính mình.

Cái nhìn về hiện thực khốc liệt của Nguyễn Minh Châu trong *Cỏ lau* mang âm hưởng của nỗi đau, nỗi xót xa không dứt. Biết bao gia đình sau thời gian ly tán vì chiến tranh trở về xâu xé nhau để có đất mà sống, “*Người ta đang đánh nhau vỡ đầu vì tranh giành đất ở trong kia kìa. Là bởi vì anh em bộ đội đang cần di chuyển mồ mả. Họ phải dọn hết cỏ lau. Đất cát được bật lên hết. Thế là tranh nhau, chỗ nào có đất đã được dọn hết cỏ lau là người ta lao vào tranh nhau*” [7, 507]. Lực là nhân vật có cuộc đời thật nghiệt ngã, trớ trêu và đầy bi kịch. Đi qua hai cuộc chiến tranh, anh đã để lại ở chiến trường 24 năm tuổi trẻ và đau đớn nhận ra: “*Chiến tranh, kháng chiến, không phải như một số người khác, đến bây giờ tôi không hề may mắn hời hợt đã dốc tất cả tuổi trẻ vào đấy cống hiến cho nó, nhưng nó như một nhát dao phạt ngang mà hai nửa cuộc đời tôi bị chặt lìa thật khó gắn liền lại như cũ*” [7, 470]. Đất nước thống nhất nhưng cuộc đời của Lực mãi mãi dở dang, vết thương rỉ máu không bao giờ lành. Người ta chỉ thực sự chết khi không còn tồn tại trong suy nghĩ của những người xung quanh. Chiến tranh đã làm đảo lộn mọi thứ và sắp

đặt lại mọi thứ trong nghịch cảnh. Ý thức về sự cô độc, lạc lõng của bản thân khiến Lục có tâm trạng của “*người khách đến không đúng lúc*” trước cuộc sống đã an bài. Đó là một tâm trạng đầy bi kịch. Còn gì đau đớn hơn khi còn sống trên đời nhưng lại ý thức một cách sâu sắc mình mãi mãi là “*khách lạ*” của cuộc sống, mãi đi bên lề hạnh phúc.

Nguyễn Minh Châu còn bộc lộ một nỗi lo khác không kém phần day dứt đó là lo âu về sự biến chất, sự tha hóa của con người bởi chiến tranh. Chiến tranh không chỉ mang ánh hào quang mà còn có cả mất mát, đớn đau, giả dối. “*Chiến tranh làm cho người ta hư đi hơn là tốt làm người ta tốt hơn*” [7, 504, con người cũng không còn lấp lánh vẻ đẹp thiên thần mà hội tụ cả những ham muốn tầm thường, thấp hèn, nhỏ nhen, ích kỉ...Chiến tranh là một hiện thực phi nhân tính nhất đối với con người. Con người ở lâu trong cái môi trường phi nhân tính ấy sẽ phải thích nghi. Sự thích nghi ấy có thể làm nên nhiều chiến công, đem lại nhiều vinh quang cho dân tộc nhưng đồng thời nó có thể làm cho cái phần nhân tính tốt đẹp trong mỗi con người bị xói mòn. Bên cạnh Lục, Thai cũng là một nhân vật bi kịch- bi kịch của nàng vọng phu- bi kịch của sự giằng xé giữa “*tình*” và “*duyên*” (chữ dùng của Chu Văn Sơn). Người đàn bà ấy lấy chồng tới hai lần, sống với chồng mới, nhưng tình yêu như một niềm trung tín vẫn hướng về người chồng mà cô tưởng đã chết. Thai “*thuộc loại đàn bà cổ...loại đàn bà chỉ có thể yêu được một người...người đàn bà chờ chồng có thể hóa đá*” [7, 491], sống với người chồng mới nhưng vẫn phụng dưỡng bố già của người chồng cũ, vẫn không quên mang theo bát hương cúng giỗ đều đặn cho người chồng ấy. Những người đàn bà khác cùng cảnh ngộ như Thai, họ có khả năng điều chỉnh cho mối quan hệ giữa quá khứ và hiện tại để có được cuộc sống yên ổn, thanh thản. Còn Thai thân xác vẫn sống cho hiện tại, nhưng trái tim đã vĩnh viễn thuộc về quá khứ. Thai bị hoàn cảnh và bổn phận trói buộc, cho dù suốt hai mươi năm qua cô vẫn sống với Lục trong tình yêu và nỗi nhớ. Giữa tình yêu và bổn phận Thai không thể từ bỏ trách nhiệm và bổn phận của

người mẹ, người vợ để đến với tình yêu đích thực. Thai vẫn sống với một người và luôn khắc khoải hướng về một người khác.

Cuộc đời của Thai và dường như là một thứ “*định mệnh*” truyền tới đời sau- cuộc đời của cô gái tên Huệ. Cũng như bao người đàn bà khác, Huệ đã bị chiến tranh cướp đi chàng trai yêu thương nhất của mình, người duy nhất yêu cô, hiểu cô, dạy bảo cô, mắng mỏ cô. Nỗi đau của cô là nỗi đau được ví như nắm cỏ trong dạ dày loài nhai lại. Không phải một lần mà dày vò, âm ỉ... Qua cuộc đời Thai, Huệ ta thấy được tính chất khốc liệt của chiến tranh, nhưng cao hơn hết là lòng thủy chung bất diệt của người phụ nữ Việt Nam.

Nếu bi kịch của Thai, của Huệ như đã phân tích là bi kịch của những vọng phu thì bi kịch của Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* là bi kịch giữa tình yêu và trách nhiệm. Sự lựa chọn giữa tình yêu và trách nhiệm đã đẩy Quỳ tới bi kịch. Quỳ đã yêu Hòa bằng một tình yêu say đắm, nồng nhiệt, tôn thờ anh như một “*thánh nhân*” nhưng rồi chị thất vọng vì anh cũng chỉ là một con người bình thường như bao con người khác. Cái chết của Hòa đã làm cho Quỳ bị ám ảnh suốt đời. Đôi bàn tay “*dập dình mồ hôi*” trước đây của Hòa làm chị ghê sợ thì giờ đây lại đem đến cho chị sự tiếc thương vô hạn. Quỳ đau đớn thốt lên: “*Dù có phải xông vào lửa đạn, dù có phải dùng hai bàn chân trần dậm lên vách đá tai mèo, dù có phải lặn xuống tận đáy biển khơi hay băng qua xa mạc cháy bỏng, dù có phải đi khắp cùng trời cuối đất, thì tôi cũng không từ nan, tôi cũng xông đi, nếu lấy về được để trả lại cho anh ấy đôi bàn tay luôn dập dình mồ hôi*” [7, 157]. Nhưng đã quá muộn, khi chị cảm thấy yêu đôi bàn tay ấy thì cũng là lúc nó vĩnh viễn không còn nữa và “*Đến bây giờ tôi mới hiểu được trong tất cả mọi sự mất mát, thì mất một con người là không bù đắp được, không sao lấy lại được*” [7, 160]. Quỳ đi tìm “*thánh nhân*” trong Hòa nhưng không gặp, khi chấp nhận anh ấy là người thường thì anh ấy đã không còn. Còn sau này với Hậu, chị thấy anh là người thường thì chính anh lại mang phẩm chất của một “*thánh nhân*”. Cái chết của

Hậu cũng làm Quỳ đau thắt. Quỳ quá bị ám ảnh khi phải chứng kiến cái chết của một người mình yêu và của một người yêu mình. Người chết thì ra đi mãi mãi để lại vết thương khó liền trong lòng người đang sống. Giữa cuộc đời mới, Quỳ lại tiếp tục sống với những hoài niệm, mộng du. Và hành trình của Quỳ mãi mãi là hành trình mang âm hưởng cô đơn với dằn vặt, hối tiếc trong lòng. Để rồi cô phải chịu những nhọc nhằn đắng cay, được mất của con người giữa cuộc đời đầy những bất trắc đổi thay.

Ở *Chiếc thuyền ngoài xa* Nguyễn Minh Châu đã phát hiện thêm một cuộc đời khác của con người. Người đàn bà làng chài là một phụ nữ không tên, đại diện cho những người phụ nữ làng chài nghèo khổ, cam chịu, giàu lòng hy sinh trong cuộc sống đầy ngang trái. Người đàn bà ấy thẳm lặng chịu mọi đau đớn, khi bị chồng đánh “*không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn*” [7, 335]. Sự cam chịu ấy khiến Phùng phải bất bình và can thiệp, nhưng thật không ngờ chính người phụ nữ ấy lại yêu cầu tòa án tha tội cho thói vũ phu của chồng chị. Cái lý do đơn giản nhất ai cũng có thể hiểu nhưng không phải ai cũng làm được trong hoàn cảnh của chị đó chính là tình thương con “*đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có người đàn ông để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng dựng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa... phải sống cho con chứ không thể sống cho mình*” [7, 344].

Trong khổ đau triền miên, người đàn bà ấy vẫn chất lọc được những niềm vui nhỏ “*trên chiếc thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận, vui vẻ...vui nhất là lúc ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no*” [7, 345]. Ẩn trong những lời nói ấy là tấm lòng của một người mẹ hy sinh tất cả vì con cái nên phải nhẫn nhục chịu đựng sự hành hạ của chồng từ ngày này sang ngày khác “*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*” [7, 341]. Vì thương con, chị cũng mong chồng mình nếu có muốn đánh đập chị thì hãy lên bờ mà đánh để những đứa con của chị không phải thấy những cảnh

ấy. Và cũng chính vì lòng thương con mà chị đã gửi thằng Phác lên nhà ngoại để nó khỏi phải vì thương mẹ mà đánh lại bố. Người đàn bà hàng chài muốn hứng trọn nỗi đau cho riêng mình, không để các con bị tổn thương. Tình yêu thương như một bản năng mãnh liệt được bộc lộ một cách cảm động và sâu sắc trong cuộc sống thời hậu chiến còn đầy cơ cực, ngang trái. Không chỉ yêu thương, hi sinh đến quên mình vì đàn con, người phụ nữ này còn có một tấm lòng bao dung, độ lượng đối với chồng. Nghệ sĩ Phùng và chánh án Đẩu nhìn người chồng là kẻ vũ phu, thô bạo, đáng lên án. Nhưng qua cái nhìn của người vợ, lão từng là: *“anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi”* [7, 343]. Bị chồng đánh đập thô bạo nhưng bà cũng không oán trách vì bà hiểu nỗi khổ của chồng đã làm người hiền lành trở thành vũ phu, thô bạo. Thậm chí bà còn sẵn sàng nhận lỗi về mình, coi mình là nguyên nhân khiến cuộc sống của chồng trở nên khốn khổ. Đây quả là người phụ nữ có cái nhìn sâu sắc, đa chiều, bao dung, độ lượng với chồng. Người đàn bà ấy là hiện thân của sự hy sinh vô bờ bến. Những câu nói đầy chiêm nghiệm của người đàn bà đã làm phá vỡ những quan niệm giản đơn về tình yêu, hạnh phúc, lòng nhân ái, sự khoan dung và mang giá trị nhân bản sâu sắc.

Qua những trang viết của mình, Nguyễn Minh Châu trở về số phận con người sau chiến tranh, suy tư về con người khi họ hòa nhập vào cuộc sống đời thường với những mất mát, thua thiệt, đốn đau.

2.2.2. Thái độ nhìn thẳng vào sự thật

Văn học sau 1975 chú trọng nghiên cứu thực trạng tinh thần xã hội Việt Nam sau chiến tranh, đó là một hiện thực phức tạp, đa dạng, đan xen mặt sáng và tối trong đời sống cũng như những thay đổi tất nhiên trong nhận thức và tình cảm con người. Sự đổi mới quan niệm về hiện thực gắn với nhu cầu được *“nói thật”*- một nhu cầu khẩn thiết của xã hội, được khơi dậy từ công cuộc *“đổi mới”*, *“cải tổ”* với tinh thần *“nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”*. Nhà văn nhờ ngọn gió lành của công cuộc đổi mới đã có

thể nhìn thẳng vào sự thật, viết về mọi sự thật. Thực chất là trong thời kỳ đổi mới, nhà văn đã có được độ lùi xa của khoảng cách thời gian để nhìn lại một cách toàn diện và sâu sắc hơn những sự kiện, biến cố, những nét bản chất của hiện thực trong thời chiến, từ đó soi sáng những cái tưởng như mịt mù hazy của đời sống xã hội hiện tại. Nói cách khác, hiện thực cuộc sống với những chiều dài lịch sử khác nhau đã được phản ánh một cách đa diện, nhiều chiều mà trung tâm của nó là con người thời đại với những số phận cụ thể gắn liền với vận mệnh của dân tộc, đất nước. Và đặc biệt hơn, cảm hứng sử thi và cảm hứng đời thường không có sự tách biệt mà đã gặp nhau trong cảm hứng sự thật. Với định hướng tư duy sáng tạo như vậy, những tác phẩm viết theo xu hướng này đã đáp ứng được yêu cầu khách quan của cuộc sống, đã giúp người đọc nhìn rõ bản chất của hiện thực trong bối cảnh cuộc sống trắng đen lẫn lộn, thật giả khó phân tách, khó nhận biết. Điều đáng nói là, ở những tác phẩm viết theo hướng này, chất lý tưởng, vẻ đẹp rực rỡ của những tính cách nhân vật không hề bị hạ thấp mà càng cháy lên trong biết bao cái dữ dội, khốc liệt của cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác.

Theo Nguyễn Minh Châu thì tác phẩm văn học phải nói thật, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và phải trả lời những câu hỏi của ngày hôm nay, đối thoại với những người đương thời về những câu hỏi cấp bách của đời sống và công việc sáng tạo bao giờ cũng diễn ra trong cô đơn, trong sự lắng sâu những kinh nghiệm sống, sau những chiêm nghiệm về lẽ đời và lòng người.

Chính vì thế trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu đã chọn số phận cá nhân (*người đàn bà hàng chài*) trong cuộc mưu sinh nhọc nhằn thời hậu chiến làm đối tượng khám phá. Nguyễn Minh Châu với thái độ nhìn thẳng vào sự thật để làm hiện lên tất cả các góc cạnh xù xì của cuộc sống. Qua phát hiện của nghệ sĩ Phùng, tất cả vẻ chân thực của cuộc sống được hiện lên rõ nét: Cuộc sống người dân chài vùng biển là một cuộc mưu sinh đầy vất

lộn, lam lũ. Có những khi biển động suốt hàng tháng, cả gia đình vợ chồng con cái phải toàn ăn cây xương rồng luộc chấm muối. Gia đình họ đông con, lại không có nơi ở ổn định vì không thể bỏ nghề. Đàn ông thuyền khác thường uống rượu, còn lão chồng của người đàn bà này lúc nào thấy khổ quá lại đánh vợ như để giải tỏa. Viết về hiện thực bằng thái độ nhìn thẳng, Nguyễn Minh Châu không chỉ lên án thói vũ phu, báo động về tình trạng bạo lực mà còn bộc lộ những suy tư, trăn trở về những vấn đề của đời sống: Chiến tranh qua đi, đất nước được giải phóng nhưng cuộc đời của những con người lao động nghèo khổ liệu có gì tươi sáng hơn? Bởi vậy nên không phải ngẫu nhiên khi Nguyễn Minh Châu để người đàn bà bị chồng đánh ở bãi xe tăng hỏng. Nguyễn Minh Châu muốn đề cập đến những vấn đề nhức nhối của xã hội thời kì hậu chiến: đó là nạn đói nghèo, mù chữ, sinh đẻ không có kế hoạch...cuộc chiến chống đói nghèo, tăm tối còn gian nan quyết liệt hơn cả cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Nguyễn Minh Châu phản ánh chân thực để mọi người cần phải nhìn sâu hơn, rõ hơn vào hiện thực chứ không thể nhận định hời hợt được.

Từ cái nhìn hiện thực mang tính chất khám phá, phát hiện, có chiều sâu, Nguyễn Minh Châu muốn phê phán cái nhìn lãng mạn, một chiều với cuộc sống. Nhà văn đặt ra vấn đề trách nhiệm của người nghệ sĩ, của nghệ thuật phải đào sâu, phải khám phá, phản ánh chân thực cuộc sống, dù thực tế ấy gai góc, xù xì, quá phũ phàng, bất công, ngang trái. Người đàn bà hàng chài với vẻ ngoại hình xấu xí thô kệch, mặt rỗ, lúc nào cũng xuất hiện với một “*khuôn mặt mệt mỏi*” ấy cũng đủ hình dung thấy cả cuộc đời lam lũ, nhọc nhằn. Nhưng ẩn bên trong con người xấu xí, lầm lũi, cam chịu ấy còn có một con người khác mà Phùng không hay biết, bạn đọc chúng ta cũng lầm tưởng. Chị ta là một người rất thấu hiểu lẽ đời và có cả sự hy sinh đáng quý.

Như vậy, sau chiến tranh, trở về với đời sống cá nhân, với thực tế đời thường của cuộc sống con người, Nguyễn Minh Châu đã khám phá ra những mặt trái của đời thường, phản ánh đúng thực tế đời sống nhưng ông cũng nhận

ra cách giải quyết những mảnh sạn của cuộc sống thực tại không hề dễ dàng. Trong bức tranh nhỏ ấy chứa đựng cả một vấn đề xã hội, vấn đề nhân sinh. Cái mầm ác trong con người không phải bây giờ mới mọc ra, có ai đó đã nói rằng chất độc nằm ngay trong sự sống. Lão chồng là một nhân vật vừa là nạn nhân của cuộc sống khôn khéo, vừa là thủ phạm gây nên bao đau khổ cho chính người thân mình. Phải làm sao để nâng cao cái phần thiện, phần người trong những kẻ thô bạo ấy. Không chỉ đơn giản như Phùng là khuyên người đàn bà li hôn, không phải cứ gọi lão chồng lên tòa để giáo dục là dứt bỏ được cái xấu, cái ác trong con người. Như lão Khùng trong *Phiên chợ Giát* đã nghĩ: cứ bán con bò đi là bỏ được cái phần u tối của mình. Nhưng làm sao có thể được. Có vấn đề thuộc về cá nhân nhưng cũng có vấn đề thuộc về cái chung, chuyện miếng cơm manh áo, việc làm cho người lao động. Thực tế không thuận chiều như người ta vẫn nghĩ, bởi con người tồn tại trong những mối quan hệ đa chiều, hết sức phức tạp.

Sự khốc liệt của cuộc chiến cùng những mất mát hy sinh chịu đựng gian khổ trở thành chủ đề ngợi ca lúc trước giờ đây lại được nhìn nhận như là một thử thách để sàng lọc phẩm giá con người. Chính trong gian khổ, trong khốc liệt của máu lửa chiến tranh đã giúp nhận ra đâu là người anh hùng đích thực và đâu là kẻ phản bội đốn hèn. Quang trong *Cơn giông* vì đã không chịu đựng được sự gian khổ và khốc liệt ấy đã quay lưng với đồng đội, phản bội Tổ quốc. Nhà văn như muốn nhắc nhở rằng người chiến sĩ cách mạng cũng có thể đánh mất mình nếu không biết chịu đựng và vượt qua mọi ham muốn vật chất, nếu không đặt lợi ích thiêng liêng lên trên tất cả. Cuộc đấu tranh với chính bản thân mỗi con người cũng khó khăn và khốc liệt không kém cuộc đấu tranh với kẻ thù. Người lính nếu không tỉnh táo cũng có thể gục ngã ở chiến trường này.

Nếu như trước đây, Nguyễn Minh Châu chỉ phản ánh được một vài khía cạnh của hiện thực, bộc lộ được một vài cảm xúc hoặc ca ngợi, hoặc phê

phán thì giờ đây, bằng sự chiêm nghiệm sâu sắc, bằng sự nghiên cứu nghiêm túc đối tượng phản ánh. Ông đã dựng lại những bức tranh chân thực và rộng lớn với tất cả sự đa dạng của hiện thực phong phú và phức tạp của đời sống với sự đan xen của cái cao cả và cái thấp hèn, cái thiện và cái ác... Bên cạnh việc miêu tả những con người có lối sống trong sáng, có nhân cách, có ý chí, thể hiện niềm tin yêu của tác giả đối với thế hệ trẻ, thì vẫn còn đó những con người có lối sống tham lam, vị kỷ, biến chất, tha hoá nhân cách vì mãi mê chạy theo chủ nghĩa vật chất, chủ nghĩa danh lợi “*con người vì cái lợi vật chất đang hèn đi, tâm thường đi*” (Ma Văn Kháng) và Toàn trong *Mùa trái cóc ở miền Nam* là một trong những người như thế.

Nói đến tính xấu ở người lính, thậm chí cả sự tha hóa của một số cán bộ chỉ huy thì các nhân vật Toàn, Thái trong *Mùa trái cóc ở miền Nam* là những điển hình. Toàn, Thái đã từng sống và chiến đấu cho lí tưởng dân tộc nhưng vì cá nhân họ sẵn sàng chà đạp lên tất cả. Thái được miêu tả là tên quan cách mạng ăn bản, phẩm chất bị mai một dần bởi những tư lợi tầm thường; Toàn thì bạc bẽo, lạnh lùng, ham thú quyền lực đến mức phi nhân tính... Nguyễn Minh Châu đã không kìm chế nổi thái độ căm ghét mà thốt lên rằng đó là những con quỷ, nào là quỷ già đời, quỷ mới tập sự... Đây là một hiện thực đau lòng tồn tại ngay trong hàng ngũ cách mạng mà nhà văn đã mạnh dạn phanh phui. Cuộc sống sau chiến tranh với hoàn cảnh sống thay đổi, nếu người chiến sĩ cộng sản không tự mình hòa nhập và để cho ham hố trở dậy sẽ dễ dàng bị tha hóa, thoả hiệp với cái xấu, cái ác. Đó chính là những cảnh báo với thái độ nhìn thẳng vào sự thật của Nguyễn Minh Châu trước những hiện thực tiêu cực của cuộc sống phức tạp thời hậu chiến và ngay cả hiện thực trong quân ngũ.

Để lấy lòng cấp trên, Toàn và Đỉnh đã tìm mọi cách để gây sự chú ý nhằm cầu lợi cho mình. Quan tâm người khác có vẻ chu đáo, lo lắng kiêu giả tạo “*khô quá, anh ướt hết rồi! Trên phòng chính trị đã báo xuống anh đến.*

Tôi đã chuẩn bị đón anh từ sáng. Từ hôm vào đây anh có được khỏe luôn không? Trong này thời tiết thất thường, anh phải luôn luôn chú ý sức khỏe” [7, 530], trong khi đó, với “*người mẹ tội nghiệp*” thì không biết đang ở nơi đâu. Cả những đồng đội cùng vào sinh ra tử như “*những Phác, Lưu, cả cậu đại đội trưởng mặt vuông, cả những người lính mắc chứng bệnh ngủ, những người lính xếp hàng đi đều dưới mưa, họ đang ở nơi đâu?*” [7, 557]. Đặc biệt là Phác, trong trận đánh cuối cùng kết thúc chiến tranh, Phác đã “*không sợ chết, dám một mình nhóm dây giữa lưới lửa bắn quét dày như mặt sàng, quỳ ngay trước cửa mở, đội nòng súng máy lên đầu cho máy cậu xạ thủ bắn*” [7, 554]. Thật đau đớn và xót xa cho người chiến sĩ gan dạ, dũng cảm không chết vì đạn của kẻ thù mà chết vì thói nhẫn tâm và ghen tị của Toàn. Với căn bệnh cứng nhắc, cực đoan, Toàn sẵn sàng chà đạp lên đạo lý và tình người để đạt được mục đích của mình. Toàn ra lệnh gài mìn với đồng chí của mình cũng là điều dễ hiểu. Sự thoái hóa biến chất trong mỗi con người ngày càng lộ rõ và Toàn là nhân vật điển hình cho số đông trong xã hội mà Nguyễn Minh Châu xây dựng mang tính chất biểu tượng để cảnh báo.

Không chỉ hy sinh đồng đội mà thậm chí Toàn còn hy sinh cả tình mẫu tử để tiền thân. Sau hai mươi năm, mẹ con gặp lại nhau thì phải “*đáng lẽ vui vẻ, cảm động nhưng hoàn toàn bất ngờ và trái ngược như một phiên tòa đại hình*” [7, 545]. Người mẹ tội nghiệp hôm ấy ân hận cả đời vì làm phật ý con. Sau 20 năm nương nhờ cửa Phật để tĩnh tâm và chuộc lại lỗi lầm của mình, làm một “*nhà sư khát thực giữa cõi đời và giữa tay xin tình thương của thiên hạ*” [7, 567]. Bà gửi trọn niềm tin và niềm hi vọng được cứu rỗi vào đứa con trai duy nhất của mình nay đã là một sĩ quan của quân đội giải phóng. Ngờ đâu, niềm hi vọng ấy mới được nhen nhóm thì bị lụi tàn ngay do thái độ dửng dưng và vô cảm của Toàn.

Nguyễn Minh Châu đã để cho người đọc thấy được cảnh tượng gặp gỡ của hai mẹ con: “*Người mẹ òa khóc, nhào đến ôm chầm lấy Toàn, còn Toàn*

thì nét mặt thờ ơ và nghiêm khắc. Chợt hình như anh sực nhớ cần phải bày tỏ một cử chỉ tình cảm gì đó trước mặt tôi, anh đến đứng sau lưng bà mẹ với một động tác hơi khoa trương. Vòng hai cánh tay ôm lấy ngang lưng mẹ một cách thật thắm thiết. Xong việc đầu đấy (...) thấy Toàn sau khi vuốt lại những sợi tóc ở bên thái dương xong thấy những ngón tay uôn uớt, đang đưa mấy ngón tay lên mũi ngửi” [7, 543]. Nhân vật kể chuyện đã không giấu được nỗi kinh hoàng của sự bại hoại đạo đức không còn nhân tính đã kêu lên “hỡi trời ơi, có ai trên đời này nhìn thấy đứa con đang ngửi giọt nước mắt của mẹ” [7, 542]. Nhưng cũng bàn tay ấy, khi đối diện với cấp trên thì lại “đây vô vấp, đây hồ hởi, mười ngón tay của anh ôm trùm lên xoắn xuýt (...) có ngón thì cứ thít chặt lấy như một sợi dây buộc, trong lúc ngón tay cái vô cùng rắn chắc cứ quắp chặt vào như mỏ của một con chim ác” [7, 529-530]. Căn bệnh trầm cảm “xơ cứng trái tim” trong Toàn cứ dần bộc lộ. Trong suốt thời gian gặp mẹ, điều mà Toàn quan tâm nhất không phải là hai mươi năm qua mẹ sống như thế nào, cực khổ, chịu đựng ra sao mà thay cho những lời quan tâm ấy là vấn đề lý lịch của mẹ: “Nào! Bây giờ mẹ nói cho tôi nghe, những năm tháng ở trong này mẹ đã làm những việc gì, mẹ sống với ai” [7, 543].

Nguyễn Minh Châu còn nhìn thấy rõ ở những người lính được tôn vinh như những anh hùng vẫn có những khiếm khuyết, thậm chí có cả giây phút đón hèn, sai lầm, nhỏ nhen, ích kỷ v.v... Hòa, người yêu của cô Quý cũng đã mừng rỡ khi được thăng chức, cũng nói xấu người khác sau lưng...; Lục, một người lính trung kiên cũng đã vì chút tư thù nhỏ nhen đã dẫn đến sai lầm làm chết người; Anh họa sĩ trong *Bức tranh* cũng đã quên đi lời hứa của mình để rồi một người mẹ đáng thương vì ngỡ con hy sinh khóc đến lòa đôi mắt... Khai thác tận cùng chiều sâu số phận và nội tâm mỗi người lính Nguyễn Minh Châu đã phát hiện rất nhiều vấn đề mà trước đây với cách nhìn ngợi ca một chiều chưa nhìn thấy được. Phải chăng nhà văn đã ngộ ra rằng dù là anh hùng thì vẫn là con người, mà đã là con người thì không thể không mắc sai lầm, không thể là thánh nhân.

Bằng thái độ nhìn thẳng, nói thật, Nguyễn Minh Châu muốn nhấn mạnh sự suy thoái đạo đức của con người sẽ là mầm mống cho cái xấu, cái ác xuất hiện làm rối xã hội nếu như nó không được lên án, không được tiêu diệt đến tận gốc rễ.

2.3. Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu về cuộc sống đời thường

2.3.1. Sự khẳng định và niềm tin vào con người

Với quan niệm “*văn học và đời sống là những vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm là con người*”, Nguyễn Minh Châu trước sau đều hướng ngòi bút của mình vào việc khám phá và thể hiện con người. Tụ đầy sâu tằm lòng đôn hậu của nhà văn luôn cháy lên niềm tin thiết tha vào con người và sức mạnh của những những giá trị nhân bản. Theo Nguyễn Minh Châu thì mỗi con người đều chứa đựng trong lòng những nét đẹp đẽ kỳ diệu đến nỗi cả một đời người cũng chưa đủ để nhận thức khám phá tất cả những cái đó. Đây chính là ngọn nguồn của sự tìm tòi, lòng tin, niềm lạc quan về vẻ đẹp con người, làm nên một cảm hứng lãng mạn bay bổng của Nguyễn Minh Châu khi khắc họa hình ảnh con người trong chiến tranh. Nhân vật của Nguyễn Minh Châu trước 1975 thường là những người chiến sĩ, anh hùng. Đó là Nguyệt – cô thanh niên xung phong trong *Mảnh trăng cuối rừng*, không chỉ dũng cảm, kiên cường mà còn có một tâm hồn tuyệt đẹp với tình yêu chung thủy, với niềm tin diệu kỳ vào tình yêu và cuộc đời. Nguyệt hiện lên rạng rỡ trong một đêm trăng thượng tuần, từ ngoại hình “*mát mẽ như từ sương núi tỏa ra*” [7, 85] đến gương mặt “*tươi mát ngời lên và đẹp lạ thường*” [7, 88], từ giọng nói bình tĩnh trong trẻo đến tâm hồn đẹp như “*một sợi chỉ xanh óng ánh*” [7, 84]. Đó là Lữ và đồng đội của anh trong *Dấu chân người lính* với tâm hồn lãng mạn bay bổng, từng say sưa choáng ngợp trước đêm trăng huyền ảo giữa đêm Trường Sơn sau cơn mưa nhưng cũng rất mạnh mẽ khi chọn lựa sự hy sinh. Trong một cảm hứng ngợi ca đặc biệt, Nguyễn Minh Châu đã xây dựng nhân vật như những con người hoàn thiện hoàn mỹ, với vẻ đẹp của lý tưởng

cao cả, với tinh thần xả thân, với tâm hồn lãng mạn sáng trong không tỳ vết, dù ít nhiều có nét riêng, nhưng vẫn nằm trong khuôn mẫu chung của nhân vật sử thi mà tính loại hình nổi trội hơn tính cá biệt.

Sau 1975, Nguyễn Minh Châu đã dần đi tới quan niệm toàn vẹn và đa chiều về con người. Vượt qua quan niệm còn phiến diện và một chiều của văn học sử thi, nhà văn tiếp cận con người trên nhiều bình diện và nhiều tầng bậc: con người thế sự, đời tồn tại cùng với con người xã hội- lịch sử, con người trong tính cá thể riêng biệt và tính nhân loại phổ quát. Hứng thú nhất với ngòi bút Nguyễn Minh Châu là khám phá cái thế giới bên trong, đầy bí ẩn của con người, lật xới vào những tầng đáy sâu của tâm lí, tư tưởng, cả tiềm thức và tâm linh của con người. Với cái nhìn mới của nhà văn, con người hiện ra không còn thuần nhất mà là trong tính lưỡng diện, đa diện và luôn biến động không ngừng. Cái nhìn nhân bản là cơ sở vững chắc của mọi tìm tòi, khám phá sáng tạo của Nguyễn Minh Châu. Cũng vẫn là người lính rất dũng cảm (thậm chí là anh hùng, được coi như “*thánh nhân*”), nhưng đã được Nguyễn Minh Châu soi chiếu ở một góc độ khác, mới mẻ hơn, sâu sắc hơn, “*con người hơn*”, và cũng nhiều chiều hơn. Đó là người lính trong chiến đấu và cả trong cuộc sống đời thường, người lính trong chiến tranh và sau chiến tranh, trong cái biểu hiện và cả trong chiều sâu tâm linh của họ. Từ đó, họ hiện ra chân thực hơn, ám ảnh hơn, khiến chúng ta phải trầm trở hơn.

Hòa trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* là một trung đoàn trưởng anh hùng, “*một thanh niên mới hăm chín tuổi nhưng đã được giao phó nắm sinh mệnh hàng ngàn chiến sĩ...dũng cảm, đứng đắn, có tài năng, đẹp trai*” [7, 150]. Anh là người tạo nên những chiến công vang dội của trung đoàn. Ngay cả sự hy sinh của anh cũng lẫm liệt, một thân thể nát như vì thương tích, hai bàn tay dập nát, vậy mà ánh mắt anh vẫn điềm tĩnh lạ lùng như một ánh thép, và nụ cười bí ẩn, khó hiểu trên môi khi anh từ giã cuộc đời. Nhưng không chỉ có vậy. Nguyễn Minh Châu còn để cho Quý, người yêu của

anh, nhìn thấy ở anh những điều rất con người. Đó là khi anh sống cùng đơn vị với Quỳ, trong cuộc sống đời thường, Quỳ nhận thấy “*anh ấy cũng mừng rỡ hí hửng khi được thăng cấp... cũng ăn, ngủ, đi lại, cũng chăn một đàn gà riêng, đánh một cái quần xà lỏn đi phát rầy, cũng yêu người này, nói xấu sau lưng người kia. Và, anh ấy lại có mồ hôi tay, hai bàn tay lúc nào cũng dấp dính*” [7, 152]. Đó chính là hình ảnh của một con người bình thường trong cuộc sống đời thường, cũng có những cái tốt và chưa tốt, đẹp và chưa đẹp như tất cả mọi con người.

Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* luôn tìm ở Hòa hình ảnh của một “*thánh nhân*”, nhưng làm sao có một “*thánh nhân*” khi anh vẫn phải sống như một con người bình thường? Sự vỡ mộng này của Quỳ sau này đã khiến chị day dứt, ân hận và đớn đau. Chị bước ra từ chiến tranh với quá khứ chưa một ngày nào thôi ám ảnh. Người đàn bà ấy đã sống hết tuổi trẻ của mình trong chiến tranh, cũng đã khát khao lý tưởng, đã dũng cảm cống hiến, đã yêu và đã tin như bao người tuổi trẻ khác trong chiến tranh. Nhưng Nguyễn Minh Châu còn nhìn chị ở một góc độ khác, góc độ tâm linh với một đời sống nội tâm nhiều phức tạp. Đó là những đấu tranh dằn vặt của chị trong tình yêu với Hòa. Đó là nỗi đau đớn của chị khi đọc từng dòng nhật ký của những chàng trai đã hy sinh, ở đó, họ thổ lộ tình yêu lặng thầm với chị. Đó là nỗi ân hận giày vò khi chị chứng kiến cái chết của Hậu, càng ân hận hơn khi chị biết Hậu cũng lại là một chàng trai đã âm thầm yêu thương chị. Chiều sâu nội tâm với muôn vàn cung bậc cảm xúc của Quỳ trong và sau chiến tranh chính là biểu hiện của một kiểu con người đa diện, phức tạp. Chị chân thành trong tình yêu và cũng có lỗi trong tình yêu. Chị cống hiến hết mình trong chiến tranh và chính chị cũng thấm thía tất cả cái khốc liệt của chiến tranh. Chị là người chiến thắng bước ra từ chiến tranh nhưng chính chị cũng mang bi kịch của chiến tranh.

Trong *Cỏ lau*, Nguyễn Minh Châu lại tập trung khai thác cuộc sống của người lính sau chiến tranh. Lục là một người lính dũng cảm, anh đã chiến đấu

và chiến thắng trở về. Nhưng ngày trở về, anh đối diện với năm mồ của chính mình, đối diện với một gia đình (có người cha già và người vợ yêu quý của anh) mà ở đó anh trở thành người xa lạ. Ở *Cỏ lau*, sự ám ảnh của chiến tranh là hình ảnh của núi Đọi với những người đàn bà ôm con chờ chồng mỗi mòn hóa đá, là bãi cỏ lau hoang sơ có sức sống man rợ, là sự thất vọng chua chát, là cảm giác cô đơn của người lính quay lại quê hương sau cuộc chiến, đã bị “chặt lia ra khỏi cuộc đời mình”. Bên cạnh Lục là Thai, người phụ nữ đã ôm giữ lấy mỗi tình đầu tiên của mình mà sống tiếp cuộc đời, đi qua chiến tranh loạn lạc bằng những ngày giỗ chồng đầm nước mắt. Để cuối cùng, giữa một bên là người chồng đã trở về bằng da bằng thịt, người đã chiếm giữ trọn vẹn trái tim chị suốt cả cuộc đời giông bão, một bên là người chồng đã chung sống và có với chị cả một đoàn con, chị chơi với ở giữa với đống đau tê dại. Họ hiện lên như những nạn nhân của chiến tranh, với những vết thương rớm máu.

Ở một góc nhìn khác, Nguyễn Minh Châu còn khám phá đời sống con người trong thời bình với những góc khuất, những chỗ ảm mờ của nó. *Chiếc thuyền ngoài xa* chính là tác phẩm tiêu biểu cho cái nhìn mới này. Dự cảm lo âu của nhà văn về thân phận con người đã thôi thúc Nguyễn Minh Châu hướng đến thông điệp: sự ngu dốt tối tăm cùng với cuộc sống lao động cực nhọc có thể dẫn đến số phận bi đát của người nông dân. Trong tác phẩm, gia đình hàng chài chính là một bức tranh thu nhỏ cho cuộc sống ấy. Một người đàn ông vì cực nhọc mưu sinh, vì nỗi khổ đói nghèo không thể giải tỏa đã trút lên tấm lưng vợ những trận đòn như đòn thù. Một người đàn bà cam chịu không một tiếng kêu rên những trận đòn roi ấy, vẫn cương quyết từ chối con đường giải thoát cho mình bằng ly hôn. Ở đây, con người hiện lên chân thực đến trần trụi trong một cuộc sống đói nghèo tăm tối - một kiểu nhân vật chưa hề có trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu trước 1975.

Nguyễn Minh Châu không chỉ nhìn thấy con người ở phương diện nạn nhân của đói nghèo tăm tối mà còn khám phá ở một tầng sâu hơn trong những

bí ẩn của con người. Người chồng trong *Chiếc thuyền ngoài xa* vừa là một tội nhân vừa là ân nhân đã đem đến cho người đàn bà thô mộc xấu xí với gương mặt rỗ vì đậu mùa ấy một gia đình mà chị ta khao khát. Anh ta vốn cũng hiền lành. Anh ta còn là người chồng, người cha đã gồng lưng chèo chống con thuyền- gia đình hàng chài- giữa biển cả khi trời yên cũng như khi biển động để nuôi sống cả đàn con. Trên vai anh là cả một gánh nặng mưu sinh nhọc nhằn chưa hề dứt đoạn. Còn người đàn bà, tưởng như ít học, mông muội (giơ lưng chịu đòn không một tiếng kêu la), lại là một người rất thấu hiểu lẽ đời, biết cảm thông và biết hy sinh. Chị chia sẻ cùng chồng gánh nặng mưu sinh bằng cách chia tằm lưng ra chịu những trận đòn, hiểu rằng ấy là một cách giải tỏa những ám ức cuộc sống. Chị chất chiu cho mình và cho con những khoảnh khắc hạnh phúc hiếm hoi và quý giá. Chị biết giữ gìn cho con một tâm hồn hướng thiện khi xin chồng đưa mình lên bờ, đến quăng văng mà đánh. Chị lại giữ cho con một gia đình trọn vẹn, một người cha gánh vác bằng một lời cầu xin thống thiết “*đừng bắt con bỏ nó*”. Rõ ràng, đằng sau cái vẻ xù xì thô mộc ấy là những vẻ đẹp bất ngờ của con người, như một niềm tin của Nguyễn Minh Châu vào cuộc đời và con người.

Trong *Phiên chợ Giát* với nếp nghĩ quen thuộc của nhiều người nông dân thời lão Khúng, họ ngại thay đổi, cuộc sống của họ thường bó hẹp và gắn chặt với một làng xóm quen thuộc. Vậy mà lão Khúng đã dám “*bỏ làng xóm, bỏ mồ mã tổ tiên ở dưới biển để lên tận đây, cái miền ngược mà thiêng nước độc này để khai khẩn đất cát kiếm miếng sống*” [7, 135]. Phong trào hợp tác hóa nông thôn lan đến vùng đất gia đình lão Khúng sinh sống, lão khôn khéo và kiên quyết đứng ngoài vòng, lão lựa chọn cách làm ăn cá thể, con đường đi thiết thực cho sự sống còn của gia đình gồm 9 đứa con của lão. Qua nhân vật này, Nguyễn Minh Châu như nói lên quan điểm mang tính dự báo, dù là rất đau đớn của mình về những định hướng hình như chưa thực chuẩn xác với tình hình mới của Đảng qua những suy nghĩ thể hiện sự phản ứng dữ dội của

người nông dân này: *“xã hội chủ nghĩa chỉ rặt một lũ ăn cắp”* khi lão tham gia đại công trường thủy nông bị trộm nó nằng mặ́t trục xe, khi ruộng lạc, ruộng cà chua nhà lão bị nhọ̉ trộm; khi lão Bời ra sức thuyết phục, thậm chí cả ba cùng với nhà lão. Thì lão Khúng nói: *“đi theo Hợp tác xã để mà chết đói cả lũ à”*. Trước những biến cố lớn lao, lão Khúng luôn là người đứng mũi chịu sào, chèo chống con thuyền vượt qua sóng gió. Như vậy lão Khúng không chỉ được khắc họa là người nông dân *“chân lấm tay bùn”* mà còn như *“một nhà tư tưởng của thời đại”* thể hiện qua những suy tư trong đời sống tinh thần với sự lựa chọn khôn khéo và cương quyết cho cuộc sống của lão và đàn con. Khi Dũng - đứa con trai lão yêu quý nhất chết, thì Lê- đứa con thứ năm của lão gần như hóa dại, còn vợ lão ngất đi đến hai ngày sau vẫn chưa gượng lại được. Lão Khúng *“chợt nhận ra rằng, lúc này, lão phải làm một cái cột chống ở trong nhà....vợ con đều ngã gục xuống cả thì lão phải đứng thẳng”* [7, 143]. Không chỉ khắc họa những phẩm chất của lão Khúng bộc lộ rõ qua những biến cố, Nguyễn Minh Châu còn đi sâu vào những diễn biến tâm lý, những cảm xúc suy tư, trăn trở của lão bằng sự trân trọng và niềm tin vào những khả năng tiềm ẩn, vào cái tốt trong bản chất con người.

Cái nhìn nhân bản của Nguyễn Minh Châu được biểu hiện ở thái độ đối với con người đó là sự thương cảm và niềm tin, thể hiện ở sự đồng cảm, ở mối quan hoài thường trực về những đau khổ và số phận con người cùng với nỗi lo âu và cảnh tỉnh trước sự sa sút về đạo đức, nhân cách, khám phá ra những vẻ đẹp tiềm ẩn, bền vững trong con người. Truyện ngắn sau năm 1975 của Nguyễn Minh Châu thể hiện cái nhìn của nhà văn về con người đã đạt tới sự nhận thức tính phức tạp, đa tầng của bản chất con người, nhưng vẫn không mất đi niềm tin và sự khao khát khám phá những vẻ đẹp sâu xa của con người.

2.3.2. Cảm hứng phê phán về những mặt trái của cuộc sống

Nếu như dòng văn học cách mạng trước đây thiên về cảm hứng ca ngợi vẻ đẹp của quê hương đất nước, vẻ đẹp tâm hồn anh dũng bất khuất của con người Việt Nam thì sau năm 1980, trong văn học đương đại hình thành

khuyh hướng văn xuôi đời tư- thể sự, các nhà văn gọi là văn xuôi đời thường cùng tồn tại như một dòng quan trọng bên cạnh văn xuôi sử thi. Văn học có thể viết về mọi chuyện kể cả những điều phiến toái nhất của đời sống, văn học nói chung đã có điều kiện nhìn sâu hơn vào thế giới sâu kín, những điều nhỏ bé của con người, tiếp cận những mảng khuất lấp của cuộc sống, những dòng chảy tâm lý bên trong, những nỗi đau nhân tình thế thái cháy âm ỉ dai dẳng đã, đang và vẫn diễn ra trong cuộc sống thường nhật. Trong giai đoạn này, từ cảm hứng ngợi ca chuyển sang cảm hứng phê phán đã tạo nên một không khí mới trong văn học. Tiểu thuyết của Nguyễn Mạnh Tuấn, Nguyễn Khải, Lê Lựu, kịch Lưu Quang Vũ... đã tạo những cơn dư chấn trong bạn đọc. Nhưng đã có những tác giả khai thác chủ đề này quá đà, tạo ra một thứ văn minh họa mới, văn một chiều mới. Riêng Nguyễn Minh Châu thì dù phản ánh, phê phán những mặt trái của xã hội nhưng ông vẫn nuôi dưỡng tâm hồn con người hướng đến niềm tin thánh thiện vào cuộc sống. Ông nhìn hiện thực cuộc sống và con người bằng cái nhìn nhân bản.

Trong những trang viết của mình, Nguyễn Minh Châu như đang đối thoại với cuộc sống, đối thoại với con người, đối thoại với những dòng chảy cảm xúc của nhân vật. Những sự kiện đời sống trong tác phẩm của Nguyễn Minh Châu là những sự kiện của cuộc sống đan kết bởi vô vàn điều bất ngờ, nhỏ nhặt, khác với cái quyết liệt trong chiến tranh người ta có thể nhận định rõ được ranh giới giữa hai thái cực tốt- xấu, trắng- đen, chính- tà. Với giọng văn mềm mại mà quyết liệt, Nguyễn Minh Châu viết về những mặt trái của xã hội đã làm hủy hoại tình cảm và nhân cách của con người một cách mạnh mẽ.

Nguyễn Minh Châu rất sáng suốt khi nói rằng: *“Bước ra khỏi một cuộc chiến tranh cũng cần thiết phải có đầy đủ trí tuệ và nghị lực như bước vào một cuộc chiến tranh” (Miền cháy)*, là vì có biết bao điều về chiến tranh mà chỉ khi đã trải nghiệm người ta mới thức tỉnh, nhận thấy và đây cũng chính là mối liên hệ sâu xa giữa quá khứ chiến tranh với thời hậu chiến. Chiến tranh chấm dứt song không phải vì thế mà cuộc sống không còn những lo âu, buồn

phiền. Thời bình cuộc sống lại có những gai góc, nhiều khô và phức tạp riêng của nó. Những khó khăn về vật chất, những tệ nạn xã hội gây bức xúc, tệ của quyền, thói thực dụng trắng trợn, xét theo một nghĩa nào đó là sự phản bội xương máu và niềm tin của bao người đã ngã xuống trong chiến tranh để dành giữ hòa bình. Tâm lí thất vọng, nổi cay đắng, cảm giác lạc lõng, cô đơn cũng nảy sinh từ đây.

Hướng tìm tòi mới của Nguyễn Minh Châu về con người trong thời kì sau chiến tranh là những con người trong cuộc sống thường nhật. Hầu hết các nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu giai đoạn này đều là những con người bình thường, nhỏ bé. Mỗi quan tâm của họ chỉ là những chuyện vụn vặt trong cuộc sống đời thường. Nhưng mỗi người lại là một nhân cách đạo lí, một thế giới riêng biệt đầy bí ẩn mà ngòi bút tài hoa của ông đã tạo ra cho mỗi số phận ấy những suy nghĩ đạt tới chiều sâu của sự triết lý.

Từ những truyện tưởng rất bình thường nhỏ nhặt không có gì đặc biệt như: *Một lần đối chứng, Mẹ con chị Hằng, Hương và Phai, Đứa ăn cắp, Một người đàn bà tốt bụng, Sống mãi với cây xanh...* Nguyễn Minh Châu vẫn tìm ra được các khía cạnh sắc sảo của thế thái nhân tình, của những vấn đề vừa nhỏ bé, vừa rộng lớn trong số phận cá nhân. Dù mỗi truyện một vẻ, nhân về một phía nhưng đều có chung âm điệu phê phán khá gay gắt những thói đời qua đó gửi gắm những thông điệp mang cái nhìn nhân văn, nhân bản.

Mẹ con chị Hằng phê phán về sự vô tâm của con người trong cuộc sống. Truyện kể về một người đàn bà với cách cư xử hàng ngày của bà với con cái và sự đối xử của con cái đối với bà. Đây là một vấn đề tưởng như rất bình thường trong mọi gia đình, vậy mà qua ngòi bút của Nguyễn Minh Châu, nhiều bạn đọc phải giật mình tự soi lại mình. Hóa ra chính sự hy sinh quá mức đến độ âm thầm, nhẫn nhục của người mẹ đã làm các con trở nên sống ích kỷ mà không tự nhận ra sự ích kỷ của mình, sự vô trách nhiệm của bản thân đối với đáng sinh thành.

Cái chết bất ngờ của Thoan trong *Đứa ăn cắp* khiến mọi người trong khu tập thể bàng hoàng và phải giật mình suy nghĩ vì đôi lúc con người trở nên tàn ác một cách rất hồn nhiên. Chỉ vài tháng trước chính họ không ngớt lời chỉ trích mong cho Thoan ra khỏi cơ quan để khỏi phải sống với một đứa ăn cắp. Lại cũng chính họ người nào người ấy đều bịn rịn trong phút chia tay Thoan trở về quê. Và giờ đây là những tiếng thở dài, những lời thương xót, những giọt nước mắt. Nguyễn Minh Châu đã phanh phui mô xẻ để bạn đọc nhận rõ mặt cái xấu, cái ác và sự tha hóa về đạo đức con người. Đồng thời đưa ra những lời cảnh báo cho những hành vi ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên trong cuộc sống hiện đại. Đề hiểu đúng về một con người quả là không đơn giản, Nguyễn Minh Châu từng nói: *“một cuộc đối chứng giữa hai mặt nhân cách và phi nhân cách, giữa cái hoàn thiện và chưa hoàn thiện, giữa ánh sáng và những khoảng bóng tối vẫn còn rơi rớt bên trong tâm hồn của mỗi người miến đất nương náu và gieo mầm nhiều lỗi lầm và tội ác”* [7, 364].

Viết bằng cảm hứng phê phán cũng là một cách thức tinh nhân tính trong mỗi con người bởi lẽ trong cuộc sống cũng như trong tác phẩm, nhà văn không tránh khỏi bóng đen, có thể viết rất đậm về bóng đen nhưng chính là để làm bật lên ánh sáng. Viết về cái hư hỏng, cái lạc hậu chính là để làm nổi bật cái đúng cái hay và cái đẹp. Mục đích cuối cùng là hướng vào sự tự ý thức, tự phê phán để khẳng định cá nhân con người.

Người họa sỹ trong *Bức tranh* đã từ chối vẽ bức chân dung anh bộ đội để anh gửi cho mẹ anh ta chứng tỏ mình vẫn còn sống. Sau đó chính anh chiến sỹ này lại được giao nhiệm vụ mang tranh giúp người họa sỹ và anh đã cứu ông khỏi dòng lũ cuốn. Người học sỹ đã vẽ chân dung của anh nhưng không đem đến cho bà mẹ anh như đã hứa. Bức tranh vẽ người chiến sỹ sau này được gửi đi dự triển lãm ở nước ngoài và giành giải thưởng cao. Rất tình cờ, người họa sỹ gặp lại anh chiến sỹ, bây giờ là thợ cắt tóc, và được biết bà mẹ anh đã bị loà vì không nhận được tin tức con. Miêu tả mâu thuẫn tâm lý

thể hiện qua sự giằng co dai dẳng giữ dội trong nhân vật hoạ sỹ, nhà văn đã thực hiện nhiều phép thử đối với nhân vật. Các phép thử đó có giá trị như những giả định về khả năng lựa chọn và phân định rạch ròi giữa các thái cực: hèn nhát và dũng cảm, cao thượng và thấp hèn. Tất cả chỉ nhằm mục đích để cho đối tượng tự nhận thức tự làm sáng tỏ bản chất con người. Truyện ngắn này như một lời nhắc nhở con người phải thường xuyên soi rọi lại chính mình, phải tạo dựng bộ mặt tinh thần của mình ngay cả trong điều kiện không có áp lực xã hội, tác động của dư luận.

Một lần đối chứng lại là sự khám phá thế giới hiện thực đầy bí ẩn giữa con người với tự nhiên. Đó cũng chính là khát vọng của nhà văn trong hành trình nhận thức và khám phá các quy luật tồn tại của con người. Ông viết như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ: Mọi người từng thử làm một sự đối chứng với loài vật- một cuộc đối chứng giữa thiện và ác, giữa lý trí, trí tuệ và bản năng mù quáng. Cũng là một cuộc đối chứng về mặt nhân cách và phi nhân cách giữa cái hoàn thiện và chưa hoàn thiện, giữa ánh sáng và khoảng bóng tối vẫn còn roi rớt bên trong tâm hồn của mỗi người miếng đất nương náu và gieo mầm của lỗi lầm và tội ác.

Trong truyện ngắn *Bến quê*, qua nhân vật Nhĩ, Nguyễn Minh Châu muốn đối chứng lại quan niệm về con người luôn luôn vượt lên mọi hoàn cảnh, chiến thắng được mọi thử thách và trở trêu của hoàn cảnh. *Bến quê* vì thế vẫn nói lên một cách từng trải sự cảm nhận về cái vô hạn và cái hữu hạn của những khả năng, tình thế của con người.

Trong tác phẩm cuối cùng *Phiên chợ Giát* viết khi nằm trên giường bệnh, Nguyễn Minh Châu thực sự thấu hiểu những kiếp người- bò như lão Khúng. Quyết định thả con bò khoang về với tự do là khao khát cõi trời cho kiếp Người- bò của lão Khúng nhưng cuối cùng khao khát ấy không bao giờ thực hiện được. Quá quen với cái ách trên cổ, con Khoang đã vĩnh viễn quên mất tự do và thơ thẩn quay về bên chủ, buộc Lão phải gắn bó với nó. Bi kịch

của số phận người- bò của lão Khúng là bi kịch không thể giải thoát của người nông dân.

Lão Khúng trong *Khách ở quê ra*, tất cả con người lão dường như đối chọi, dị ứng với cái văn minh của thành thị. Cuộc sống của lão là ở những miền đất cát, là núi rừng hồn nhiên hoang dã. Lão đích thị là một nông dân chính hiệu. Qua ngòi bút của Nguyễn Minh Châu, lão Khúng đã không chỉ hiện ra một chiều với bản chất nông dân như thế. Ngược lại lão có là một tính cách đa dạng phức tạp, có chiều sâu với các nét tính cách vừa đáng phê phán vừa đáng ngợi ca vừa đáng cảm thương, đáng trân trọng. Bên cạnh lối suy nghĩ tính toán giản đơn, bảo thủ, lạc hậu còn có cả khao khát muốn đổi mới. Bên cạnh những nông dân khác đang hồ hởi tham gia xây dựng hợp tác xã thì lão là dinh lũy cuối cùng của lối làm ăn cá thể. Vượt qua mọi lời dị nghị của dân làng, lão chấp nhận lấy một cô gái thị thành lỡ bước để rồi suốt 20 năm lặn lội đỡ đầu cho đứa con riêng của cô ấy. Bức chân dung người nông dân trong lão Khúng vừa mang những phẩm chất vốn có, vừa phản ánh những đặc điểm của thời đại in dấu vào. Chính vì thế người đọc có thể nhận ra những mặt đối lập của những tính cách người nông dân được khắc hoạ một cách tự nhiên trong mọi biểu hiện của lối ứng xử: Vừa nghiêm ngặt vừa bao dung, vừa phóng khoáng vừa thiết thực, vừa nhỏ nhen vừa quảng đại.

Dưới ngòi bút phản ánh của Nguyễn Minh Châu, bao nhiêu mặt trái của cuộc sống được bộc lộ ra hết nào là thói vị kỷ, kiêu ngạo, ham thích phô trương và chuộng hình thức màu mè, chỉ nhìn thấy cái xấu và thờ ơ trước số phận của người khác. Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu là một tâm sự, một cảm nhận khác nhau, nhưng ở đó tất cả đều là nỗi đau nhân thế khi phải chứng kiến sự thực cay nghiệt của cuộc sống. Sự xuống dốc trong quan niệm sống, thói tư duy giáo điều máy móc, sự tôn thờ chủ nghĩa vật chất, sự coi trọng quyền lực, con người sa đọa, độc ác, giả dối... Muôn vàn những nhức nhối của cuộc sống được miêu tả trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu khiến ta thấm thía hơn bao giờ hết cái đa đoan, đa sự của cuộc sống thường nhật

hôm nay. Chính sự thản nhiên, vô tư, thờ ơ, ích kỷ của con người và lối đối xử vị kỷ đã dẫn đến những hậu quả khôn lường, là nguồn gốc cho những bi kịch của số phận con người. Con người hiện đại đang có những thay đổi cơ bản và mạnh mẽ cả về hình thức lẫn bản chất. Những thay đổi đến chóng mặt đã khiến cho chúng ta không còn nhận ra mình là ai nữa.

Quá trình khai thác mỏ xẻ nhân vật là hành trình tìm kiếm chính mình, tìm kiếm bản chất người bên trong con người. Viết không chỉ là phê phán thuần túy, phủ định sạch trơn những mặt tiêu cực còn tồn tại trong mỗi con người và xã hội, mà quan trọng hơn là tìm và phát hiện ra khát khao hướng thiện và xây dựng một cuộc sống tốt đẹp trong tâm hồn mỗi con người.

Tiểu kết chương 2: Sau 1975, Nguyễn Minh Châu hướng ngòi bút vào phản ánh hiện thực đời sống một cách trung thực và nhiều chiều để từ đó nói lên đầy đủ nhất những vấn đề đạo đức, lối sống, các mối quan hệ phức tạp trong đời thường, những cảnh đời vất vả, éo le, ngang trái, cái ác, cái xấu, cái khiếm khuyết ẩn náu trong những cái quen thuộc của đời thường. Cùng với đó là những bi kịch, những nỗi đau, những lời sám hối, những khủng hoảng và cả những hoài nghi. Nguyễn Minh Châu đã lật xới những vấn đề của cuộc sống một cách chân thực khiến người đọc nhận thức rõ rằng cuộc sống thực tế còn nhiều nghịch lý, bi hài, bản chất con người luôn bao hàm cả bóng tối và ánh sáng, cả sức mạnh và sự yếu đuối cùng những giới hạn không thể vượt qua. Từ đó nhà văn bộc lộ sự khắc khoải, nỗi lo lắng về những thiếu hụt của con người, về sự không hoàn thiện của con người, về những cái xấu, thậm chí những mầm ác tồn tại trong mỗi con người, trực chờ cơ hội thuận lợi là trỗi dậy tác oai tác quái. Nguyễn Minh Châu muốn mọi người hãy đối chứng giữa thiện và ác, giữa lý trí và bản năng mù quáng, giữa ánh sáng và bóng tối còn rơi rớt trong tâm hồn con người qua đó để hiểu được con người bên trong con người. Sự khám phá con người của Nguyễn Minh Châu được dựa trên nền tảng của cái nhìn nhân bản sâu sắc, bởi được xuất phát từ cái nhìn hết sức cảm

thông và thấu hiểu, trân trọng và sẻ chia với số phận và đời sống của mọi người xung quanh, xuất phát từ tấm lòng nhân hậu, sự nhạy cảm trước nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, từ sự trân trọng những khát vọng của con người và niềm tin bất diệt vào khả năng tự ý thức để hướng tới cái chân thiện mỹ của cuộc sống.

Chương 3

NGHỆ THUẬT THỂ HIỆN CÁI NHÌN NHÂN BẢN CỦA NGUYỄN MINH CHÂU SAU NĂM 1975

3.1. Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện

Nguyễn Minh Châu là nhà văn luôn có ý thức sâu sắc về con đường sáng tạo nghệ thuật của mình. Chính vì vậy mà khi sáng tác ông rất quan tâm và chú trọng đến việc sáng tạo tình huống. Nguyễn Minh Châu đặc biệt chú ý đến cái phần sâu kín bên trong tâm hồn con người thông qua một khoảnh khắc đậm đặc nhất trong cuộc đời con người. Và từ đó ông khái quát lên những vấn đề có ý nghĩa xã hội lớn lao. Để làm được điều đó, Nguyễn Minh Châu luôn luôn có ý thức đưa con người vào những tình huống đời thường. Cái nhìn nhân bản được thể hiện rõ nét sau những tình huống đó.

Qua khảo sát truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 có thể phân loại tình huống trong truyện ngắn của ông theo các dạng cơ bản sau: Tình huống tương phản; Tình huống thắt nút; Tình huống luận đề.

3.1.1. Tình huống tương phản

Cuộc sống luôn chứa đựng mâu thuẫn, trong đó tương phản là một biểu hiện của mâu thuẫn. Nhiều khi giữa cái bên trong và cái bên ngoài, cái hiện tượng và cái bản chất, cái giả và cái thật luôn bị đảo lộn. Nhiều khi điều mắt ta nhìn thấy lại không đúng với bản chất thật của nó. Nguyễn Minh Châu ý thức rất rõ về điều này khi nhìn nhận, đánh giá cuộc sống và con người. Trong truyện ngắn của mình, Nguyễn Minh Châu thường lật đi lật lại các hiện tượng, vấn đề, phát hiện ra bản chất thật của vấn đề nên tránh được lối cảm, lối nghĩ đơn giản một chiều. Truyện ngắn: *Sấm vai, Cỏ lau, Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* là những truyện ngắn tiêu biểu, trong đó có cách tạo tình huống tương phản xuất phát từ cái nhìn đa chiều vào cuộc sống, từ lòng tin mạnh mẽ vào con người cùng thái độ quyết liệt chống lại thói vô cảm đang ngày càng làm thui chột tình đồng loại.

Truyện *Sắm vai* nói đến anh nhà văn sống đạm bạc, giản dị, không cần gì cả ngoài cuốn tiểu thuyết anh đang say sưa viết, đã phải thay đổi theo chiều ngược lại toàn bộ giờ giấc sinh hoạt, áo quần, nụ cười, tiếng nói để chiều theo ý của vợ ở nước ngoài về. Anh phải sắm vai là một con người hoàn toàn khác, bị biến thành con rối để cho người khác giật dây, điều khiển. Và không chỉ người ngoài mà ngay chính anh cũng nhận ra sự đáng thương, lố bịch của mình. Câu chuyện bề ngoài nhuốm vẻ giễu cợt, hài hước nhưng không giấu khỏi sự xót xa cay đắng bên trong. Sự tương phản này như là một hình phạt nặng nề thảm hại, nhưng lại rất nực cười giữa tính cách, bản chất thật của một con người và vai mà người đó phải đóng một cách gượng gạo. Cuối cùng, anh ta đã phải trở về với chính mình, sống thật với bản chất con người mình. Từ tình huống tương phản đó cho ta bài học: Phải sống thật với những gì mình có, nếu sống giả tạo thì chỉ là tự đánh mất mình, tự giết chết chính mình mà thôi. Điều mà nhà văn Nguyễn Minh Châu đặt ra trong truyện ngắn này là: đừng hy sinh cái bản ngã của chính mình để sắm vai người khác mà sống cho đúng với bản ngã của chính mình đâu có phải chịu thiệt thòi hay khổ sở.

Truyện *Đứa ăn cắp* nói về tình huống tương phản giữa hiện tượng và bản chất, giữa bên trong và vẻ bên ngoài của nhân vật. Truyện nói về những người đàn bà trong khu tập thể với cái thói la lối, kết tội người khác một cách vô căn cứ, nhìn nhận sự việc một cách phiến diện, suy luận một cách nông cạn. Hậu quả dẫn đến cái chết gián tiếp của cô Thoan. Chính những người đàn bà trong khu tập thể đã bắt chị phải ra đi như đó là cách xử sự vô tư hồn nhiên của họ mà không chút bận tâm. Tình huống này gợi cho người đọc những suy nghĩ về trách nhiệm trước những hậu quả khôn lường của những lời nói và cử chỉ tưởng như vô tình.

Quý trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* ngay chính tâm hồn và suy nghĩ, hành động của chị đã chứa đựng nhiều nghịch lý. Đó là sự tương phản giữa tiêu chuẩn về người yêu tương lai với thực tế đang có của

những con người đó. Sự tương phản này giúp ta hiểu thêm về tấn bi kịch của Quỳ: suốt một thời tuổi trẻ Quỳ đã đi tìm cho mình một thánh nhân trong cuộc đời, vô tư chia tay người yêu chỉ vì đôi bàn tay của anh ấy lúc nào cũng dấp dính mồ hôi. Để rồi sau cái chết của người yêu, Quỳ mới nhận ra chị yêu anh đến nhường nào. Chị sống trong đau đớn, dằn vặt. Và chính cái chết của người yêu cũng đã làm thay đổi cách suy nghĩ của chị. Chị hiểu rằng trên đời không có thánh nhân, mỗi người bằng những việc làm của mình sẽ góp phần làm đẹp hơn cuộc sống. Đây là một sự nhận thức đúng đắn của một con người đầy trách nhiệm với đời.

Trong *Cổ lau* cũng có tình huống tương phản: Cái thật đối mặt cái giả, nhưng cái giả không phải là cái bên ngoài hay cái giả dối được dựng lên mà là một mặt của sự thật được bộc lộ một cách bi đát nhất, trớ trêu nhất. Lực đã là người chết giả và anh đã phải đóng vai người chết giả đó để trở về quê hương sau chiến tranh và phải chứng kiến cảnh vợ anh thành vợ người khác, người cha già cũng không còn nhận ra anh vì ông tin rằng anh đã chết. Anh là người thật đang sống bằng xương bằng thịt mà phải đau đớn khi đứng trước người thân của mình, đứng như chôn chân trước mộ giả của mình mà người khác tin là mộ thật. Cái thật, cái giả ở đây cứ lẫn lộn vào nhau, song hành với nhau nhưng cũng tương phản nhau đã tạo nên tình huống đầy bi kịch như chính Lực đã nói *“Chiến tranh như một nhát dao phạt ngang mà hai nửa cuộc đời tôi bị chặt lìa thật khó gắn liền lại như cũ. Nhưng đau hơn là hai nửa cuộc đời tôi cũng không bị cắt lìa hẳn. (...) Cuối cùng tôi vẫn chỉ là một khách lạ- của cái cuộc sống luôn luôn biến động nhưng bao giờ cũng như đã được sắp sẵn xong đâu đấy. (...) Tôi đã bị chặt lìa ra khỏi ngay cuộc đời mình”* [7, 470].

Tình huống tương phản được tạo nên từ ngòi bút của Nguyễn Minh Châu là sự tương phản giữa nghệ thuật và cuộc sống. Nghệ thuật thì ở ngoài xa còn cuộc đời thì lại thật gần, nghệ thuật thì đẹp nhưng cuộc đời lại đầy rẫy bao phức tạp. Nguyễn Minh Châu cho người đọc thấy được cái nhìn đa diện, nhiều

chiều về cuộc sống: phía sau cuộc sống tươi đẹp còn tồn tại những bất công phi lí, những ngang trái khó giải thích, chỉ có người trong cuộc mới hiểu.

3.1.2. Tình huống thắt nút

“*Thắt nút*” là từ khá quen thuộc trong thuật ngữ văn học, đặc biệt với thể loại kịch. Tình huống thắt nút là kết quả của nhiều tình huống khác trong quá trình diễn biến của câu chuyện. Quá trình đó tăng tiến lên ở mức độ cao hơn, căng thẳng hơn, rắc rối đến cực điểm khi đó được coi là thắt nút. Xem xét truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, tôi nhận thấy bên cạnh tài năng khám phá những điều mới lạ từ những sự kiện đời thường, khả năng miêu tả tâm lí nhân vật một cách điêu luyện, ông còn tạo ra những tình huống trớ trêu, những nút thắt cổ chai bất ngờ để dựng nên những truyện ngắn có sức nén và gây ám ảnh. Những tình huống trong truyện ngắn của ông thường không phải là những xung đột xã hội dữ dội hay xung đột trực diện gay gắt về mặt tính cách giữa các nhân vật mà đó thường là những tình huống mang tính chất gằn gỏi, đời thường nhưng có lúc cũng lăm trớ trêu và cay nghiệt. Và ở những tình huống kiểu như thế thì rõ ràng giá trị nghệ thuật của chúng không chỉ là ở phần “*chuyện*” mà còn ở thế giới tâm lí hết sức vi diệu và bí ẩn của con người được nhà văn khám phá và giải mã trong tác phẩm.

Tình huống thắt nút trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu có thể tạm hiểu như là những tình huống khá căng thẳng do hàng loạt những sự kiện được tác giả tổ chức theo kiểu tăng tiến mức độ nóng bỏng và ngày càng siết chặt vòng vây khiến câu chuyện buộc phải tiến tới một kết thúc nào đó để giải quyết những mâu thuẫn dồn dập và đan xiết đã được tác giả khéo léo dàn dựng. Tuy nhiên những tình huống thắt nút đa phần không phải là những xung đột xã hội gay gắt, đòi hỏi phải được giải quyết theo kiểu “*một mất một còn*” mà đó chỉ là những tình huống ứng xử tâm lí đời thường, được nhìn nhận dưới góc độ cá nhân của nhân vật và sự “*thắt nút*” cũng được tác giả dụng công khai thác dưới khía cạnh đấu tranh nội tâm và diễn biến tâm trạng của

nhân vật khi giải quyết vấn đề của mình hơn là sự đối chọi, mâu thuẫn giữa các tuyến nhân vật với nhau. Các truyện ngắn *Cơn giông*, *Bức tranh*, *Mùa trái cóc ở miền Nam*, có tình huống thắt nút theo kiểu như vậy.

Truyện ngắn *Cơn giông* nói về Thăng (chiến sĩ lái xe tăng) và Quang (kẻ phản bội và trở thành sĩ quan nguy giờ đang bị cải tạo) họ gặp nhau vào một đêm trời mưa sau chiến tranh, trên mảnh đất của chiến trường xưa khi Thăng về thăm người yêu của mình và Quang. Cuộc gặp này như một cuộc đối địch với nhau, đối địch trong tình yêu, đối địch trên chiến trường và cả khi họng súng của người này đã nhắm đúng người kia nhưng rồi lại không bóp cò. Lúc này Thăng đã có đủ điều kiện, cơ hội và lí do để trả thù kẻ đã cướp người yêu của anh, đã đày ải anh và giết chết biết bao đồng đội bằng sự phản bội của hắn. Nhưng Thăng đã không làm như thế. Anh đã vạch trần bộ mặt của hắn và chỉ rõ những nguyên nhân khiến hắn trở thành kẻ phản bội. Quang đã bị lột trần khỏi sự ngạo mạn và ảo tưởng về chính mình. Hắn đứng ở đỉnh điểm tột cùng của sự tự nhận thức và tự quyết định số phận của mình. Việc mở nút thắt là do chính bản thân hắn.

Trong *Mùa trái cóc ở miền Nam*, tình huống thắt nút là tình huống Toàn gặp lại mẹ sau bao nhiêu năm xa cách. Ở những trang truyện trước, tác giả cho ta thấy sự phát triển nhân cách, số phận của Toàn và số phận đầy bi kịch của mẹ Toàn. Mẹ Toàn đi tu nhưng vì lòng yêu thương con mãnh liệt nên bà rời khỏi tu hành để nối lại nợ đời và đi tìm con. Nhưng cuộc gặp gỡ giữa hai mẹ con họ đã diễn ra đầy kịch tính. Đứng trước người mẹ đã chịu mọi gian khổ để cứu mang và chờ đợi mình, Toàn xử sự như một người con bất hiếu, vô ơn. Còn người mẹ, khi gặp lại đứa con trai của mình đã vui mừng khôn xiết, bà khóc vì vui sướng hạnh phúc, nhưng cũng trong buổi gặp gỡ ấy bà đã rơi vào tột cùng của sự đau khổ. Trước những giọt nước mắt đầy xúc động của người mẹ rơi xuống tay mình, Toàn đã đưa tay lên ngửi mùi nước mắt ấy. Niềm hi vọng duy nhất còn lại của bà sau những năm dằng dặc mong

chờ và bao công sức, bao cố gắng đã bị tắt ngấm. Nỗi đau của người mẹ được đẩy lên mức cao trào khi phát hiện ra tội ác mà con mình gây ra cho đồng đội chỉ vì chút quyền lợi cá nhân. Sự mô tả tình huống này đã bộc lộ rõ nét thái độ của nhà văn đối với nhân vật.

Trong *Bức tranh* cũng có tình huống thắt nút mặc dù ngay từ đầu tác phẩm này đã đi theo hướng luận đề về đạo đức. Tình huống thắt nút đó là khi người họa sĩ chợt nhận ra người cắt tóc đang sửa sang cái đầu cho mình, nhìn vào mình, lại chính là người bộ đội mình đã thất hứa năm xưa ở Trường Sơn. Từ ngày ấy đến bây giờ, ông học sĩ luôn sống trong sự cố tình lãng quên quá khứ, trong sự xóa nhòa ý thức trách nhiệm được biện minh bằng bởi những lí lẽ nguy tạo, trong sự thỏa mãn bởi vinh quang nghệ thuật. Khi người thợ cắt tóc hiện hữu ngay trước mặt ông họa sĩ, tất cả quá khứ lại ùa về một cách chính xác và nghiêm khắc, đồng thời cho người họa sĩ thấy hậu quả không thể nào cứu chữa được do sự ứng xử vô trách nhiệm năm xưa, cụ thể là cặp mắt mù lòa của mẹ anh bộ đội sau những chịu đựng về tinh thần khi nghe tin con đã hi sinh. Thái độ làm như không nhận ra người quen cũ của người thợ cắt tóc không chỉ có ý nghĩa như một sự khoan dung, cao thượng mà còn giống như một sự khinh bỉ, im lặng. Chính tình huống thắt nút này đã đẩy người họa sĩ già đến những cảm giác day dứt, giằng xé, tự xỉ vả mình, tự nhìn vào con người thật của mình. Cái nhìn đó đã dẫn đến bức chân dung tự họa trong đó khuôn mặt, nội tâm bên trong hiện lên với tất cả sự xấu xí của nó. Điều tác giả muốn nói ở đây là sự phát triển tất yếu của những hành động vô trách nhiệm, ích kỉ, coi thường đối với người khác, nhất là trong vai trò một nghệ sĩ. Truyện mở đầu và kết thúc đều là bức tranh tự họa. Cái kết cấu khép kín đó làm cho tình huống thắt nút càng trở nên thít chặt hơn và bài học về cuộc đời càng thêm nghiệt ngã.

Tình huống thắt nút trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu không mấy gay gắt và kịch tính nhưng đó chính là duyên cớ để tác giả thâm nhập

vào những diễn biến tâm lí phức tạp của nhân vật. Những chi tiết tài tình sẽ tạo nên những tình huống éo le và từ đó phát sinh những đấu tranh nội tâm phức tạp của nhân vật, dẫn tới những hành động bất ngờ thúc đẩy mạch truyện một cách hợp lí từ đầu đến cuối.

3.1.3. *Tình huống luận đề*

Nhiều người nhận xét truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu càng về cuối đời càng mang đậm tính luận đề như *Dấu vết nghệ nghiệp*, *Một lần đối chứng*, *Phiên chợ Giát*, *Chiếc thuyền ngoài xa*...Xuân Thiều nhận xét: “*Có cảm giác như Nguyễn Minh Châu đã sao nhãng những cách viết chân thực dung dị trước kia để tìm tới loại truyện luận đề*” [12, 314]. Ngọc Trai cũng cho rằng: “*Phần lớn các truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu là loại truyện luận đề- những luận đề về đạo đức, nhân văn, về tâm lí xã hội*” [12, 314]. Chính Nguyễn Minh Châu cũng thừa nhận: “*Điều khiến tôi chưa thật thích là trong một vài truyện, tính chất luận đề về đạo đức để lộ ra quá rõ*” [3, 182]. Bởi trái tim nhân hậu luôn yêu thương, trân trọng con người cùng với lương tâm của người nghệ sĩ khiến ông bị giày vò bởi những lo âu trước những biểu hiện băng hoại đạo đức sau chiến tranh, những vấn đề nhức nhối trong đời sống nhân sinh, thế sự. Nhận xét về truyện ngắn mang tình huống luận đề của Nguyễn Minh Châu, Phong Lê nói: “*Mọi cái đang vỡ ra, đây bất ổn, đòi hỏi những suy nghĩ tinh táo, những sự sắp xếp, điều chỉnh mới xuất phát từ nền tảng tư tưởng nhân bản*” [40, 245- 246]. Tình huống luận đề được tạo nên bởi những xung đột đầy nghịch lý, mang tính chất bi kịch, dẫn người đọc tới sự thức tỉnh trong nhận thức về một quan niệm tư tưởng vốn có.

Trong truyện ngắn *Bến quê*, nhân vật Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, mà nay trong những ngày nằm trên giường bệnh anh khao khát được một lần đặt chân sang bờ sông bên kia- cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình- một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa bao giờ đi đến. Anh muốn nhờ Tuấn con trai anh đi học ở nơi xa vừa mới về

nghe hè thay anh thám hiểm bến sông nhưng tiếc rằng ước mơ của anh không được thực hiện vì nó mới chỉ đi đến hàng cây bằng lăng bên kia đường đã mãi sà vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố. Có lẽ đó cũng là một nhận thức về cuộc đời mà nhà văn lặng lẽ gửi vào nghịch lý phũ phàng với tâm hồn khác khoải trong những ngày cuối đời của Nhĩ. Cuộc đời và số phận đầy ngẫu nhiên và nghịch lý vượt ra khỏi dự định, khỏi những toan tính của con người. Bằng suy ngẫm và tổng kết qua biết bao trải nghiệm con người mới nhận ra triết lý. Rất nhiều nơi xa xăm Nhĩ đã bước chân tới vậy mà cái bãi bồi ngay bên kia thôi anh chưa từng một lần đặt chân đến. Đến khi khao khát ước muốn thì anh đã không thể cất bước về miền đất hứa ấy.

Cái bờ bên kia sông Hồng không dừng lại ở ý nghĩa hiện thực mà nó còn hàm chứa những giá trị biểu tượng vô cùng thiêng liêng. Bến bờ ấy có thể hiểu là bến đậu quê hương, bến đậu cuộc đời, bến đậu những giá trị tinh thần gần gũi. Bãi bồi bên kia sông, con đò như một phần cuộc sống đơn sơ giản dị gắn bó như chính quê hương gia đình. Và hình ảnh cuối cùng của Nhĩ *“mặt mũi Nhĩ đỏ rựng một cách khác thường, hai mắt long lanh chứa một nỗi mê say đầy đau khổ, cả mười đầu ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩy bẩy. Anh đang cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát y như đang khấn khiết ra hiệu cho một người nào đó”* [7, 327]. Hành động này như gửi tới mọi người lời nhắn nhủ, thức tỉnh con người hãy thoát khỏi sự vòng vèo, chùng chình để hướng tới giá trị đích thực mà gần gũi trong cuộc sống. Đây là ý nghĩa luận đề của truyện ngắn điều làm nhà văn trần trở suốt cuộc đời cầm bút và nó đã làm nổi bật phong cách truyện ngắn của ông.

Trong truyện ngắn *Bức tranh* tác giả đã đưa ra tình huống luận đề và giải quyết theo một hướng mới qua cặp nhân vật người họa sĩ và anh chiến sĩ. Ông họa sĩ vẽ bức tranh về anh bộ đội để thể hiện lòng hối hận và sự biết ơn chân thành của mình, khi ông tỏ vẻ là một con người cao ngạo hay tự ái,

không biết thông cảm cho anh chiến sĩ, người đã thò tranh cho ông và cứu ông thoát chết. Không nhằm dụng ý làm nghệ thuật vậy mà nó trở thành tuyệt tác, trở thành đỉnh cao trong sự nghiệp sáng tác của ông và chính sự thành công ấy dẫn đến việc làm tội lỗi của ông đối với người chiến sĩ. Ông đã thất hứa, không đem bức tranh về cho bà mẹ luôn ngóng tin con mà lại đóng gói đem bức tranh đi triền lãm. Ông đã thành đạt trên sự đau khổ của người khác.

Với tâm trạng tội lỗi ấy, cuối cùng họa sĩ cũng đã nhận ra sau tám năm, khi tình cờ gặp lại anh lính năm xưa trong cửa hiệu cắt tóc. Họa sĩ đã trải qua một cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt, quyết liệt. Ông đã phải tự chất vấn mình nhiều khi tưởng tượng những cuộc đối thoại với anh lính rồi tìm cách biện hộ cho việc làm của mình. Ông đã định trốn thoát sự ám ảnh ấy nhưng vẫn không trốn thoát được. Nhất là khi ông biết được bà mẹ anh chiến sĩ đã bị mù mắt trong đó ông có một phần gây ra. Bởi bà mẹ vì tưởng con mình chết khóc than đến mù mắt. Từng lúc con người xấu, con người tốt trong ông đã đấu tranh lẫn nhau. Khi cái xấu bảo ông trốn, hay lấy tiền để chuộc tội, lúc cái tốt khuyên ông dừng mà phải thú nhận. Và đáng mừng thay cuối cùng phần thiện đã thắng: *“Trong con người tôi đang sống lẫn lộn người tốt kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ (...) Tôi xin nhận đã gây thêm đau khổ cho bà mẹ anh. Tôi đã lừa dối anh. Tôi thu thêm được nhiều tiền của và tiếng tăm trên sự đau khổ của anh ”* [7, 133]. Trước tòa án lương tâm người họa sĩ đã thú tội, ông đã nhìn ra được cái xấu trong con người mình để vượt qua và vươn tới cái thiện, cái tốt đẹp. Và cũng như lần trước, ông bày tỏ sự hối hận bằng cách vẽ tranh. Nhưng lần này không phải vẽ ai mà ông vẽ chính mình, tự họa bức tranh thể hiện cái bộ mặt bên trong của chính ông và cuối cùng con người xấu xa kia cũng đã rất chân thật, dũng cảm tự đấu tranh với chính mình và đã chiến thắng cái xấu trong bản thân. Chính có luồng ánh sáng từ nhân cách cao thượng của người chiến sĩ đã giúp cho ông họa sĩ soi rọi lại mình.

Bức tranh tự họa chân dung mình để thay cho lời tự thú thể hiện cả thế giới tâm hồn đang sống lẫn lộn giữa người tốt, kẻ xấu, rồng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ. Đó là kết quả của quá trình tự đấu tranh thật gay go, quyết liệt, không khoan nhượng của bản thân mình, bức họa ấy là khuôn mặt xấu xí, lạ lùng, khuôn mặt bên trong của người họa sĩ. Ở đây tác giả cho ta thấy được, một con người thường có hai mặt: mặt bên ngoài thì thường được phô bày rất đẹp, rất lịch sự, thanh tao nhưng bên trong là những cái xấu xa ti tiện, những vun vén cá nhân, ích kỉ hẹp hòi. Những thói xấu ấy luôn được che giấu trước một cái mặt nạ bảnh bao và có mấy ai dám lột cái mặt nạ của mình ra. ở đây họa sĩ đã dám làm cái điều ấy, đã dám tự mình lột cái mặt của chính mình, phơi bày tất cả mọi cái xấu xa qua bức chân dung tự họa. Đây chính là kết quả của một cuộc sám hối, là lời tự thú chân thành của một tâm hồn biết hướng thiện.

Thông qua bức tranh nhà văn muốn nêu lên một quy luật: Cuộc đấu tranh nội tâm luôn diễn ra với mọi người. cuộc đấu tranh này không đơn giản dễ dàng. Bởi cái xấu, cái tốt, thiên thần và ác quỷ, rồng phượng và rắn rết rất khó tiêu diệt trong ta nêu như chúng ta không có trong lòng ánh sáng mạnh mẽ của luồng tâm, của những phẩm chất cao đẹp soi rọi. Qua truyện nhà văn muốn gửi đến chúng ta lời nhắn nhủ chân thành: Phải biết tự suy xét lại chính mình, tự đấu tranh với cái xấu của bản thân để hướng tới những giá trị chân thiện mỹ, sống với nhau bằng tình yêu thương, lòng độ lượng.

Trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* nói về nghịch cảnh giữa vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa với sự thật éo le của gia đình người hàng chài. Sau khi gặp và nghe người đàn bà nói về cuộc sống của chính mình ở toà án, Phùng mới vỡ ra nhiều điều về cuộc sống và con người. Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều mà chứa đựng nhiều nghịch lí, nhiều mặt đối lập, mâu thuẫn, đừng vội đánh giá con người, sự vật ở dáng vẻ bề ngoài, cần phải phát hiện ra bản chất thực sau vẻ bề ngoài đẹp đẽ của hiện tượng. Phùng nhận ra “*đừng vì*

khao khát cái đẹp nghệ thuật mà quên đi cuộc đời” bởi nghệ thuật chân chính luôn khơi nguồn từ cuộc đời và vì cuộc đời. Trước khi là người nghệ sĩ biết rung động trước cái đẹp thì hãy là người biết yêu, biết ghét, biết vui, biết buồn trước lẽ đời, biết hành động vì những điều tốt đẹp. ***Chiếc thuyền ngoài xa*** nhắc nhở người cầm bút về trách nhiệm của họ với cuộc đời, với số phận của con người: đó là một đứa trẻ đầy hung hãn và lòng căm thù (thằng Phác), đó là người đàn ông độc ác và dữ dằn như quỷ sứ, đó là người đàn bà nhẫn nhục, cam chịu đến vô lí...họ đều là nạn nhân của sự đói nghèo và lạc hậu. Rất nhiều vấn đề của cuộc sống hiện thực được nói tới thông qua cốt truyện mang tính chất luận đề này vừa chân thực vừa mang giá trị nhân bản sâu sắc. Lê Ngọc Chương trong bài viết ***Chiếc thuyền ngoài xa, một ẩn dụ nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu*** đã nhận xét: *“cuộc đời vốn dĩ là nơi sản sinh ra cái đẹp của nghệ thuật nhưng không phải bao giờ cuộc đời cũng là nghệ thuật, và rằng con người ta cần có một khoảng cách để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nghệ thuật nhưng nếu muốn khám phá những bí ẩn bên trong thân phận con người và cuộc đời thì phải tiếp cận với cuộc đời, đi vào bên trong cuộc đời và sống cùng cuộc đời”*.

Kết thúc tác phẩm để lại nhiều suy ngẫm: *“Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kỹ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh... Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hòa lẫn trong đám đông”* [7, 347]. Cuộc sống vốn vậy, vẫn đẹp tươi, vẫn êm ả, nhưng nếu không có tấm lòng để nhận ra những uẩn khúc số phận thì những vẻ đẹp như màu hồng hồng của ánh sương mai kia cũng trở nên vô nghĩa, người nghệ sĩ phải nhận ra sự thật ẩn khuất sau màn sương huyền ảo kia, phải tiếp cận sự thật để nhận ra ý nghĩa đích thực của cuộc sống và con người.

Có thể nhận định tình huống trong truyện Nguyễn Minh Châu dường như không có những mâu thuẫn quá gay gắt, lên đến mức đỉnh điểm,

nhưng nó lại buộc nhân vật phải sống trong những suy nghĩ, dằn vặt. Chính vì vậy mà tình huống truyện của Nguyễn Minh Châu cũng trở nên độc đáo hơn, sâu sắc hơn. Đặt nhân vật vào những tình huống có tính cá biệt, Nguyễn Minh Châu chủ yếu đi phân tích cái thế giới bên trong con người làm nổi bật lên cái phong phú, phức tạp của đời sống con người. Việc tạo ra nhiều tình huống khác nhau, nhà văn muốn hướng tới thể hiện một cuộc sống toàn diện, thể hiện tư tưởng và cái nhìn nhân bản sâu sắc của nhà văn muốn gửi đến bạn đọc.

3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

Khảo sát hệ thống nhân vật trong truyện ngắn sau năm 1975 của Nguyễn Minh Châu, thấy được những thay đổi căn bản trong nghệ thuật xây dựng nhân vật. Đặc biệt từ những năm 80 với sự đổi mới trong quan niệm về con người, Nguyễn Minh Châu đã có những bước chuyển mạnh mẽ trong nghệ thuật xây dựng nhân vật. Từ nhân vật đóng vai trò của những khách thể với tính cách định hình trong các sáng tác trước năm 1975, chuyển sang vai trò chủ thể trong các sáng tác sau 1975 với những bí ẩn khôn lường, những diễn biến phức tạp của quá trình vận động tâm lý, tính cách. Từ đổi mới quan niệm nghệ thuật về con người Nguyễn Minh Châu đã xây dựng nhân vật từ góc độ nhân bản.

3.2.1. Sử dụng độc thoại nội tâm

Trong giai đoạn văn học 1945-1975, do hoàn cảnh của kháng chiến trường kì nên con người được đặt trong những không gian xã hội, trong mối quan hệ với hoàn cảnh lớn của lịch sử dân tộc. Nhân vật mang tính sử thi, sống cho cộng đồng là chính nên ít có điều kiện và nhu cầu sống riêng với bản thân mình trong những suy tư, trăn trở của đời sống nội tâm. Đó là những con người có lí tưởng và có phẩm chất cách mạng cao đẹp, có hành động anh hùng, những con người xã hội được nhà văn tiếp cận theo khuynh hướng sử thi, những tính cách nhân vật đang dần bộc lộ hướng ngoại. Do vậy mà các nhân vật của Nguyễn Minh Châu trước 1975 cũng ít khi được miêu tả thật sâu trong đời sống nội tâm.

Từ sau 1975, hướng tới con người trong bản chất người- giá trị nhân bản, trong những mối quan hệ phức tạp của thế giới tương quan, nhà văn không thể chỉ đóng vai trò khách quan, đứng ngoài quan sát, miêu tả nhân vật chỉ bằng những hành động hướng ngoại, mà còn phải thể hiện sao cho nhân vật trở thành “*chủ thể tự nó*”, tự soi chiếu, phán xét bởi ý thức hướng nội. Hơn bao giờ hết, thủ pháp độc thoại nội tâm càng tỏ ra hữu hiệu, giúp Nguyễn Minh Châu phơi bày nội tâm nhân vật, mô tả nó từ bên trong, len lỏi vào bề sâu tâm lí nhân vật với những diễn biến phức tạp, phong phú, bí ẩn của nó. Những sáng tác sau năm 1975 của Nguyễn Minh Châu sử dụng độc thoại nội tâm như là một thủ pháp chính trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, đặc biệt là biểu hiện tâm lí nhân vật, thể hiện ý tưởng và mục đích sáng tác của mình. Và những sáng tác của ông khi được sử dụng độc thoại nội tâm đã thể hiện được những thành công rõ rệt. ***Bức tranh*** là một trong những truyện ngắn tiêu biểu mà Nguyễn Minh Châu thể hiện đối thoại trong độc thoại nội tâm để thể hiện đời sống tâm lí nhân vật.

Trong truyện ***Bức tranh*** người họa sĩ dừng cảm nhìn nhận thẳng vào lòng mình, tự đối thoại với mình, họa sĩ như đang chịu một sự phân thân dữ dội, gay gắt: một nửa con người của ông, phần khuất lấp trong bóng tối, phần chất chứa “*rắn rết*” và “*ác quỷ*” lên tiếng biện hộ cho mình. Qua độc thoại nội tâm, nhân vật họa sĩ đã hiện lên trước mắt người đọc không chỉ là một bài học tư tưởng mà còn là một nhân cách trong quá trình đấu tranh tự hoàn thiện. Khi người họa sĩ nhìn thấy bức tranh của mình treo trên tường, thấy một bà cụ bị loà và nhất là khi thấy người thợ cắt tóc thì người họa sĩ bỗng chột dạ và nhớ lại tất cả sự việc đã xảy ra tám năm về trước. Tất cả tưởng như đã bị chôn vùi, ấy vậy mà bỗng chốc nó lại bị đánh thức, sống dậy làm đảo lộn đời sống nội tâm của người họa sĩ. Và từ đây những dòng độc thoại nội tâm được hình thành. Qua từng dòng độc thoại nội tâm của người họa sĩ, người đọc như hiểu

ra tâm thảm kịch mà do sự thiếu lương tâm và vô trách nhiệm của người họa sĩ đã gây ra một nỗi đau lớn cho gia đình người chiến sĩ: *“Đồ dối trá, mày hãy nhìn coi bà mẹ tao khóc đã loà cả hai mắt kia! Bây giờ thì tâm hình tao đã được trưng lên các tạp chí hội họa của khắp các nước. Người ta đã trân trọng ghi tên mày bên dưới, bên cạnh mấy chữ: “Chân dung chiến sĩ giải phóng” thật là danh tiếng quá!(...) Vì mục đích phục vụ số đông của người nghệ sĩ cho nên anh quên tôi đi hả...có quyền lừa dối tôi hả? Thôi, anh bước khỏi mắt tôi đi. Anh cút đi!”* [7, 127].

Cuộc độc thoại nội tâm của người họa sĩ diễn ra quả là căng thẳng và gay gắt. Cuộc đối thoại lần thứ hai trong nội tâm của người họa sĩ diễn ra khi anh quay trở lại cái quán cắt tóc. Khi từng mảng tóc trên đầu rớt xuống mà người họa sĩ có cảm giác như anh đang bị người thợ giải phẫu não mà không đánh thuốc mê. Lần độc thoại này có vẻ như không gay gắt như lần trước nhưng nó thực sự là cuộc tra tấn lương tâm vô cùng quyết liệt trong lòng người họa sĩ: *“Tôi xin nhận đã gây thêm đau khổ cho bà mẹ anh. Tôi đã lừa dối anh. Tôi đã thu thêm được tiền và tiếng tăm trên sự đau đớn của anh. Bây giờ anh cứ trừng phạt tôi. Anh xử tôi thế nào cũng được!”* [7, 133-134]. Những lời độc thoại rất đa dạng, phong phú khi nhà văn sử dụng linh hoạt những câu dài ngắn khác nhau. Từ đó nhà văn làm bật lên tâm trạng của người họa sĩ. Câu văn xuất hiện như có hai người, một người hỏi, một người trả lời, một người thú tội còn một người tha tội. Nhưng thực tế thì không có ai hỏi cũng không có ai trả lời, không có người thú tội cũng không có người tha tội. Cuộc hội thoại diễn ra âm thầm trong tâm hồn người họa sĩ. Nhờ độc thoại nội tâm mà bản chất người họa sĩ cứ dần hé lộ ra. Trong con người anh ta có cả phần tốt đẹp và cả những chỗ còn khiếm khuyết, cả phần ý thức và vô thức. Nhưng nổi bật lên vẫn chính là cái cảm giác đầy tội lỗi của người họa sĩ. Dù rằng đã nguy trang dưới cái vẻ ngoài bình thản, nhưng thái độ im lặng của người thợ cắt tóc khiến cho lòng người họa sĩ càng thêm dữ dội. Nhờ có độc

thoại nội tâm mà cái bộ mặt thật của người họa sĩ được phơi bày. Qua độc thoại nội tâm, nhân vật người họa sĩ như một nhân cách trong quá trình đấu tranh tự hoàn thiện mình.

Trong *Cổ lau*, khi chứng kiến sự đau đớn đến tột cùng của Phi Phi- người yêu chiến sĩ là đồng đội của Lực mà chính Lực đã làm anh phải hy sinh, thì trong lòng Lực trào lên liên tục những câu hỏi tự chất vấn lương tâm mình. Sự ám ảnh của tội lỗi đã khiến Lực không thể ngồi yên lặng thình như không biết, anh muốn trải lòng mình ra. Dòng độc thoại cứ thế tuôn chảy trong tâm tưởng của Lực với một thái độ dứt khoát của sự sám hối và tự lên án mình. *“Tại sao tôi đã giết Phi, người chiến sĩ liên lạc của tôi(...)Giá lúc bấy giờ, trước đó chỉ mấy phút người chiến sĩ khôn ngoan hơn biết mím miệng đừng có góp lời bình luận về trận tập kích thất bại hoặc bình luận sau lưng mà không nói ra trước mặt tôi như mọi người vẫn làm, hoặc giả anh là một kẻ lính dốt nát chỉ biết tuân lệnh ngoài ra chẳng biết gì, không nói trúng vào những điều tôi đang muốn giấu”* [7, 512]. Lực thấy lòng mình day dứt. Những dòng độc thoại với những câu văn dài vang lên, dày vò anh làm lòng anh dâng trào lên một cảm giác ăn năn, hối lỗi. Ở trong Lực, cái phần tốt đẹp đang vùng lên mạnh mẽ. Để rồi cuối cùng anh quyết định nói ra hết tất cả cho dù sự thật đó là quá phũ phàng. Sau khi anh gặp lại người cha trong hiệu ảnh: *“Tình cảm cùng bốn phận sẽ bắt tôi phải trở lại đây với ông già tôi...Rồi thì cũng như mọi người khác, tôi vẫn không thể đi trốn khỏi được số phận, tôi không thể đi trốn khỏi được cuộc đời mình một khi mà tôi đang còn sống, mặc dầu trong ý nghĩ của hai người thân nhất đời tôi thì tôi đã chết”* [7, 469].

Trong *Phiên chợ Giát*, Lão Khúng nói chuyện với con bò, với con trai lão nhưng thực ra là lão tự nói với chính mình. Lão Khúng tự hỏi mình về giấc mơ thứ nhất: *“Ai? Ai đã giết con khoang đen nhà lão, người bạn đời của lão? Lão nào? Thằng già chết tử chết tiệt nào, đứa thần trùng nào, bọn trộm cướp giết người của dân kẻ bãi hay sơn tràng nào?”*. Sau đó lão Khúng tự

bạch: “ *Thì lão chứ ai! Đứa hung thần là lão Khúng chứ ai! Kẻ nâng chiếc búa tạ lên đánh vào đầu con vật là lão chứ ai*” [7, 570]. Lão nói chuyện với con bò về ngôi sao nhưng thực ra là nói với mình: “*Đi, đi! không có việc gì cả đâu, đi đi, không phải tao cười mày. Hi...hi tao đâu dám cười mày? Đây là tao đang cười những ông sao trên trời! Vua chúa hoặc đại thần danh tiếng của thời nay cả đây!*” [7, 594]. Lão nói với Dũng- con trai lão: “*Con ơi, giá những ngày còn sống con mặc quân phục chụp gửi về cho bố một bức ảnh để bố bày lên bàn thờ của con lúc này...Uống đi, con! Ngày xưa bố cấm mày nhưng rồi mày vẫn uống, húp xoàn xoạt như húp canh rồi nhăn răng ra cười, rồi sặc, rồi nói lung tung với mấy đứa em...Từ đấy mẹ mày đe tao;...ừ, mà bây giờ mẹ mày cũng chẳng đe tao nữa. Bố cũng chẳng cấm nữa! Uống đi, uống đi con!*” [7, 589-591]. Những lời độc thoại nặng trĩu bởi tâm trạng của lão Khúng, như một sự trách móc nhẹ nhàng hay lời nhận lỗi với đứa con trai. Lòng lão đang chùng xuống bởi nỗi đau đớn khi mất con. Mất Dũng lòng lão trống trải cô đơn quá. Nhưng chính những lời độc thoại này ta có cảm giác gần gũi hơn cái khoảng cách giữa người con trai đã chết với lão Khúng. Trong lòng lão, Dũng dù không phải là con trai ruột nhưng lão luôn coi nó như con đẻ và Dũng vẫn còn sống mãi trong tình yêu thương của lão Khúng.

Trong truyện ngắn **Hạng**, Nguyễn Minh Châu sử dụng thủ pháp độc thoại nội tâm để khắc họa tính cách nhân vật Hạng. Hạng là người hiểu rõ nội tâm mình như một nhà giải phẫu thuộc lòng những bộ phận trong cơ thể đã tự lột tả quá trình tha hóa nhân cách và sự khủng hoảng tinh thần của anh ta qua dòng độc thoại. Khi anh ta soi cái luật sống khôn ngoan của mình vào tấm lòng trung hậu, chân thành của người thủ trưởng cũ thì cuộc đấu tranh nội tâm luôn được diễn ra, luôn diễn vật trong con người khôn ngoan và trái đời ấy. Hạng luôn bị phân thân trong những cuộc tự đối thoại, anh vừa đóng vai quan tòa, vừa là luật sư bào chữa lại vừa là nạn nhân của chính mình. Một bên vang lên tiếng nói biện hộ: “*Tôi vẫn là cán bộ, một người cộng sản, đang chiến*

đấu cho lí tưởng cộng sản!”, một bên là lời kết tội đầy nghiêm khắc: “*Thực chất bây giờ anh là một con lợn! Anh tự tin vào cách sống mới của anh chừng nào thì dãi dớt bọc lấy người anh nhiều chừng nấy*”. Qua độc thoại và đối thoại trong nội tâm nhân vật, Nguyễn Minh Châu đã khám phá chiều sâu tâm hồn con người với cả ánh sáng và bóng tối, những giằng xé trong quá trình tự nhận thức và tự hoàn thiện mình.

Qua quá trình độc thoại nội tâm, con người sẽ dần đưa mình hướng tới một sự hoàn thiện của bản thân. Điều này được thể hiện rõ trong nhiều tác phẩm khác như *Bến quê*, *Khách ở quê ra*, *Mùa trái cóc ở Miền Nam*, *Sống mãi với cây xanh*... Nhờ có độc thoại nội tâm, nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu hiện lên phong phú, sinh động, có đời sống nội tâm. Và mỗi nhân vật đều mang những vẻ đẹp riêng. Sử dụng độc thoại nội tâm để đi sâu vào chiều sâu bản chất đời sống tâm lý con người không phải là sáng tạo riêng của Nguyễn Minh Châu. Trước và sau ông cũng có những nhà văn thành công trong việc sử dụng độc thoại nội tâm. Thủ pháp xây dựng nhân vật bằng độc thoại nội tâm trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu tuy không phải là mới mẻ nhưng ông đã sử dụng chúng một cách đặc địa với xuất phát điểm là sự đổi mới quan niệm về con người để tạo nên những nhân vật có khả năng đắm vào trí nhớ độc giả.

3.2.2. Miêu tả tâm lí nhân vật

Trong các sáng tác trước 1975, các nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu được xây dựng với đầy đủ tên tuổi, ngoại hình, hành động, suy nghĩ... nhưng vẫn chưa có một chiều sâu tâm lí đích thực. Sau 1975, với quan niệm đổi mới về nghệ thuật muốn khám phá con người toàn vẹn, sinh động với bản ngã đích thực của nó, nhà văn ngày càng chú ý hơn đến việc miêu tả những vận động tâm lí phức tạp bên trong con người. Bởi lẽ khi các tác giả tập trung sự chú ý vào quá trình hình thành cá tính, tính cách của con người tất yếu sẽ dẫn đến sự tăng cường yếu tố phân tích tâm lí và

khắc họa cá tính nhân vật. Khi miêu tả tâm lí nhân vật, nhà văn thường để cho nhân vật tự ý thức về bản thân mình trong những mối quan hệ với xung quanh, tự mình bộc lộ với chính mình với những suy nghĩ và cảm xúc chân thực nhất.

Trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu, những chi tiết tâm lí xác thực, tinh tế và những chi tiết ngoại hình gắn với ý thức và quá trình tự ý thức của nhân vật ngày càng được sử dụng nhiều hơn, tạo hiệu quả nghệ thuật sâu sắc hơn. Nhà văn đặc biệt chú ý những chi tiết miêu tả tâm lí con người trong những ranh giới mập mé trên bờ vực của sự lựa chọn hoặc trong những tình thế éo le của cuộc sống.

Trong *Bức tranh*, tâm lí hồi hộp của người họa sĩ trong những lần trở lại quán hớt tóc, nửa muốn vào, nửa muốn trốn chạy đã được tác giả miêu tả hết sức tinh tế. Xấu hổ và sợ hãi, mỗi lần chớm đến nơi ông lại đạp xe vụt qua. Lần cuối cũng vậy, chỉ cần “*nhấn mạnh chân vào bàn đạp cho bánh xe lăn thật nhanh như mọi lần*” [7, 132] hoặc một câu trả lời “*không ạ!*”, ông sẽ không phải tự đưa mình vào tình thế khó khăn khi phải đối mặt với người thợ cắt tóc. Trong cái giây phút tích tắc của sự lựa chọn mà nếu chỉ “*gieo thêm một chút xíu yếu đuối*” [7, 132] anh sẽ tiếp tục bỏ chạy, đồng nghĩa với việc đã thất bại trong cuộc đấu tranh với chính mình.

Trong *Cỏ lau*, chỉ vì những lời bình phẩm người lính trinh sát mà Lục đã có một quyết định sai lầm dẫn đến cái chết đầy oan uổng của anh ta. Tác giả đã miêu tả rất xác thực trạng thái tâm lí phức tạp sau đó của Lục khi anh lâm vào tình thế bất lực không thể rút lại được quyết định của mình “*chỉ vì một con giận với người khác, lại một chút tư thù đầy nhỏ nhen với người lính mà tôi đã đưa người lính đi vào chỗ chết*” [7, 513]. Sau này, Lục đã phải trả giá cho sai lầm của mình bằng sự dằn vặt đau đớn trong lương tâm. Khi đứng trước mộ của Phi, anh đã quyết định tự thú tất cả “*tôi quyết định nói hết (...) tại sao tôi đã giết Phi người chiến sĩ liên lạc của tôi (...) Giá lúc bấy giờ (...)*

Hoặc giả trước đó” [7, 512] nhưng rồi lại bất lực không thể nói ra những suy nghĩ của mình trong không khí trang nghiêm và đầy thiêng liêng xúc động của nghi thức tang lễ “ *Trong không khí trang nghiêm và đầy xúc động, tôi chỉ có quyền được phép ăn nói và hành động theo thủ tục nghi lễ. Tôi bất lực không thể quay ngược vòng quay đầy nghiêm ngặt của một cái guồng máy nghi thức đang cuốn theo hết tất cả mọi người (...) hãy đừng làm người sống đau khổ hơn*” [7, 513- 514] . Những chi tiết tâm lí xác thực như vậy đã giúp nhân vật trở nên sống động hơn trong chiều sâu tâm lí phức tạp ở những khoảnh khắc quan trọng của cuộc đời.

Trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, nhân vật Quý là một người đàn bà có sức chinh phục và quyến rũ mạnh mẽ, bản tính đầy kiêu hãnh, những tưởng Quý có thể đứng lên trên mọi thứ tình yêu. Vậy mà chính chị lại bị đánh đổ bởi vẻ mặt lạnh lùng, đưng đưng không hề mảy may xúc động của người trung đoàn trưởng dững cảm. Khi tình yêu hiện hình bằng xương bằng thịt bên chị, chiều chuộng, âu yếm, chị lập tức cảm thấy hẫng hụt bởi những trần trụi đời thường. Cái cảm giác của chị khi phải chịu đựng bàn tay dập dính mồ hôi của người yêu quả là một chi tiết tâm lí đặc sắc: “*mỗi lần anh ấy đặt bàn tay lên vai, lên mái tóc tôi, tôi phải tự nghĩ thầm trong lòng rằng đó là bàn tay của anh ấy, người mình đang dốc lòng yêu, bàn tay của một người mà mình đã thấy không thể thiếu được trong cuộc đời, tuy vậy vẫn không thể xua đuổi cái cảm giác dập dính trên bờ vai và mái đầu. Rồi dần dần, dường như tôi phải chịu đựng cái tật ra mồ hôi của anh ấy, biết là anh ấy chẳng có tội vạ gì cả*”[7, 152- 153]. Hóa ra người ta có thể vượt qua mọi trắc trở, hiểm nguy để đến với tình yêu nhưng có lúc lại bất lực buông xuôi từ bỏ bởi những nguyên nhân vớ vẩn, nhỏ nhoi nào đó. Chỉ đến lúc cái chết sắp cướp đi tất cả, từ tài năng trí tuệ, tâm hồn đến bàn tay dập dính mồ hôi của anh, lúc ấy tình yêu của Quý mới lại bùng lên lần thứ hai, dữ dội và điên dại, dẫu muện màng và bất lực. Nguyễn Minh Châu đã phân tích diễn biến tâm lí

của Quỳnh một cách tinh tế và chân thực, một con người có tâm hồn cao đẹp và cá tính mạnh mẽ hóa ra lại luôn luôn bất lực. Chị đã bất lực khi cố thuyết phục người khác và chính mình tin rằng chị đang hạnh phúc nhưng cái áp úng của chị khi nói về chồng đã bộc lộ tất cả những bất ổn trong tâm hồn người đàn bà nhiều khát vọng. Nguyễn Minh Châu đã phân tích diễn biến tâm lí của Quỳnh một cách tinh tế và chân thực, một con người có tâm hồn cao đẹp và cá tính mạnh mẽ hóa ra lại luôn luôn bất lực. Chị bất lực trước sự tàn khốc của chiến tranh khi muốn đem tình yêu mãnh liệt của mình cứu anh khỏi cái chết.

Trong *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu đã miêu tả những diễn biến tâm lí xác thực của nhân vật. Sau khi chứng kiến việc thằng Phác giang tay quật chiếc thắt lưng có đầu sắt vào giữa ngực bố thì người mẹ thấy vô cùng đau đớn, nhục nhã “*Miệng máu máu gọi, người đàn bà ngồi xếp xuống trước mặt thằng bé, ôm chầm lấy nó rồi lại buông ra, chấp tay vái lấy vái để rồi lại ôm chầm lấy*” [7, 336]. Vì sao người đàn bà hàng chài ấy lại cam chịu gần như là nhẫn nhục trước những trận đòn gần như là vô lí của gã chồng như vậy? Một loạt câu hỏi được đặt ra và kèm theo những lời thuyết phục đầy nhiệt tình của người chánh án, người đàn bà lại trả lại bằng một giọng van xin: “*người đàn bà hướng về phía Đẩu, tự nhiên chấp tay lạy vái lia lia: Con lạy quý tòa. Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó*” [7, 342]. Đến lúc này trước sự ngạc nhiên sững sờ của vị chánh án và anh phóng viên nhiếp ảnh, người đàn bà vừa mới sợ sệt van xin bỗng chốc hiện ra một người từng trải, hiểu biết cuộc đời và chính chị là người thức tỉnh cho vị quan tòa nọ bằng những lời lẽ đầy chiêm nghiệm.

Cuộc trò chuyện với người đàn bà hàng chài đã khiến cho “có một cái gì đang vỡ ra trong đầu vị bao công phổ huyện” và cả ở nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh Phùng. Đó là sự thức tỉnh với chính mình, để từ bỏ cái nhìn đơn giản, nặng về duy ý chí trước cuộc đời và con người, cùng với nó là những ảo tưởng về sự thay đổi dễ dàng cho cuộc sống của người dân sau khi được cách mạng giải

phóng. Những người lính như Đẩu từng góp phần vào việc giải phóng cho nhân dân khỏi cách xâm lược, nhưng họ lại chưa có cách gì để giải phóng cho những người dân lao động ấy thoát khỏi cảnh sống lam lũ, cay cực và cả sự tăm tối. Thức tỉnh ở nhân vật Đẩu cũng chính là một trường hợp mang ý nghĩa biểu trưng mà Nguyễn Minh Châu muốn qua đó để thức tỉnh xã hội, thức tỉnh mọi người cần vươn lên, từ bỏ cách nhìn và lối nghĩ giản đơn, dễ dãi, để nhìn thấu cái phức tạp đa đoan của hiện thực cuộc đời, trong đó còn không ít những nghịch lí những bóng tối. Như vậy, tình cảm và tâm lí con người luôn có sự không đồng nhất trong những diễn biến phức tạp của cuộc sống.

Không chỉ chú ý đến những chi tiết gắn với những giây phút nghiệt ngã của số phận nhân vật, nhà văn cũng đã nắm bắt và miêu tả thành công những nét tâm lí đời thường rất thực và quen thuộc. Đó là tâm lí của một cô con gái đã có chồng nhưng vẫn còn nhõng nhẽo mà lại hay bắt nạt mẹ (*Mẹ con chị Hằng*), tâm lí tọc mạch cũng như thói độc ác hồn nhiên vô tư của những người đàn bà trong một khu tập thể (*Đứa ăn cắp*) hay tâm lí lo lắng dấy chuyền của mọi người trong phản ứng trước tin đồn con chó bị bệnh dại (*Lũ trẻ ở dãy K*)...

Tư tưởng nhân bản của Nguyễn Minh Châu được hình thành và phát triển trên cơ sở sự hiểu biết thấu đáo, sâu sắc về con người, đặc biệt là đời sống tâm lý của con người. Chiều sâu bí ẩn của đời sống bên trong con người là cái đích mà ngòi bút của Nguyễn Minh Châu hướng tới để lật xói, khám phá: “*Cần phải mô tả con người tham gia vào các vụ việc với tất cả chiều sâu của tiến trình diễn biến tâm lý và tính cách*” (*Nói về truyện ngắn của mình*). Các nhân vật của Nguyễn Minh Châu đặc biệt là trong những truyện ngắn sau năm 1975, đều được thể hiện trong những trạng thái và quá trình tâm lý không hề đơn giản. Các nhân vật như Hạnh, Thai, Lực và nhất là Quỳ, Khúng đều được soi sáng từ bên trong với tất cả tính phức tạp và luôn vận động của đời sống tâm lý, cả những ám ảnh của tiềm thức vô thức. Ngòi bút miêu tả và

phân tích tâm lý của Nguyễn Minh Châu đã tiếp nối truyền thống chủ nghĩa hiện thực tâm lý của Nam Cao. Sự gần gũi đó được thể hiện đặc biệt rõ ràng trong loại nhân vật tự vấn.

3.2.3. *Khắc họa những chi tiết ngoại hình*

Những nhân vật trong truyện ngắn trước 1975 thường có ngoại hình nếu không đẹp thì cũng dễ nhìn, hầu như không có những chân dung dị biệt như lão Khúng sau này. Những chi tiết ngoại hình cũng rất phù hợp cho việc khắc họa vẻ đẹp lí tưởng của nhân vật. Đôi mắt thăm thẳm của Y Khiêu trong *Nguồn suối*, đôi mắt đen và to của Thận trong *Nhàn mai*, đôi mắt thông minh của Sơn trong *Những vùng trời khác nhau...* chính là “*cửa sổ*” của những tâm hồn giàu tình cảm, trong sáng, cao thượng. Chi tiết “*đôi gót chân hồng hồng, sạch sẽ*” [7, 85], cùng với vẻ đẹp “*giản dị và mát mẻ như sương núi tỏa ra từ nét mặt, lời nói và tấm thân mảnh dẻ*” [7, 85] của Nguyệt trong *Mảnh trăng cuối rừng* được giới thiệu như một lời đảm bảo chắc chắn cho vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, thủy chung của cô.

Trong truyện ngắn sau 1975, nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu được miêu tả với vẻ thô ráp nhưng sống động của cuộc sống thường ngày. Ông thường chú ý khắc họa nhân vật thông qua những chi tiết ngoại hình trong ý thức và quá trình tự ý thức của nhân vật. Bên cạnh việc khắc họa nhân vật thông qua những chi tiết miêu tả diễn biến tâm lí bên trong, Nguyễn Minh Châu cũng đặc biệt chú tâm xây dựng những chi tiết ngoại hình đặc sắc, đặc biệt là hình ảnh của hai bàn tay và đôi mắt. Phần lớn những chi tiết miêu tả ngoại hình trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu đều mang ý nghĩa tượng trưng, ngoại hình không còn là nét vẽ trang trí mà đã trở thành những chân dung tâm lí, tính cách. Nguyễn Minh Châu đã biến một số chi tiết ngoại hình thành những bức họa tự ý thức của nhân vật, đặc biệt đối với những nhân vật hướng nội, khiến cho sự tự nhận thức bản ngã càng trở nên sâu sắc hơn, cái nhìn nhân bản được thể hiện rõ nét hơn.

Chi tiết bàn tay dập dính mồ hôi trong truyện ngắn *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* không phải là nét ngoại hình thuần túy. Đối với người khác, cảm giác này có thể không quan trọng nhưng với một người đàn bà hết sức nhạy cảm, luôn khát khao sự hoàn thiện tuyệt đối như Quỳ, nó trở thành một nỗi khó chịu ghê gớm, luôn dằn vặt tâm hồn chị “*Anh ấy có mồ hôi tay, hai bàn tay lúc nào cũng dập dính. Mỗi lần tôi phải cầm lấy bàn tay anh ấy là lại thấy trên bàn tay mình một cảm giác dập dính và lạnh. Mỗi lần anh ấy đặt bàn tay lên vai, lên mái tóc tôi, tôi phải tự nghĩ thầm trong lòng rằng đó là bàn tay của anh ấy, người mình đang dốc lòng yêu... Tuy vậy, vẫn không thể xua đuổi hết cái cảm giác dập dính trên bờ vai và mái đầu. Rồi dần dần, dường như tôi phải chịu đựng cái tật ra mồ hôi tay của anh ấy, biết là anh ấy chẳng có tội vạ gì cả*” [7, 152]. Chi tiết ngoại hình này là một hình ảnh mang ý nghĩa biểu trưng cho cái chưa hoàn thiện đang tồn tại trong mỗi con người. Bi kịch tình yêu của Quỳ cũng bắt đầu từ đây. Những đau đớn hối tiếc về sự sai lầm và ý nguyện sửa sai sau này của chị cũng từ đôi bàn tay ấy mà ra. Như vậy, đôi bàn tay dập dính mồ hôi không còn là chi tiết ngoại hình đơn thuần mà đã trở thành chi tiết tâm lí, gắn với hành trình nhận thức của nhân vật.

Còn nhân vật Toàn trong *Mùa trái cóc ở miền Nam* là một trong những nhân vật được Nguyễn Minh Châu đặc biệt chú ý khắc họa tính cách qua những chi tiết ngoại hình thật sinh động. Đó là một người với “*hai bàn tay mềm mại, đẹp đẽ ... những ngón tay dài và trắng như ngón tay đàn bà lúc thì đan vào nhau che kín cái vật được cầm, lúc thì những ngón tay duỗi thẳng ra, những đầu ngón ngọc ngậy vờn giỡn cái vật được đặt nằm trên lòng bàn tay*” [7, 532]. “*Toàn nắm lấy tay phải của tôi rất lâu, đầy vồ vập, đầy hồ hởi, mười ngón tay của anh ôm trùm lên và xoắn xuýt lấy bàn tay quen cầm bút vốn rất hay rứt rề hưng lại đầy nhạy cảm của tôi, tưởng chừng mười ngón tay của cái bà tay sắt cứ bấu chặt lấy tôi suốt đời... có ngón tay cứ mát rượi trong những cái vuốt ve, có ngón cứ thít chặt lấy như một sợi dây buộc trong lúc*

ngón tay cái vô cùng rắn chắc cứ quắp chặt vào như mỏ của một con chim ác” [7, 529- 530]. Hai bàn tay đáng sợ ấy cùng với dáng người quái gở nửa người trên mềm oặt như thân rắn nhồi về phía trước, nửa người dưới từ thắt lưng trở xuống vẫn cứng và thẳng đơ như một chiếc compa đã tạo nên sự phản cảm về vẻ điển trai của Toàn, khiến người đọc có cảm giác ghê sợ và kinh tởm hơn cả khi chứng kiến những biểu hiện những tính cách của Toàn. Trong cảm nhận của người kể chuyện, chúng như những chi tiết biết nói, giúp thể hiện thật chính xác bản chất cơ hội cũng như sự giao hoạt đáng sợ của nhân vật.

Trong truyện ngắn **Bức tranh**, bức chân dung tự họa của ông họa sĩ già được đặc tả nhiều lần với “*một cái mặt rất lớn chiếm gần trọn bức tranh...một nửa cái đầu tóc tót rọc như một khu rừng đen bí ẩn và một mái tóc đã cắt thoạt trông như một phần bộ óc màu xám vừa bị mổ phanh ra...một cặp mắt mở to nhìn trừng trừng vào luồng ánh sáng, một cái nhìn khắc khoải, bồn chồn, kinh ngạc và đầy nghiêm khắc...cái khuôn mặt đó thoạt nhìn thật xấu xí và lạ lùng nhưng càng nhìn lâu càng giống tôi. Đó là khuôn mặt của mình, khuôn mặt bên trong của chính mình*”[7, 118]. Bức chân dung này đương nhiên không dùng để tả ngoại hình, cái khuôn mặt xấu xí và lạ lùng với cả bản thân nhân vật, đó là khuôn mặt bên trong đến giờ họa sĩ mới tự nhận ra, là kết quả của quá trình tự “*giải phẫu*” nội tâm, một cuộc “*tự thú*” để nhận thức lại con người của chính mình với những dằn vặt, đau đớn. Với bức họa tự thú, bức họa sám hối, ông đã nhận ra phần rỗng phượng và rần rết ngay trong tâm hồn và tính cách của mình, nhận ra để tự suy nghĩ về chính mình trong quá trình hướng thiện.

Cũng mang tính chất tượng trưng như khuôn mặt trong gương của người họa sĩ nhưng chân dung lão Khúng trong **Phiên chợ Giát** lại là sản phẩm của ảo giác, xuất hiện trong cõi vô thức của con người. Trong giấc mơ thứ nhất, lão thấy mình trong một bộ dạng hết sức khủng khiếp “*thân hình cao*

vóng lại lưng cũng đầy những xương cùn xẩu, mái tóc cắt ngắn cứng như rễ tre, mớ đồ phải, mớ đồ vè phía trước trán, sợi đen sợi trắng loang lổ, mặt mũi gồ ghề, hai con mắt nhìn gờm gờm” [7, 569]. Còn trong giấc mơ thứ hai lão lại thấy mình “lão lại nằm mơ, nhưng khác với lần trước, là chính lão bị đánh bằng búa tạ, chính lão là con bò! Lão tự nhìn mình trong một cái thân hình nửa bò, nửa người, máu mê đầm đìa, mà lão lại vẫn bình thản y như tuân thủ một cái điều đương nhiên mà trong những khi thức lão không hề được biết” [7, 605]. Hai bức chân dung của ảo giác ấy đương nhiên không thể coi là nét vẽ ngoại hình, đó là những hình ảnh tượng trưng cho những giả thuyết tượng trưng về số phận của con người nông dân: Họ vừa có thể là nạn nhân, vừa có thể là hung thần của cuộc sống. Những hình ảnh kì dị lạ lùng miêu tả về ngoại hình ấy mang tính chất phi lí nhưng lại có giá trị biểu đạt hết sức chân thực, giúp nhà văn thâm nhập, phát hiện cái phần sâu kín ẩn náu trong cõi vô thức của con người. Soi rọi tiềm thức sâu kín của con người bằng những ảo giác, Nguyễn Minh Châu đã chỉ ra cả bản tính thiện lẫn cái hoang dã, u tối đầy bản năng của người nông dân, chỉ ra thân phận “nửa bò nửa người” đầy nhọc nhằn tủi nhục đắng cay của họ.

Nguyễn Minh Châu đã tả thật sắc sảo và chân thực Lão Khúng với vai trò là nhân vật tính cách trong *Khách ở quê ra*. Lão Khúng xuất hiện thật ấn tượng với những nét đặc tả về ngoại hình với hai bàn tay “chẳng còn là hình thù một cái bàn tay con người nữa! Hai bàn tay lão đầy những chỗ nổi u nổi cục, các ngón vắn vẹo và bọc một lớp da giống như một thứ vỏ cây, và cả bàn tay lão giống y như một tòa rễ cây vừa mới đào dưới đất lên” [7, 371] và khuôn mặt có “màu nước da tai tái và rám nâu như da thuộc, với những đường nét gãy khúc đầy khắc khổ, với những khoảng lõm lõm y như những tảng đất cày đắp lên, và từ sau hàng lông mày rậm rì và cứng, lúc nào cũng chiếu ra chung quanh một cái nhìn ngang bướng và đầy ngờ vực” [7, 395]. Ngắm nhìn lão Khúng, người cháu họ phát hiện ra từ trong bản chất, lão là

một người nông dân có một tình yêu mãnh liệt đối với đất đai, hết sức có trách nhiệm với gia đình, dòng họ, mang trong mình tất cả những đặc tính cố hữu của một lão nông điển hình. Đó là một chân dung đích thực của một lão nông dân lam lũ và kiên cường, là hòn đá tảng vừa vững chãi vừa kiên cố, là chân dung điển hình của mọi tính cách nông dân luôn hoài nghi, bảo thủ, nhất nhất chỉ tin vào bản thân mình.

Bức chân dung vợ chồng người chài lưới trong *Chiếc thuyền ngoài xa* cũng được tác giả miêu tả bằng những chi tiết hết sức sống động: “Người đàn bà trạc ngoài bốn mươi, một thân hình quen thuộc của đàn bà vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rỗ mặt. Khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ. Người đàn ông đi sau. Tầm lưng rộng và cong như một chiếc thuyền. Mái tóc tổ quạ. Lão đi chân chữ bát, bước từng bước chắc chắn, hàng lông mày cháy nắng rủ xuống hai con mắt đầy vẻ độc dữ lúc nào cũng nhìn dán vào tầm lưng áo bạc phếch và rách rưới, nửa thân dưới ướt sũng của người đàn bà” [7, 335]. Họ đều là những con người lao động nghèo khổ, ngoại hình đã phần nào nói lên cái lam lũ, vất vả của họ nhưng điều đáng nói là đằng sau vẻ ngoài xù xì, thô kệch ấy là một thế giới nội tâm hết sức phong phú. Những chi tiết ngoại hình ấy có vai trò như một yếu tố gây chú ý, thu hút tạo nên nhu cầu khám phá, nhận thức ở người đối diện.

Cùng với việc tăng cường sử dụng độc thoại nội tâm, chú trọng khắc họa những chi tiết tâm lí xác thực, tinh tế và những chi tiết ngoại hình gắn với ý thức và quá trình tự ý thức, nhà văn đã giúp cho nhân vật của mình vừa có chiều sâu tâm lí phong phú, vừa cho thấy được sự phức tạp của muôn mặt đời thường.

3.3. Giọng điệu

Khi đi vào cuộc sống của những con người đời thường, thâm nhập vào cái bên trong đầy bí ẩn nhưng chứa đựng cái bản ngã của mỗi người, Nguyễn Minh Châu đã thay đổi giọng điệu trần thuật: Lúc thì thân tình suồng sã, lúc thì

hài hước kín đáo, lúc thì nghiêm nghị khắt khe, lúc lại đôn hậu ấm áp. Tùy theo từng kiểu người mà giọng điệu của nhà văn biến đổi linh hoạt cho phù hợp. Tuy nhiên, giọng điệu chủ đạo trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975 là: giọng ngậm ngùi, xót xa thương cảm; giọng trầm trở, triết lý, chiêm nghiệm. Sự thay đổi từ một giọng sang đa giọng trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975 có căn nguyên từ những đổi mới trong quan niệm nghệ thuật về con người. Đứng trước những vấn đề xã hội nhân sinh mới mẻ đòi hỏi nhà văn phải có những cách tiếp cận mới, những cách giải quyết mới khác với thời chiến để dẫn người đọc thâm nhập vào cái bên trong đầy bí ẩn, chứa đựng cái bản ngã của mỗi người trong những mặt đối lập, đa tính cách.

3.3.1. Giọng ngậm ngùi, xót xa thương cảm

Giọng điệu này chi phối khá nhiều trong mạch kể ở truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu và được miêu tả thành công nhất trong thiên truyện cuối cùng *Phiên chợ Giát*. Hành trình bán con Khoang đen diễn ra trong vài tiếng đồng hồ từ tối đến sáng là hành trình thức nhận đầy đau đớn về cuộc đời của lão Khúng. Bằng giọng điệu xót xa thương cảm, Nguyễn Minh Châu dường như đang đau cùng với nỗi đau của lão “...con vật ngược cặp mắt đầy nhẫn nhục và sầu não lên nhìn lão Khúng. Đó là cái nhìn của một sinh vật tự nguyện chấp nhận số phận” [7, 613].

Giọng điệu này cũng đã từng có trong *Mùa trái cóc ở miền Nam*, lúc này giọng điệu xót xa thương cảm không chỉ là sự chia sẻ đau đớn cùng với tấm lòng một người mẹ mà còn như ẩn chứa một nỗi buồn và âu lo khắc khoải về sự băng hoại đạo đức con người. Ở đây nhân vật tôi hay chính nhà văn “cảm thấy lòng mình bị tổn thương nặng nề, và hình như cả con người tôi tự nhiên bị ngập chìm trong lo âu, một nỗi lo âu sao mà lớn lao và đầy khắc khoải về con người” [7, 545].

Trong *Cỏ lau*, để thể hiện tâm trạng, những suy tư trong tâm hồn nhân vật, nhà văn Nguyễn Minh Châu dùng hình thức đan xen, hòa trộn giữa các

giọng văn nhằm khắc họa nỗi thao thức, ngậm ngùi cứ ứ đọng mãi, không biết đến bao giờ mới vơi của nhân vật Lục. Nhất là khi đi bên người vợ cũ, anh cảm thấy lòng ngậm ngùi, một cái gì rất sâu, đầm lại phía bên trong, không thể tỏ bày khiến nội tâm nhân vật thêm sâu sắc: *“Tôi cầm tay Thai dắt quay trở lại. Tôi nhìn đăm đăm ngọn đèn của gia đình ai vừa thấp trong ngôi nhà đất của những người đi khai hoang. Tôi đi sát vào Thai, tìm lại hơi thở cũ, hơi hướng cũ, tìm lại một chỗ trú nấp cho linh hồn mình, vẫn biết một cách đau đớn rằng cuộc sống đã an bài, Thai chẳng dễ thay đổi được hoàn cảnh. Và rồi cuối cùng giữa những hình người đàn bà bằng đá đầy cô đơn giữa trời xanh đứng nhìn xuống một vùng thung lũng đất đai được tưới bón đã trở nên phì nhiêu, có một người lính già sống suốt đời ở đây cùng với một ông bố, trông sấn trên một vạt đất có một ngôi mộ, thỉnh thoảng một mình chèo một chiếc thuyền gỗ xuôi sông Đồng Vôi về làng chơi”*[7, 517- 518]. Ở một đoạn khác, vẫn là nỗi niềm của Lục: *“Chiến tranh, kháng chiến, không phải như một số người khác, đến bây giờ tôi không hề mảy may hối tiếc đã dốc tất cả vào đây cống hiến cho nó, nhưng nó như một nhát dao phạt ngang mà hai nửa cuộc đời tôi bị chặt lìa thật khó gắp lại như cũ. Nhưng đau hơn là hai nửa cuộc đời tôi không bị cắt lìa hẳn. Ông già tôi đã đi qua nỗi mất mát từ bao nhiêu năm nay; giờ ông già tôi đã quên hẳn tôi. Thai cũng vậy, giờ Thai cũng đã có một cuộc đời khác, một người chồng khác với một lũ con cái, nỗi đau khổ ghê gớm vì mất tôi cũng đã qua từ lâu. Vậy cho nên đáng lẽ chỉ còn là một kỉ niệm về người đã khuất, việc tôi đang còn sống đối với gia đình riêng của Thai hiện tại sao bao nhiêu năm vất vả chẳng khác nào một điềm hăm dọa, tôi chẳng khác nào một người khách đến không đúng lúc. Tôi chỉ làm rồi thêm cuộc sống, tôi chỉ quấy rầy số phận đã an bài”* [7, 470]. Ở đây giọng ngậm ngùi xót xa, thương cảm, dằn vặt nhấn mạnh những suy tư, trăn trở thường trực bên trong tâm hồn nhân vật. Lời nhân vật tỏ bày trực tiếp lòng trong lời gián tiếp của người kể chuyện, miên man suốt một đoạn văn dài

nghe ra như một lời trần tình cùng người đọc, mong tìm một sự thấu hiểu, chia sẻ, cảm thông.

Giọng điệu này cũng còn là giọng của chính Nguyễn Minh Châu hòa điệu vào cùng với các nhân vật Quý, Thai... khi chua xót nói về người, về đời và trong truyện ngắn **Mẹ con chị Hằng, Đứa ăn cắp** là giọng xót xa khi nói đến những sự vô tâm của con người trong cuộc sống. Qua suy nghĩ là lời nói của Hằng trong **Mẹ con chị Hằng** ta không khỏi xót xa về sự vô cảm của con người, vô cảm cả với chính người thân trong gia đình khi họ đang gặp nạn “*nếu con Quyên chỉ đánh bức điện vào để lôi mẹ ra bòn rút sức lao động của mẹ, để mẹ giúp nó nấu nướng và trông lũ con của nó, thì mẹ nhớ phải về ngay và luôn thể mẹ bảo nó trả cái áo len cho con...rồi mẹ gói giấy báo cẩn thận, mang về đây hộ con*” [7, 248]. Hay trong lời tự ngẫm của bà mẹ “*đời con người ta vay của cha mẹ rồi trả cho con cái. Cho nên tui cũng không hề phàn nàn con cháu Hằng mô*” [7, 249].

Trong **Chiếc thuyền ngoài xa**, bên cạnh giọng điệu của lão chông thật lạnh lùng, tàn nhẫn với những từ ngữ đầy vẻ tục tằn, hung bạo thì giọng điệu của người đàn bà hàng chài lại thật ngậm ngùi và xót xa khi nói với con, thật đốn đau và thấu trái lẽ đời khi nói về thân phận của mình: “*đám đàn bà hàng chài ở thuyền chúng tôi cần phải có những người đàn ông ở thuyền để chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng dựng một sắp con nhà nào cũng trên dưới chục đứa. Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ. Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình*” [7, 344]. Chỉ qua những lời giải bày thật tình của người mẹ đáng thương đó mới thấy nguồn gốc mọi sự chịu đựng, hy sinh của bà là tình thương vô bờ với những đứa con. Người phụ nữ này có một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ nhưng biết chiu những hạnh phúc đời thường. Sống cam chịu và kín đáo, hiểu sâu sắc lẽ đời nhưng chị không để lộ điều đó ra bên ngoài. Một người phụ nữ có ngoại hình

xấu xí, thô kệch nhưng tâm hồn đẹp đẽ và vẫn mang bóng dáng của người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung, giàu đức hy sinh và lòng vị tha.

Chính giọng điệu ngậm ngùi xót xa thương cảm đã đem đến cho người đọc cái nhìn sâu hơn về con người, chạm vào chiều sâu của nhân bản ở con người.

3.3.2. Giọng trần trở, triết lý, chiêm nghiệm

Với giọng trần trở day dứt, đời sống nội tâm nhân vật được khám phá và khai thác trên những chiều sâu, rộng khác nhau, làm vỡ ra tâm hồn vốn rất phong phú và phức tạp của con người. Làm nên giọng điệu này là sự đan xen uyển chuyển chủ yếu giữa các lời văn trực tiếp của nhân vật, lời nửa trực tiếp-lời tác giả nhưng ý thức, ngữ điệu hướng về nhân vật trong tác phẩm được nói đến, và lời gián tiếp của người kể chuyện.

Sau những gì đã xảy ra, người họa sĩ trong *Bức tranh* không sao yên lòng được khi những mơ hồ về làm lỗi gây tai họa cho gia đình người lính năm nào, cũng chính là người ân của mình, trong anh cứ âm thầm vang lên những câu hỏi tưởng như bất tận: “*Tại sao ngày ấy tôi đã không đưa tấm ảnh đến cho gia đình anh? Tại sao tôi không giữ lời hứa? Mà tôi vẫn còn nhớ, tôi đã hứa với anh và cả với tôi nữa, đình ninh và hùng hồn lắm, và cũng thực tâm lắm chứ?*” [7, 126]. Nỗi day dứt cứ dày vò, ám ảnh, trở thành một cuộc đối chất tự bên trong con người họa sĩ. Cuộc đối chất, tra vấn bên trong cứ tiếp tục chà xát qua sự thay đổi điểm nhìn của nhân vật. Sự tự phân thân của nhân vật cũng tạo ra những góc nhìn khác nhau, bắt con người phải nhận lấy một trách nhiệm phải có trong cuộc sống, không phải chỉ có với người thân. “*Hằng ngày anh vẫn nói đùa một cách độc đáo với bạn rằng: Tạo hóa nặn ra muôn loài bằng một thứ bột nhào riêng khác nhau. Xong rồi mỗi thứ thừa một tí, đem gộp chung tất cả lại, để nặn ra anh?*”, “*Có lẽ thật thế, trong con người tôi đang sống lẫn lộn người tốt kẻ xấu, rỗng phượng lẫn rắn rết, thiên thần và ác quỷ?*” [7, 133]. Những trần trở suy tư được bộc lộ qua lời trực tiếp của nhân vật lẫn lời gián tiếp của người kể chuyện khiến người đọc vừa chua xót vừa cảm thông cho cái gọi là ánh sáng lương tri tỏa ra từ nhân vật. Giọng

trăn trở, day dứt thấm đẫm trong nhiều trang viết của Nguyễn Minh Châu nhằm khẳng định một tiếng nói dịu mềm mà mạnh mẽ của con người đối với con người, giúp lí giải và nhận diện con người thêm sâu sắc.

Trong truyện ngắn *Bức tranh* giọng điệu triết lý thể hiện rõ khi người họa sĩ tự vấn lương tâm của chính mình. Anh ta đã rút ra quan niệm “*sống ở đời cho thế nào thì nhận thế ấy*” [7, 133]. Bóng tối được đặt bên ánh sáng, cái chưa hoàn thiện được đặt bên cạnh cái hoàn thiện- như một cuộc đối chất thâm lặng, không tuyên chiến nhưng cũng không có cơ hội để lẫn tránh lỗi lầm mà mình đã gây ra với người chiến sĩ năm xưa. Đó chính là quá trình tự suy ngẫm, tìm hiểu mình và cũng là tự phán xét lương tâm đạo đức của người họa sĩ trong bức tranh và cho tất cả mọi người. Những luồng sáng được phát ra từ lòng trắc ẩn, từ tâm hồn của một con người, từ tâm linh điệp trùng chiếu rọi để phân tích và để nhận biết, thanh lọc và khẳng định niềm tin mãnh liệt vào khả năng thức tỉnh lương tri, khả năng hướng thiện của con người. Chính triết lý “*Xin mọi người hãy tạm ngừng một phút cái nhịp sống bận bịu, chen lấn để tự suy nghĩ về chính mình*” [7, 134] đủ để cho chúng ta xem lại chính bản thân mình.

Đến *Mùa trái cóc ở Miền Nam*, giọng điệu triết lí, chiêm nghiệm này chùng xuống ở trạng thái suy ngẫm gắn với nỗi lo âu lớn lao và đầy khắc khoải về con người và cách sống của mỗi người “*Cả người mẹ đang ở đâu thấp thoáng trước mặt tôi lúc này cũng chỉ có một mình. Con người có những lúc rất cần cô độc, cũng là đi trốn cái thế giới loài người đầy nhiễu sự và cũng để sống hết với con người mình*” [7, 546].

Giọng điệu triết lý, chiêm nghiệm còn có ở Quỳ trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*: “*Hóa ra cuộc sống từ bao đời nay đã là như thế, con người là sự kết tinh của những tinh hoa. Tôi ngạc nhiên đến sững sờ trước sức tưởng tượng của người thợ chạm gỗ, bất chợt trong giây phút đã mách bảo cho tôi thấy trí tuệ và niềm mơ ước của nhân dân là không bao giờ mất được, là bất tử...*” [9, 163]. Đó là phát hiện của Quỳ, của tác giả Nguyễn

Minh Châu về “tiềm năng” của con người. Họ vốn dĩ bình thường nhưng cũng có những phi thường. Và trong hành trình của đời mình Quỳ cũng đã nhận ra rằng “*cuộc đời không có thánh nhân, cũng như không có một người nào mà tâm hồn hoàn toàn không thể cứu chữa được*” [9, 201].

Ở **Dấu vết nghề nghiệp**, chất giọng triết lý ẩn sâu trong “*cái sự nghiệt ngã và tình người trong bóng đá*” [7, 319]. Một đời bắt bóng, một đời được vinh danh trên sân cỏ, người thủ thành ấy, trong những giây phút còn lại hiếm hoi của cuộc đời đã nghiệm ra rằng “*Con người ta thường xuyên không hoàn hảo nhưng có những khoảnh khắc hoàn hảo*” [7, 315] và “*Ai chưa từng sống nhiều không thể hiểu được trong đời người ta thỉnh thoảng có những lúc như thế, không còn một tí chút nào hoàn hảo*” [7, 320].

Trong **Bến quê**, chất giọng triết lý được thể hiện rõ trong những thao thức của Nhĩ về một bến đỗ bình an và hạnh phúc của đời người. Nhĩ không phủ nhận tất cả những gì anh đã đi qua và cống hiến nhưng thoáng trong mạch trần thuật người đọc vẫn nhận ra ở đó chút u hoài, pha lẫn niềm nuối tiếc, xót xa của một người “*cuối đời nhìn lại*” nay chợt nhận ra những giá trị tinh thần đích thực trong những điều giản dị, bình thường. Qua mỗi phút giây bùng nổ của nhân vật, giọng điệu trần thuật lại trầm xuống với nỗi niềm khắc khoải. Nhĩ đã từng đi khắp nơi nhưng anh chưa từng đặt chân đến bãi bồi bên kia sông Hồng mà nay đối với anh đó đã là một điều không thể. Nhĩ đã có gia đình bao nhiêu năm nhưng nay chợt nhận ra một điều rất lạ “*Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên mặc tấm áo vá*” [7, 322]. Dù là một phát hiện lại nhưng cảm xúc vẫn tươi nguyên trong tâm tình của người chồng, người cha thấy hết được ý nghĩa của hai tiếng gia đình “*Nhĩ đã tìm thấy nơi nương tựa trong những ngày này*” [7, 326]. Ở đây, có giọng điệu triết lý chiêm nghiệm của Nguyễn Minh Châu về nhân sinh, những quy luật vĩnh hằng của cuộc sống thông qua bao điều nghịch lý xót xa.

Giọng điệu triết lý, suy ngẫm còn đặc biệt được sử dụng nhiều trong tác phẩm **Phiên chợ Giát** về những dòng hồi tưởng, suy nghĩ về cuộc đời, về thân

phận con người nông dân là lão Khúng. Theo ngòi bút của Nguyễn Minh Châu ta đi tiếp cuộc hành trình trong tâm tưởng của lão Khúng. Và giọng triết lí lại vang lên “*Quả có vậy thực thì đáng buồn thay và có lẽ đấy là luật lệ mới ở trên đời: người có chức quyền không còn giữ được chiếc ghế nữa thì sống cũng như chết, ngôi sao chiếu mệnh cũng tắt*” [7, 595].

Ở *Cỏ lau*, lời nhận định của một lão nông về người đàn bà: “*Đàn bà cũng là đất. Phàm cái gì thấm nước, phải có nước mới sống được đều thuộc về thổ mộc hết (...). Đàn bà phải chứa đầy nước mắt trong người mới là đàn bà. Đàn bà cũng như đất cát màu mỡ, cây cối tốt tươi*” [7, 507-508]. Trong suy nghĩ của người nông dân, cuộc sống con người không tách rời đất và nước. Đàn bà cũng như đất, đàn bà lại chứa đầy nước. Vai trò quan trọng của người đàn bà đối với cuộc sống con người được cảm nhận thật hồn hậu và tự nhiên trong cách suy nghĩ của người nông dân chân chất là vậy. Sống gắn bó với hòn đất, với nghề nông người nông dân ấy còn nhận ra rằng “*Người thành phố sống bằng cửa hiệu còn cái người nông dân chúng tôi sống bằng đất. Mà hòn đất ấy sống bằng cái gì? Đất lại sống bằng cốt nhục của tổ tiên, ông bà, cha mẹ gửi lại. Cái đất ở trong cỏ lau kia còn được tưới bón bằng cốt nhục của anh em bộ đội giải phóng*” [7, 507].

Không chỉ triết lý về hòn đất, người nông dân trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu còn triết lý cả về cách tạo ra con người và nhu cầu cần có con người là cấp thiết như thế nào khi muốn biến mảnh đất rừng thành hòn đất thuộc “*Cái kho người nằm trong bụng vợ chứ ở đâu xa? (...) Không có thật đông người làm sao dọn hết đá? Mà làm ra con người thì khó đếch gì?*” [7, 380- 381] cũng như cái quy luật chung của muôn đời khiến cho mọi người đều giống nhau “*Làm con người đã sống trên đời, anh nào cũng phải ăn cho nên xét cho đến cùng, bụng dạ đều giống nhau cả*” [7, 398] (***Khách ở quê ra***).

Ở đây giọng điệu triết lý không thâm trầm, khắc khoải mà thẳng thắn, tron tuột và đến là giản đơn trong cách nói, cách nghĩ của lão Khúng. Người đọc có thể mỉm cười trước những lời phát biểu “*thẳng như ruột ngựa*” và

không kém phần ngây ngô, buồn cười ấy nhưng có ai dám bảo rằng lời lão Khúng nói là sai. Tuy nhiên giọng điệu triết lý với âm điệu bổng bả, hồn nhiên này không xuất hiện nhiều trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu mà nổi bật lên trong đó vẫn là giọng điệu triết lý, suy ngẫm, phẩm bình trong âm điệu trầm buồn, khắc khoải, tha thiết và lắng sâu. Đó là giọng điệu chủ âm đồng thời cũng là sợi dây liên kết giữa nhà văn và độc giả trong việc cùng suy ngẫm, cùng bình luận để cùng đối thoại về nhiều vấn đề lớn hơn của đất nước và con người Việt Nam ở cả hai giai đoạn trước và sau cuộc đổi mới.

Sử dụng giọng văn mang chất triết lý chiêm nghiệm Nguyễn Minh Châu như muốn chia sẻ những thông điệp khác nhau đó là giọng điệu của con người khi đã trải qua những bước thăng trầm, những ngọt bùi cay đắng của cuộc đời.

Tiểu kết chương 3: Tình huống truyện của Nguyễn Minh Châu sau 1975 dường như không có những mâu thuẫn gay gắt, lên đến đỉnh điểm như trong kịch. Thế nhưng nó lại buộc nhân vật phải sống trong suy nghĩ, dằn vặt và tự nhận thức lại mình. Nghệ thuật xây dựng nhân vật cũng có những bước chuyển mới đó tăng cường độc thoại nội tâm để diễn tả quá trình tự ý thức của nhân vật và đi sâu khám phá thế giới bên trong đầy bí ẩn của con người. Bên cạnh đó, nhà văn cũng chú trọng khắc họa nhân vật thông qua những chi tiết tâm lí xác thực, tinh tế và những chi tiết ngoại hình gắn với ý thức và quá trình tự ý thức của nhân vật. Giọng điệu trong các sáng tác của Nguyễn Minh Châu cũng có sự chuyển hướng từ giọng sử thi với âm hưởng hào hùng, ngợi ca sang giọng chủ âm là ngậm ngùi xót xa thương cảm, giọng trầm trở triết lý chiêm nghiệm để cảm nhận cuộc sống trong nhiều cung bậc và nhận diện con người trong bản chất người.

KẾT LUẬN

1. Trong số những cây bút văn xuôi đương đại ở giai đoạn sau năm 1975, Nguyễn Minh Châu không phải là nhà văn đổi mới đầu tiên nhưng lại giữ một vị trí không thể thay thế trong thời kì đổi mới văn học, vị trí của một trong “*những nhà văn mở đường tinh anh và đầy tài năng*”(Nguyễn Ngọc). Nguyễn Minh Châu là người “*tiền trạm*” xuất sắc của văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới. Ông tìm ra hướng đi mới cho văn học cả trên bình diện nội dung phản ánh lẫn bút pháp thể hiện và đưa ra một cách viết mới: hiện đại mà vẫn đậm đà truyền thống. Từ Nguyễn Minh Châu vấn đề con người với số phận riêng cùng vô vàn những trăn trở âu lo về nhân sinh, thế sự đã được văn học quan tâm khai thác ở cách nhìn mới. Nguyễn Minh Châu xứng đáng “*là người kế tục xuất sắc những bậc thầy của nền văn xuôi Việt Nam và cũng là người mở đường rạch rỡ cho những cây bút trẻ tài năng sau này*”(Nguyễn Khải).

2. Là nhà văn có tâm huyết, có trách nhiệm với nghệ thuật và cuộc đời, Nguyễn Minh Châu luôn tìm hướng đi mới bằng cái nhìn nhân bản. Người đọc không chỉ tìm thấy dấu ấn đậm nét của cái nhìn nhân bản sâu sắc của Nguyễn Minh Châu về hiện thực đời sống và con người trong truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu, mà nó còn là sợi dây tư tưởng xuyên suốt trong toàn bộ sáng tác của ông, từ tiểu thuyết đến truyện ngắn tạo thành một mạch nguồn cảm xúc thấm đượm nhân tình, nhân bản, thống nhất và độc đáo. Với ý thức nhạy bén và sự gắn bó với cuộc sống, Nguyễn Minh Châu đã xới lên những vấn đề của cuộc sống đương đại để vừa rung một hồi chuông cảnh tỉnh vừa khẳng định niềm tin vào con người. Thông qua những sáng tác của mình, ông lặng lẽ đối chứng lại với những quan niệm sơ lược hoặc phiến diện một thời về nhân sinh, thế sự, và hướng sự quan tâm đến số phận con người, đấu tranh cho sự hoàn thiện của mỗi con người.

3. Đọc truyện ngắn sau 1975 của Nguyễn Minh Châu, người đọc cảm nhận được cách cảm, cách nghĩ, cách xử thế của con người nhân bản đời

thường và những nỗi niềm, tâm sự, cái nhìn thấu hiểu cùng những suy tư, trăn trở về cuộc sống bằng tình cảm chân thành, giản dị của nhà văn, người nghệ sĩ đối với cuộc đời, với con người. Nguyễn Minh Châu đã thể hiện cái nhìn nhân bản của mình một cách triệt để, độc đáo và đặc sắc bằng tất cả tài năng, sự nhạy bén trước thời cuộc và bằng chính sự chiêm nghiệm của cả cuộc đời mình. Ông khai thác vốn lịch sử, văn hóa, xã hội, cuộc sống... ở góc độ nhân bản, góc độ con người. Với cái nhìn nhân bản, Nguyễn Minh Châu thể hiện sự cảm thông sâu sắc với những con người bị số phận dồn đẩy vào những bi kịch không thể nào thoát ra được. Chính hiện thực cuộc sống đã thấm qua trái tim nhà văn và đi vào từng câu chữ, từng trang sách, từng số phận nhân vật, để rồi lại hần sâu vào tâm khảm người đọc những chiêm nghiệm về cuộc đời. Có thể nói, mọi cố gắng của Nguyễn Minh Châu về vấn đề đổi mới văn học sau 1975 được bắt nguồn từ cái nhìn đầy tính nhân bản về hiện thực con người và cuộc sống một cách sâu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO**- Tài liệu sách**

1. Vũ Tuấn Anh (1996), “Quá trình văn học đương đại nhìn từ phương diện thể loại”, *Tạp chí Văn học*, số 9.
2. Đào Tuấn Ảnh (2005), “Quan niệm thực tại và con người trong văn học hậu hiện đại”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 8.
3. Lại Nguyên Ân, Tôn Phương Lan (1999), *Nguyễn Minh Châu con người và tác phẩm*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Bình (1995), *Những đổi mới của văn xuôi nghệ thuật sau 1975*, Luận án PTS khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Bình (1999), *Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải- Nhà văn và tác phẩm trong nhà trường*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Bình (2007), *Văn xuôi Việt Nam 1975- 1995 những đổi mới cơ bản*, Nxb Giáo dục.
7. *Tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu* (2006), NXB Văn học, Hà Nội
8. Nguyễn Văn Công (2011), *Những chuyển biến về tư tưởng và bút pháp trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*, Luận văn thạc sĩ văn học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Thị Doanh (2009), *Di cảo Nguyễn Minh Châu*, NXB Hà Nội.
10. Nguyễn Đăng Điệp (2006), *Chân dung các nhà văn Việt Nam hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
11. Nguyễn Văn Hạnh (1993), “Nguyễn Minh Châu và sự đổi mới cách nhìn về con người”, *Tạp chí Văn học*, số 3.
12. Nguyễn Trọng Hoàn (giới thiệu và tuyển chọn) (2001), *Nguyễn Minh Châu- tác giả, tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
13. Dương Thị Thanh Hiền (1997), “Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu”, *Tạp chí Nhà văn*, số 7.

14. Đỗ Thị Hiên (2007), *Ngôn ngữ kể chuyện trong truyện ngắn của Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu*, Luận án tiến sĩ, trường Đại học KHXH&NV.
15. Hoàng Ngọc Hiến (1997), *Nguyễn Minh Châu- từ Bức tranh đến Phiên chợ Giát*, NXB Văn học, Hà Nội.
16. Đoàn Thị Huệ (2010), *Nghệ thuật trần thuật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*, Luận văn thạc sĩ văn học, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Thị Huệ (2000), *Những dấu hiệu đổi mới trong văn xuôi Việt Nam từ 1980 đến 1986 (Qua bốn tác giả: Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng, Nguyễn Mạnh Tuấn)*, Luận án tiến sĩ, Viện Văn học.
18. Nguyễn Thị Thu Huyền (2007), *Hình tượng tác giả trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu sau 1975*, Luận văn thạc sĩ, trường ĐHKHXH&NV.
19. Mai Hương (2005), *Nguyễn Minh Châu tài năng và sáng tạo nghệ thuật*, NXB Văn hóa thông tin.
20. Nguyễn Thị Thu Hương (2007), *Về một số phương diện nghệ thuật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu sau 1975*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.
21. Lê Thị Hường (1995), *Những đặc điểm cơ bản của truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1975-1995*, Luận án tiến sĩ, trường ĐHKHXH&NV.
22. Nguyễn Văn Kha (2003), *Nguyễn Minh Châu- nhà văn chiến sĩ*, NXB Hội nghiên cứu và giảng dạy Văn học TP Hồ chí minh.
23. Tôn Phương Lan (2002), *Phong cách nghệ thuật Nguyễn Minh Châu*, NXB Khoa học xã hội.
24. Tôn Phương Lan (sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu) (2002), *Nguyễn Minh Châu, Trang giấy trước đèn*, NXB khoa học xã hội.

25. Nguyễn Văn Long và Lã Nhâm Thìn (chủ biên) (2006), *Văn học Việt Nam sau 1975- những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
26. Nguyễn Văn Long, Trịnh Thu Tuyết (2008), *Nguyễn Minh Châu và công cuộc đổi mới văn học Việt Nam sau 1975*, NXB Đại học Sư phạm.
27. Nguyễn Văn Long (chủ biên) cùng nhiều tác giả (2010), *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại tập II*, NXB Đại học Sư phạm.
28. Nguyễn Đăng Mạnh (2003), *Nhà văn Việt Nam hiện đại - chân dung và phong cách*, Nhà xuất bản Văn học.
29. Trần Đồng Minh (2000), *Nguyễn Minh Châu trong trường phổ thông*, Báo Tài hoa trẻ số 136 .
30. Nhiều tác giả (2007), *Nguyễn Minh Châu – về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
31. Phạm Duy Nghĩa (2006), *Nhà văn Nguyễn Minh Châu và cảm hứng nhân văn*, NXB Hội nhà văn.
32. Lã Nguyên (1989), “Nguyễn Minh Châu và những trăn trở trong đổi mới tư duy nghệ thuật”, *Tạp chí Văn học*, số 2.
33. Nguyễn Tri Nguyên (1999), *Những đổi mới về thi pháp trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu sau năm 1975*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
34. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2009), *Truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1975-1985*, Luận văn thạc sĩ, trường ĐHSPT Thái Nguyên.
35. Trần Đăng Suyền (2002), *Nhà văn, hiện thực cuộc sống và cá tính sáng tạo*, NXB Văn học.
36. Trần Đình Sử (2002), *Những vấn đề lí luận nghiên cứu văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
37. Trịnh Thu Tuyết (2001), *Sáng tác của Nguyễn Minh Châu trong sự vận động của văn xuôi đương đại*, Luận án tiến sĩ, trường ĐHSPT Hà Nội.
38. Trịnh Thu Tuyết (2000), “Nguyễn Minh Châu với nghệ thuật xây dựng nhân vật truyện ngắn”, *Tạp chí Nhà văn*, số 7.

39. Nguyễn Thị Phương Thảo (2008), *Thế giới nghệ thuật truyện ngắn Nguyễn Minh Châu*, Luận văn thạc sĩ, trường Đại học KHXH&NV.
40. Tuấn Thành và Vũ Nguyễn (tuyển chọn) (2007), *Truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, tác phẩm và lời bình*, NXB Văn học, Hà Nội.

Tài liệu mạng

41. <http://4phuong.net/ebook/47044232/doi-moi-quyet-liet-nguyen-minhchau>.
 42. <http://vietvan.vn/vi/bvct/id1272/Nguyen-Minh-Chau-va-sang-tac-cua-anh/>.
 43. http://khsdh.udn.vn/zipfiles/so21/Nguyễn-Minh-Châu-với-vai-trò-“mở-đường”-trong-công-cuộc-đổi-mới-văn-xuôi-sau-1975huong_hoangthi.doc.
 44. <http://caodanghaiduong.edu.vn/index.php/vi/don-vi-truc-thuoc/Khoa-Xa-hoi/Quan-niem-nghe-thuat-ve-con-nguoi-trong-sang-tac-cua-Nguyen-Minh-Chau-truoc-va-sau-1975-47>.
 45. <http://voer.edu.vn/m/vi-tri-va-nhung-dong-gop-cua-nguyen-minh-chautrong-nen-van-hoc-duong-dai/0ae20985>.
-